

Chương 4

LÝ THUYẾT VỀ HÀNH VI CỦA HÃNG

Phần 1 - Mục đích và yêu cầu của chương

Sau khi nghiên cứu chương này, người học có thể:

- Phân tích và hiểu được các khái niệm về sản xuất, hàm sản xuất, sản xuất trong ngắn hạn, sản xuất trong dài hạn, sản phẩm cận biên, sản phẩm bình quân,...

- Phân biệt được hiệu suất tăng, giảm và cố định theo quy mô.

- Biết cách xây dựng các hàm sản xuất trong ngắn hạn và hàm sản xuất trong dài hạn.

- Nắm rõ khái niệm và các đặc trưng của đường đồng phí và đường đồng lượng.

- Phân tích được cách thức hãng lựa chọn các đầu vào tối ưu để tối thiểu hóa chi phí khi sản xuất tại mức sản lượng nhất định.

- Phân tích được cách thức hãng lựa chọn các đầu vào tối ưu để tối đa hóa sản lượng khi hãng sử dụng một mức chi phí nhất định.

- Biết được cách xác định lợi nhuận và chứng minh được điều kiện tối đa hóa lợi nhuận của một hãng.

Phần 2 - Tóm tắt nội dung lý thuyết

4.1. Lý thuyết sản xuất

4.1.1. Một số khái niệm cơ bản

- *Sản xuất* là một quá trình biến đổi đầu vào thành đầu ra, hoặc là sự tạo thành các hàng hoá và dịch vụ từ các yếu tố đầu vào hoặc các nguồn lực như lao động, máy móc và thiết bị sản xuất khác, đất đai, nguyên liệu thô, v.v...

- *Hàm sản xuất* là một biểu (hay bảng hoặc phương trình toán học) biểu diễn lượng sản lượng tối đa có thể sản xuất được từ những yếu tố đầu vào đã được định rõ, với trình độ công nghệ hoặc thủ công hiện có. Hàm sản xuất có dạng: $Q = f(X_1, X_2, \dots, X_n)$. Chúng ta thường lựa chọn vốn và lao động làm hai yếu tố đầu. Do đó, hàm sản xuất sẽ được biểu diễn là: $Q = f(L, K)$, trong đó L và K lần lượt biểu thị lượng lao động và vốn được sử dụng trong quá trình sản xuất.

- *Hiệu quả kỹ thuật* đạt được khi tối đa hoá được năng lực sản xuất với tập hợp các yếu tố đầu vào nhất định. Định nghĩa về hàm sản xuất cho thấy có thể đạt được hiệu quả kỹ thuật vì hàm sản xuất cho lượng sản lượng *tối đa* có thể đạt được với bất kỳ tập hợp các yếu tố đầu vào cụ thể nào.

- *Hiệu quả kinh tế* đạt được khi doanh nghiệp sản xuất được lượng sản phẩm nhất định với mức chi phí thấp nhất có thể.

- *Yếu tố đầu vào cố định* là yếu tố có lượng sử dụng không thể thay đổi. Ví dụ, nhà xưởng, máy móc lớn và nhân sự quản lý là các yếu tố đầu vào nhìn chung là không thể nhanh chóng tăng lên hoặc giảm đi.

- *Yếu tố đầu vào biến đổi* là yếu tố đầu vào có mức độ sử dụng có thể thay đổi khá dễ dàng khi cần thay đổi sản lượng. Nhiều loại dịch vụ lao động cũng như các nguyên liệu thô và gia công nhất định có thể thuộc loại này.

4.1.2. Một số chỉ tiêu phản ánh năng suất của đầu vào

Sản phẩm bình quân của lao động (AP_L) là mức sản phẩm tính bình quân cho mỗi đơn vị lao động:

$$AP_L = \frac{Q}{L}$$

Sản phẩm bình quân của vốn (AP_K) là mức sản phẩm tính bình quân cho mỗi đơn vị vốn:

$$AP_K = \frac{Q}{K}$$

Sản phẩm cận biên của lao động (MP_L) là mức sản lượng tăng thêm do sử dụng thêm một đơn vị lao động trong khi tất cả các yếu tố đầu vào khác cố định. Khi đó:

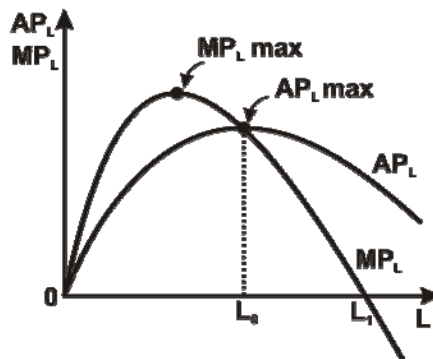
$$MP_L = \frac{\Delta Q}{\Delta L}$$

Sản phẩm cận biên của vốn (MP_K) là mức sản lượng tăng thêm do sử dụng thêm một đơn vị vốn trong khi tất cả các yếu tố đầu vào khác cố định. Khi đó:

$$MP_K = \frac{\Delta Q}{\Delta K}$$

Mối quan hệ giữa các đường AP_L và MP_L (xem hình 4.1):

- ✓ Khi $AP_L = MP_L$ thì AP_L lớn nhất.
- ✓ Khi $AP_L > MP_L$ thì khi tăng lao động, AP_L sẽ giảm tương ứng với sự gia tăng của lao động.
- ✓ Khi $AP_L < MP_L$ thì khi tăng lao động, AP_L sẽ tăng lên tương ứng với sự gia tăng của lao động.



Hình 4.1: Mối quan hệ giữa các đường MP_L và AP_L

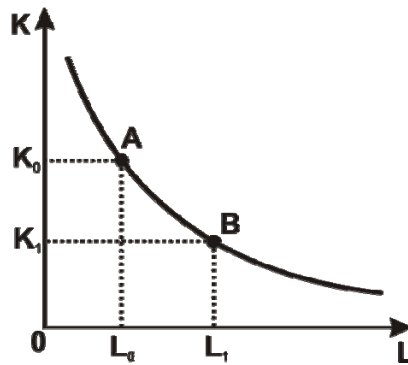
4.1.3. Hàm sản xuất trong ngắn hạn

Sản xuất trong ngắn hạn là khoảng thời gian có mức sử dụng một hoặc một vài yếu tố đầu vào cố định, còn đầu vào khác biến đổi. Trong ngắn hạn, để có thể thay đổi sản lượng, phải tiến hành những thay đổi đối với các yếu tố đầu vào biến đổi. Giả sử coi vốn là yếu tố đầu vào cố định và kết quả là hàm sản xuất trong ngắn hạn sẽ có dạng như sau: $Q = f(L, \bar{K})$, trong đó dấu gạch ngang trên ký hiệu vốn thể hiện là vốn cố định. Hơn nữa, khi vốn cố định, sản lượng chỉ phụ thuộc vào mức sử dụng lao động, vì vậy hàm sản xuất trong ngắn hạn có dạng đơn giản như sau: $Q = f(L)$.

Quy luật sản phẩm cận biên giảm dần: Khi số đơn vị của đầu vào biến đổi tăng lên, các yếu tố đầu vào khác không đổi, sẽ tồn tại một điểm mà ở đó sản phẩm cận biên của yếu tố đầu vào biến đổi sẽ giảm. Khi lượng đầu vào biến đổi tương đối thấp so với các yếu tố đầu vào cố định, việc tận dụng tối đa hơn các yếu tố đầu vào cố định thông qua các yếu tố đầu vào biến đổi ban đầu có thể làm tăng sản phẩm cận biên của yếu tố đầu vào biến đổi khi yếu tố đầu vào này tăng lên. Tuy nhiên, nó sẽ tăng tới một điểm mà khi ở trên điểm đó việc tăng thêm yếu tố đầu vào biến đổi dần dần sẽ làm giảm mức sản lượng tăng thêm. Khi sản phẩm cận biên lớn (nhỏ) hơn sản phẩm bình quân, sản phẩm bình quân tăng lên (giảm xuống). Khi sản phẩm bình quân đạt mức cực đại - nghĩa là, không tăng cũng không giảm - sản phẩm cận biên bằng sản phẩm bình quân.

4.1.4. Sản xuất trong dài hạn

Sản xuất trong dài hạn là khoảng thời gian sản xuất trong tương lai mà nhà sản xuất có thể thay đổi được tất cả các đầu vào của quá trình sản xuất. Giả sử hãng sử dụng 2 đầu vào biến đổi là vốn (K) và lao động (L), khi đó hàm sản xuất được viết dưới dạng: $Q = f(K, L)$. Đồ thị miêu tả đường sản lượng trong dài hạn chính là đường đồng lượng.



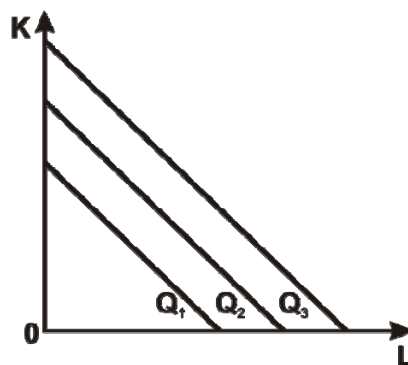
Hình 4.2: Đường đồng lượng Q_0

Đường đồng lượng là đường gồm tập hợp những điểm biểu thị tất cả các kết hợp có thể có của các yếu tố đầu vào để sản xuất ra cùng một mức sản lượng (cố định) nhất định. Mỗi điểm trên đường đồng lượng đều có tính hiệu quả kỹ thuật, có nghĩa là đối với mỗi một sự kết hợp trên đường đồng lượng cho phép tạo ra một mức sản lượng tối đa.

Nhìn vào hình 4.2 chúng ta thấy sản xuất tại A hoặc B, tuy sử dụng các đầu vào khác nhau nhưng đều cho mức sản lượng như nhau là Q_0 .

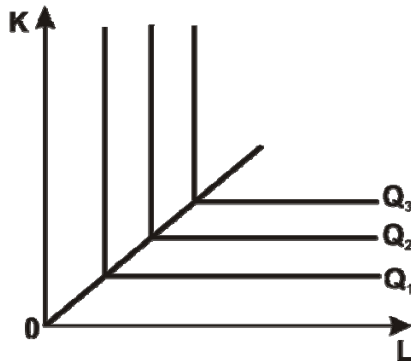
Các trường hợp đặc biệt của đường đồng lượng:

Nếu hai đầu vào K và L có khả năng thay thế hoàn hảo, đường đồng lượng là đường thẳng dốc xuống, được miêu tả ở hình 4.3.



Hình 4.3: Đường đồng lượng với hai đầu vào có khả năng thay thế hoàn hảo

Nếu hai đầu vào K và L có khả năng bổ sung hoàn hảo, đường đồng lượng là đường có dạng hình chữ L, được miêu tả ở hình 4.4.

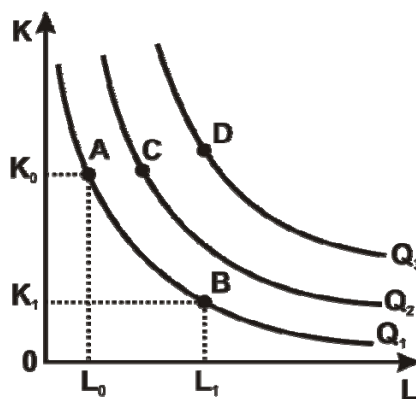


Hình 4.4: Đường đồng lượng với hai đầu vào bổ sung hoàn hảo

Đối với một hãng thuê 2 đầu vào là vốn và lao động thì đường đồng lượng của hãng có các tính chất cơ bản sau:

- ✓ Các đường đồng lượng không có độ dốc dương.
- ✓ Các đường đồng lượng có dạng cong lồi về phía gốc tọa độ.
- ✓ Các đường đồng lượng không bao giờ cắt nhau.

✓ Đường đồng lượng càng dịch ra xa gốc tọa độ thì càng biểu thị sản lượng càng tăng lên (xem hình 4.5 sản xuất tại D cho số lượng hàng hóa Q_2 lớn hơn sản xuất tại C và lớn hơn sản xuất tại A).

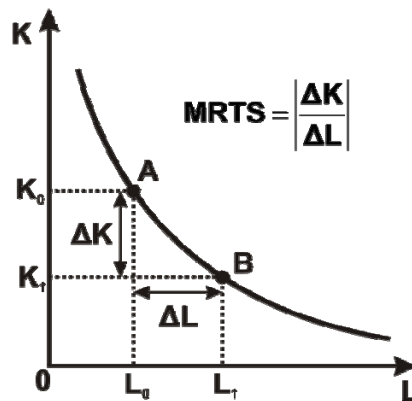


Hình 4.5: Các đường đồng lượng càng dịch xa gốc tọa độ biểu thị sản lượng càng cao

Tỷ lệ thay thế kỹ thuật cận biên (MRTS):

Vấn đề quan trọng cả về lý thuyết và thực tiễn được nhắc đến ở đây là tỷ lệ thay thế yếu tố đầu vào này bởi yếu tố đầu vào khác nhằm giữ nguyên một mức sản lượng. Tỷ lệ thay thế một yếu tố đầu vào này cho một yếu tố đầu vào khác, dọc theo một đường đồng lượng, được gọi là *tỷ lệ thay thế kỹ thuật cận biên (MRTS)* và được xác định như sau:

$MRTS = - \Delta K / \Delta L$ được minh họa trên hình 4.6. Giá trị của MRTS chính là giá trị tuyệt đối độ dốc của đường đồng lượng.



Hình 4.6: Xác định MRTS trên đường đồng lượng

Dấu trừ (-) được thêm vào để làm cho MRTS là một số dương, vì $\Delta K / \Delta L$ (độ dốc của đường đồng lượng) là âm. Tỷ lệ thay thế kỹ thuật cận biên có công thức sau:

$$MRTS = - (\Delta K) / (\Delta L) = MP_L / MP_K$$

Sử dụng mối quan hệ này, chúng ta dễ dàng giải thích nguyên nhân vì sao MRTS giảm dần. Do có thêm những đơn vị lao động thay thế cho vốn nên sản phẩm cận biên của lao động giảm dần. Có hai lý do khiến sản phẩm cận biên của lao động giảm: (1) ít vốn hơn là nguyên nhân dẫn đến sự dịch chuyển đi xuống của đường sản phẩm cận biên của lao động, và (2) là nhiều đơn vị đầu vào biến đổi (lao động) hơn là nguyên nhân của sự di chuyển đi xuống dọc theo đường sản phẩm cận biên của lao động. Vì vậy, khi lao động thay thế cho vốn, sản phẩm cận biên của lao động phải giảm, sản phẩm cận biên của vốn tăng lên. Kết hợp cả hai

trường hợp trên, khi lao động thay thế cho vốn, MP_L giảm còn MP_K tăng nên MP_L/MP_K giảm.

4.1.5. Hiệu suất thay đổi theo quy mô

Hiệu suất không đổi theo quy mô được định nghĩa bằng việc viết hàm sản xuất dưới dạng:

$$Q = f(L, K)$$

Nếu sử dụng các yếu tố đầu vào tăng lên với một tỷ lệ không đổi (ví dụ tỷ lệ bằng $a > 1$), tỷ lệ thay đổi sản lượng là n thì: $f(aL, aK) = nQ$.

- Hiệu suất tăng theo quy mô nếu $n > a$ (mức sản lượng tăng với tỷ lệ lớn hơn tỷ lệ tăng của đầu vào).

- Hiệu suất không đổi theo quy mô nếu $n = a$ (sản lượng và đầu vào tăng cùng một tỷ lệ).

- Hiệu suất giảm theo quy mô nếu $n < a$ (sản lượng tăng với tỷ lệ nhỏ hơn tỷ lệ tăng của đầu vào).

4.2. Lý thuyết chi phí sản xuất

4.2.1. Chi phí sản xuất trong ngắn hạn

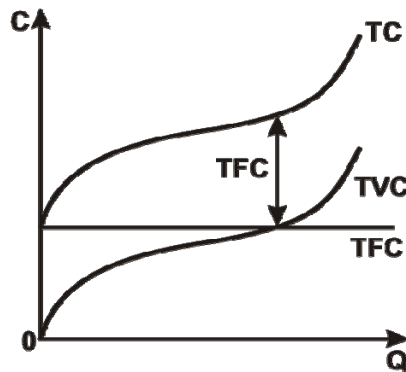
a) Chi phí biến đổi và chi phí cố định trong ngắn hạn

Các yếu tố đầu vào cố định phải được thanh toán không phụ thuộc vào mức sản lượng được sản xuất, nên các khoản thanh toán cho các yếu tố đầu vào cố định vẫn giữ nguyên không đổi cho dù mức sản lượng được sản xuất là bao nhiêu. Các khoản thanh toán đó được gọi là *chi phí cố định*. Khoản thanh toán cho các yếu tố đầu vào biến đổi được gọi là *chi phí biến đổi*. Để sản xuất ra nhiều sản phẩm hơn thì cần phải có nhiều đầu vào biến đổi hơn. Vì thế, chi phí biến đổi tăng thì mức sản lượng cũng tăng lên. Ví dụ, các khoản chi phí biến đổi là các khoản tiền chi trả cho các loại lao động, nguyên liệu đầu vào hoặc nguyên liệu thô, hay năng lượng được sử dụng trong sản xuất.

- *Tổng chi phí cố định (TFC)* là tổng số chi phí cố định trong ngắn hạn cần phải chi trả mà không phụ thuộc vào sản lượng được sản xuất.

- *Tổng chi phí biến đổi (TVC)* là tổng số tiền phải chi tiêu cho mỗi yếu tố đầu vào biến đổi được sử dụng. Tổng chi phí biến đổi tăng khi tổng sản lượng tăng lên.

- *Tổng chi phí (TC = TVC + TFC)*, sẽ tăng khi sản lượng tăng lên, và là tổng của tổng chi phí cố định và tổng chi phí biến đổi (xem hình 4.7).



Hình 4.7: Các đường tổng chi phí

- *Chi phí cố định bình quân (AFC)* là tổng chi phí cố định chia cho sản lượng:

$$AFC = \frac{TFC}{Q}$$

- *Chi phí biến đổi bình quân (AVC)* là tổng chi phí biến đổi chia cho sản lượng:

$$AVC = \frac{TVC}{Q}$$

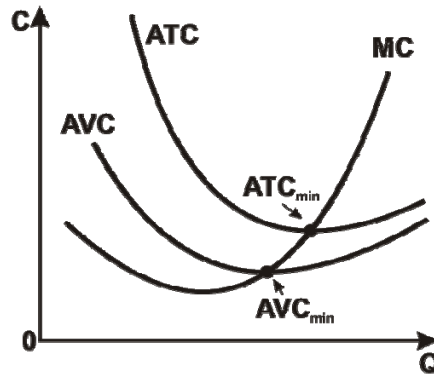
- *Tổng chi phí bình quân (ATC)* là tổng chi phí ngắn hạn chia cho sản lượng:

$$ATC = \frac{TC}{Q}$$

- *Chi phí cận biên ngắn hạn (MC)* là mức chi phí tăng thêm (chi phí bổ sung thêm) khi sản xuất thêm một đơn vị sản lượng.

$$MC = \frac{\Delta TC}{\Delta Q} = \frac{\Delta TVC}{\Delta Q}$$

Đường MC luôn đi qua điểm cực tiểu của đường ATC và đường AVC (xem hình 4.8).



Hình 4.8: Đường MC luôn đi qua điểm cực tiểu của đường AVC và ATC

b) *Mối quan hệ giữa các loại chi phí AVC, ATC và MC*

✓ Khi $ATC = MC$ thì ATC min.

✓ Khi $ATC > MC$ thì khi tăng sản lượng, ATC sẽ giảm tương ứng với sự gia tăng của sản lượng.

✓ Khi $ATC < MC$ thì khi tăng sản lượng, ATC sẽ tăng tương ứng với sự gia tăng của sản lượng.

✓ Khi $AVC = MC$ thì AVC min.

✓ Khi $AVC > MC$ thì khi tăng sản lượng, AVC sẽ giảm tương ứng với sự gia tăng của sản lượng.

✓ Khi $AVC < MC$ thì khi tăng sản lượng, AVC sẽ tăng tương ứng với sự gia tăng của sản lượng.

c) *Mối quan hệ giữa sản xuất và chi phí trong ngắn hạn*

Cấu trúc đường chi phí của một doanh nghiệp được xác định bởi hàm sản xuất. Để minh họa điều này, chúng ta sẽ xác định mối quan hệ giữa MP_L với MC và AP_L với AVC:

✓ *Mối quan hệ giữa MP_L và MC:* Do $MC = dTVC/dQ$ nên nếu $TVC = wL$ và w là không đổi, MC có thể được biểu thị như sau: $MC = d(wL)/dQ$

$= w(dL/dQ) = w/MP_L$. Như vậy, MC và MP_L có mối quan hệ ngược chiều với nhau. Khi năng suất lao động tăng (giảm) trong ngắn hạn, MC giảm (tăng). Khi sử dụng các yếu tố đầu vào vượt quá mức thì hiệu suất sẽ giảm dần (MP_L sẽ giảm), chi phí cận biên sẽ tăng trong ngắn hạn.

✓ *Mối quan hệ giữa AP_L và AVC*: Do $AVC = TVC/Q$. Thay thế lần nữa wL cho TVC, ta có: $AVC = wL/Q = w/AP_L$. Như vậy, khi sản phẩm bình quân sẽ tăng (giảm) thì chi phí biến đổi trung bình sẽ giảm (sẽ tăng).

✓ Chi phí biến đổi bình quân đạt đến trị cực tiểu khi sản phẩm bình quân đạt đến giá trị cực đại, như chúng ta đã minh họa ở trên, tại đó $MP_L = AP_L$.

4.2.2. Chi phí sản xuất trong dài hạn

a) Các loại chi phí trong dài hạn

Tổng chi phí dài hạn (LTC) bao gồm toàn bộ những phí tổn mà doanh nghiệp phải bỏ ra để tiến hành sản xuất kinh doanh các hàng hóa hay dịch vụ trong điều kiện các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất đều có thể điều chỉnh. Chi phí trong dài hạn là chi phí ứng với khả năng sản xuất trong ngắn hạn tốt nhất (có chi phí trong ngắn hạn là thấp nhất) ứng với từng mức sản lượng đầu ra. Trong dài hạn, tất cả các đầu vào đều biến đổi và xảy ra sự đánh đổi giữa hai đầu vào vốn (K) và lao động (L).

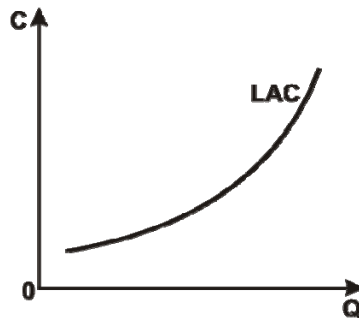
Chi phí bình quân dài hạn (LAC) là mức chi phí tính bình quân cho mỗi đơn vị sản lượng. Công thức tính: $LAC = LTC/Q$.

Chi phí cận biên dài hạn (LMC) là mức chi phí tăng thêm khi sản xuất thêm một đơn vị sản lượng trong dài hạn. Công thức tính:

$$LMC = \frac{\Delta LTC}{\Delta Q}.$$

b) Hiệu suất kinh tế theo quy mô trong sản xuất dài hạn

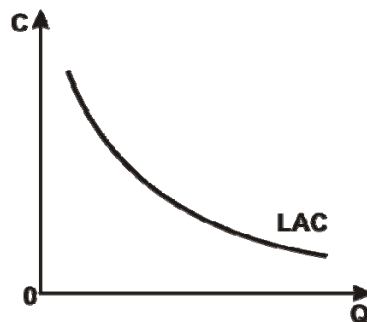
Những yếu tố kinh tế có thể giải thích hình dạng của các đường chi phí trong dài hạn chính là hiệu suất kinh tế theo quy mô.



Hình 4.9: Hiệu suất kinh tế giảm theo quy mô

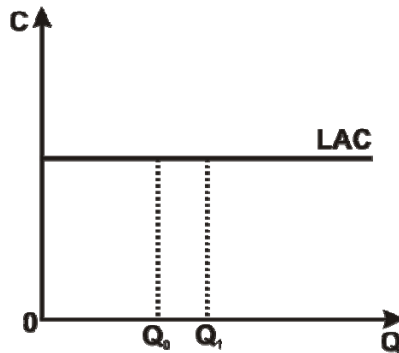
Nếu đường LAC sẽ tăng liên tục (dốc lên) khi gia tăng sản lượng sản xuất ra thì đó là trường hợp *hiệu suất kinh tế giảm theo quy mô* (xem hình 4.9). Một phần đường LAC dốc lên (thể hiện khi không có tính kinh tế của quy mô) thường là do những hạn chế của quản lý. Khi quy mô nhà máy tăng vượt một điểm giới hạn, cán bộ quản lý cấp cao nhất phải phân bổ trách nhiệm và quyền hạn cho nhân viên cấp thấp hơn. Tình trạng quan liêu, thủ tục giấy tờ càng tăng; việc quản lý nhìn chung không hiệu quả. Vì thế, chi phí cho quản lý tăng lên, do đó chi phí sản xuất cũng tăng lên.

Hiệu suất kinh tế tăng theo quy mô có được khi chi phí bình quân dài hạn giảm tương ứng với sự gia tăng của sản lượng. Hình 4.10 biểu thị trường hợp hiệu suất kinh tế tăng theo quy mô. Khi sản lượng sản xuất ra càng tăng, chi phí trung bình trong dài hạn có xu hướng giảm dần, hiệu quả của quá trình sản xuất càng cao. Hiệu suất kinh tế tăng theo quy mô thường xảy ra do một số nguyên nhân như năng suất lao động ngày càng tăng, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, cắt giảm được nhiều loại chi phí không cần thiết,...



Hình 4.10: Hiệu suất kinh tế tăng theo quy mô

Hình 4.11 biểu thị hiệu suất không đổi theo quy mô. Trường hợp này xảy ra khi hãng gia tăng sản lượng sản xuất ra, nhưng chi phí bình quân trong dài hạn không đổi ở mọi mức sản lượng. Khi hãng sản xuất mức sản lượng Q_0 và sản lượng Q_1 đều mất một mức chi phí không đổi là C_0 .



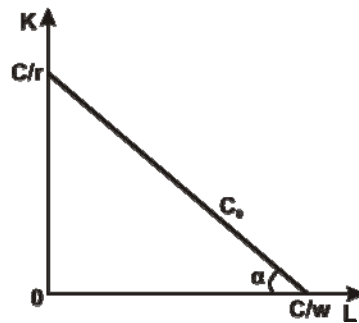
Hình 4.11: Hiệu suất kinh tế không đổi theo quy mô

Trong trường hợp đặc biệt này, đường LAC là nằm ngang và bằng với đường LMC tại tất cả mọi mức sản lượng. Hãng không đạt được hiệu suất kinh tế tăng theo quy mô cũng như chịu hiệu suất kinh tế giảm theo quy mô, chỉ có thể nói rằng hãng có *chi phí không đổi*.

c) Đường đồng phí

Nhà sản xuất cần xem xét giá cả tương đối của các yếu tố đầu vào để xác định cách kết hợp các yếu tố đầu vào như thế nào sao cho tốn ít chi phí nhất để sản xuất ra một mức sản lượng nhất định. Một công cụ hữu ích để phân tích chi phí thuê, mua các yếu tố đầu vào là đường đồng phí. Đường đồng phí biểu thị tất cả các kết hợp yếu tố đầu vào có thể được mua với một mức tổng chi phí nhất định tại mức giá đầu vào xác định.

Trên hình 4.12 cho chúng ta thấy đường đồng phí có phương trình là $C_0 = rK + wL$ hoặc $K = \frac{C_0}{r} - \frac{w}{r}L$, độ dốc của đường đồng phí là $-w/r$.

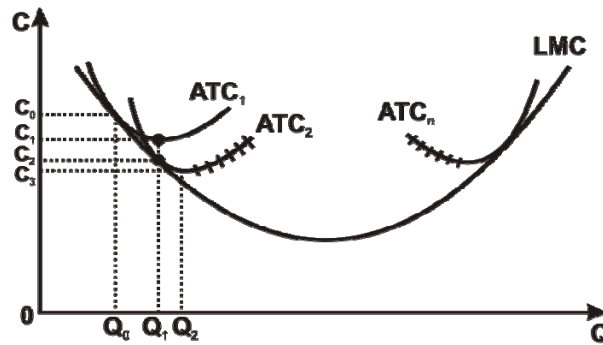


Hình 4.12: Đường đồng phí C_0

Khi tổng chi phí tăng mà giá cả các yếu tố đầu vào không đổi sẽ dẫn tới có sự dịch chuyển song song lên phía trên của đường đồng phí. Khi tổng chi phí giảm mà giá các yếu tố đầu vào không đổi sẽ dẫn đến sự dịch chuyển song song về phía dưới của đường đồng phí. Nếu tồn tại vô số các đường đồng phí thì mỗi đường đồng phí thể hiện một mức tổng chi phí nhất định.

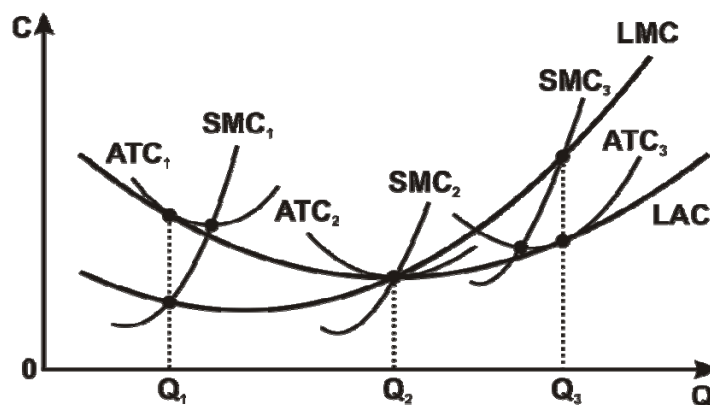
d) Mối quan hệ giữa các loại chi phí ngắn hạn và chi phí dài hạn

Trong ngắn hạn, trên hình 4.13 cho thấy ứng với mỗi đường chi phí trung bình trong ngắn hạn ATC biểu thị một quy mô nhà máy của hãng. Nếu hãng sử dụng quy mô nhà máy thứ nhất để sản xuất mức sản lượng Q_0 , hãng sẽ mất một khoản chi phí nhất định là $C_0 = ATC_1$. Nếu hãng tăng sản lượng từ Q_0 đến Q_1 , hãng có thể lựa chọn chi phí cực tiểu trên đường $ATC_1 = C_1$, hoặc hãng sử dụng quy mô nhà máy thứ 2 là ATC_2 và mất chi phí là $C_2 = ATC_2$. Nhìn vào hình 4.13 ta thấy $C_2 < C_1$. Vì thế, hãng sẽ mở rộng quy mô ứng với đường ATC_2 . Hãng sẽ liên tục mở rộng quy mô sản xuất, ứng với các đường chi phí bình quân trong ngắn hạn khác nhau. Mỗi một mức sản lượng trong ngắn hạn ứng với một mức chi phí nhất định trong ngắn hạn và cho chúng ta một điểm trên đường chi phí bình quân trong dài hạn.



Hình 4.13: Đường LAC là đường bao của các đường ATC

Đường chi phí bình quân trong dài hạn LAC sẽ là đường bao của các đường chi phí bình quân trong ngắn hạn. Hãng sẽ không thể lựa chọn các mức chi phí nằm dưới đường LAC vì không đủ chi phí để sản xuất các mức sản lượng đã cho. Như vậy, chúng ta có thể hiểu được tại sao chi phí bình quân ngắn hạn nhìn chung cao hơn chi phí bình quân dài hạn. Do các hãng thường linh hoạt trong việc lựa chọn các yếu tố đầu vào trong dài hạn, chi phí trong dài hạn thấp hơn trong ngắn hạn đối với tất cả các mức sản lượng trừ khi mức sản lượng ở đó yếu tố đầu vào cố định đang ở mức tối ưu. Vì vậy, chi phí ngắn hạn của hãng nhìn chung có thể được giảm bằng việc điều chỉnh các yếu tố đầu vào cố định tới mức tối ưu trong dài hạn khi có cơ hội để điều chỉnh đầu vào cố định trong dài hạn tăng lên.



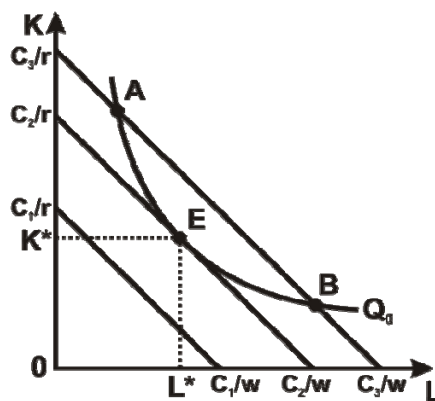
Hình 4.14: Môi quan hệ giữa chi phí trong ngắn hạn với chi phí dài hạn

Mối quan hệ giữa các đường chi phí trong ngắn hạn với các đường chi phí dài hạn được minh họa trong Hình 4.14. Hình vẽ cho thấy đường LAC là đường bao của các đường chi phí bình quân trong ngắn hạn ATC. Đường LMC đi qua điểm cực tiểu của đường LAC. Với mức sản lượng Q_1 , ứng với chi phí cận biên trong ngắn hạn SMC_1 , cho chúng ta cùng một điểm trên đường LMC trong dài hạn. Cũng với mức sản lượng này cho chúng ta cùng một điểm trên đường ATC_1 và LAC. Tương tự, đối với các mức sản lượng tiếp theo Q_2 và Q_3 chúng ta đều có mối quan hệ giữa các đường như trên. Đường LMC thường thoải hơn các đường SMC.

4.3. Lựa chọn đầu vào tối ưu

4.3.1. Lựa chọn chi phí tối thiểu để sản xuất ra một mức sản lượng nhất định

Tại điểm E, đường đồng lượng tiếp xúc với đường đồng phí. Độ dốc (theo giá trị tuyệt đối) của đường đồng lượng là MRTS, còn độ dốc của đường đồng phí (theo giá trị tuyệt đối) bằng tỷ lệ tương đối giá của các yếu tố đầu vào, là w/r . Do đó, tại điểm E, giá trị MRTS bằng tỷ lệ giá của các yếu tố đầu vào. Tại điểm kết hợp các yếu tố đầu vào có chi phí nhỏ nhất, $MRTS = w/r$. Để tối thiểu hoá chi phí sản xuất ra một mức sản lượng nhất định, hãng cần lựa chọn kết hợp các yếu tố đầu vào sao cho $MRTS = w/r$.



Hình 4.15: Lựa chọn chi phí tối thiểu để sản xuất ra một mức sản lượng nhất định Q_0

Theo hình 4.15 hãng sẽ không lựa chọn chi phí C_1 để sản xuất mức sản lượng Q_0 , vì không đủ chi phí. Hãng cũng sẽ không lựa chọn mức chi phí C_3 để sản xuất (ví dụ sản xuất tại A hoặc B), vì quá lãng phí. Hãng chỉ chọn mức chi phí tại điểm thỏa mãn điều kiện đường đồng phí tiếp xúc với đường đồng lượng (tại E), đó là mức chi phí cực tiểu cho hãng sản xuất mức sản lượng Q_0 .

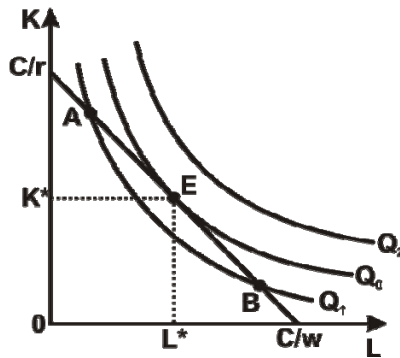
Để sản xuất ra một mức sản lượng xác định tại mức chi phí thấp nhất khi hai yếu tố đầu vào L và K biến đổi và giá của các yếu tố đầu vào đó tương ứng là w và r thì hãng lựa chọn điểm kết hợp các yếu tố đầu vào sao cho: $MRTS = MP_L/MP_K = w/r$, cũng có nghĩa là $MP_L/w = MP_K/r$.

Để xác định được mức chi phí tối thiểu khi sản xuất mức sản lượng tối ưu Q_0 thì sự lựa chọn các đầu vào tối ưu phải thỏa mãn điều kiện cần và đủ sau đây:

$$\begin{cases} \frac{MP_L}{MP_K} = \frac{w}{r} = MRTS \\ Q_0 = f(K, L) \end{cases}$$

4.3.2. Lựa chọn đầu vào tối ưu để sản xuất sản lượng tối đa với một mức chi phí nhất định

Nhà sản xuất sử dụng một mức chi phí cố định vào sản xuất và mong muốn đạt được mức sản lượng cao nhất từ mức chi phí đó. Hãng sẽ lựa chọn lượng đầu vào tối ưu tại điểm E, điểm tiếp xúc giữa đường đồng phí và đường đồng lượng. Việc kết hợp các yếu tố đầu vào lao động và vốn để tối đa hoá sản lượng với một mức chi phí đầu vào nhất định là một kết hợp sao cho $MRTS = w/r$ hay $MP_L/w = MP_K/r$ (xem hình 4.16). Hãng sẽ không chọn sản xuất tại A hoặc tại B (sử dụng hết chi phí C) do chỉ đạt được mức sản lượng Q_1 . Với mức sản lượng Q_1 thì chỉ cần sử dụng mức chi phí thấp hơn C là đủ để sản xuất.



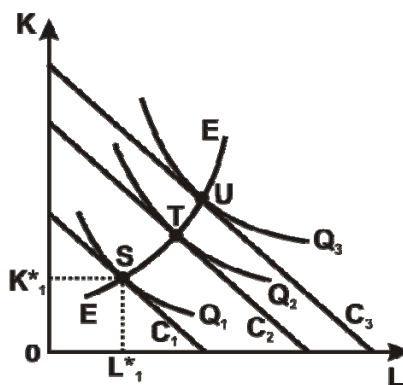
Hình 4.16: Lựa chọn đầu vào tối ưu để sản xuất mức sản lượng tối đa với mức chi phí C_0

Điều kiện cần và đủ để thoả mãn khi kết hợp các yếu tố đầu vào tối ưu để sản xuất mức sản lượng tối đa ứng với mức chi phí nhất định sẽ là:

$$\begin{cases} \frac{MP_L}{MP_K} = \frac{w}{r} = MRTS \\ C_0 = rK + wL \end{cases}$$

4.3.3. Đường mở rộng sản xuất

Trong hình 4.17 chúng ta đã minh hoạ một điểm tối ưu hoá cho hãng S, T, và U. Điểm này cho thấy kết hợp tối ưu (chi phí nhỏ nhất) của các yếu tố đầu vào để có một mức sản lượng cụ thể. Để xem xét một số điểm tối ưu hoá một cách đồng thời, chúng ta sử dụng *đường mở rộng sản xuất*.



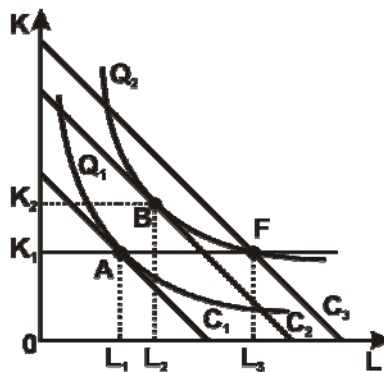
Hình 4.17: Đường mở rộng sản xuất EE

Mỗi điểm tối ưu khác nằm trên đường mở rộng sản xuất EE thể hiện một kết hợp đầu vào với mức chi phí nhỏ nhất để sản xuất ra mức sản lượng xác định hay một kết hợp đầu vào với chi phí xác định để sản xuất ra mức sản lượng lớn nhất. Tại mọi điểm dọc theo đường mở rộng sản xuất, $MRTS = MP_L / MP_K = w/r$ và $MP_L/w = MP_K/r$.

Dọc theo đường mở rộng sản xuất, tỷ lệ thay thế kỹ thuật cận biên bằng tỷ lệ giá đầu vào không đổi. Đường mở rộng sản xuất cho biết việc sử dụng đầu vào thay đổi như thế nào khi sản lượng hay chi phí thay đổi.

4.3.4. Tính linh hoạt của sản xuất trong dài hạn so với ngắn hạn

Hình 4.18 chỉ rõ, nếu lựa chọn sản lượng Q_1 để sản xuất trong ngắn hạn, với lượng vốn cố định là K_1 , hãng sẽ cần sử dụng lượng lao động là L_1 . Trong dài hạn, việc lựa chọn đầu vào tối ưu để sản xuất mức sản lượng Q_1 vẫn là tại điểm A, với lượng vốn và lao động tương ứng là K_1 và L_1 . Khi sản xuất mức sản lượng Q_2 , nếu trong ngắn hạn, đầu vào vốn K_1 là cố định, hãng sẽ lựa chọn lượng lao động là L_3 , và sẽ sản xuất tại F với mức chi phí là C_3 .



Hình 4.18: Tính linh hoạt của sản xuất trong dài hạn so với ngắn hạn

Tuy nhiên, nếu hãng sản xuất trong dài hạn, hãng có thể thay đổi được tất cả các đầu vào của quá trình sản xuất, hãng sẽ lựa chọn mức chi phí là C_2 , sản xuất tại B, với các đầu vào vốn và lao động tương ứng là K_2 và L_2 , khi đó chi phí của hãng sẽ nhỏ hơn sản xuất trong ngắn hạn với chi phí C_3 . Như vậy, việc lựa chọn sản xuất trong dài hạn sẽ đem lại hiệu quả tối ưu hơn sản xuất trong ngắn hạn.

4.4. Lý thuyết về lợi nhuận

4.4.1. Khái niệm và công thức tính lợi nhuận

a) Khái niệm

Lợi nhuận là phần chênh lệch giữa tổng doanh thu do bán được các hàng hóa hoặc dịch vụ với tổng chi phí sản xuất để sản xuất ra hàng hóa hoặc dịch vụ đó.

Công thức tính: Lợi nhuận = Doanh thu – Chi phí.

$$\pi = TR - TC = (P - ATC) * Q$$

- Lợi nhuận kế toán = Doanh thu – chi phí kế toán.

- Lợi nhuận kinh tế = Doanh thu – chi phí kinh tế.

- Do chi phí kinh tế > chi phí kế toán nên Lợi nhuận kinh tế < Lợi nhuận kế toán.

b) Các yếu tố tác động đến lợi nhuận

Dựa vào công thức xác định lợi nhuận, chúng ta có thể biết được lợi nhuận chịu tác động bởi 3 yếu tố chính:

- Giá bán của hàng hóa hoặc dịch vụ đó.

- Chi phí để sản xuất ra hàng hóa hoặc dịch vụ đó.

- Cầu về hàng hóa hoặc dịch vụ đó.

4.4.2. Vai trò của lợi nhuận đối với các hãng sản xuất - kinh doanh

Tầm quan trọng của lợi nhuận được biểu thị bởi các nội dung sau:

- Lợi nhuận là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, phản ánh toàn bộ kết quả và hiệu quả của quá trình sản xuất - kinh doanh.

- Lợi nhuận càng cao càng đáp ứng được nhu cầu tái sản xuất, mở rộng quy mô, và làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu của hãng.

- Lợi nhuận chính là động lực thúc đẩy các hãng sản xuất - kinh doanh, nó làm tăng thu nhập của người lao động và của hãng.

- Lợi nhuận là tiền thưởng cho việc chịu mạo hiểm, là phần thu nhập về bảo hiểm khi bị vỡ nợ, phá sản và sản xuất không ổn định.

4.4.3. Tối đa hóa doanh thu và tối đa hóa lợi nhuận

Doanh thu cận biên (MR) là mức doanh thu tăng thêm do bán thêm một đơn vị hàng hóa hay dịch vụ.

$$\text{Công thức tính: } MR = \frac{\Delta TR}{\Delta Q} = TR'_{(Q)}.$$

Doanh thu của hãng đạt giá trị tối đa khi đạo hàm bậc nhất của hàm tổng doanh thu bằng không, hay ta có: $MR = \frac{\Delta TR}{\Delta Q} = TR'_{(Q)} = 0$. Tại mức doanh thu cực đại ta cũng có độ co giãn của cầu theo giá bằng (-1), hay cầu co giãn đơn vị.

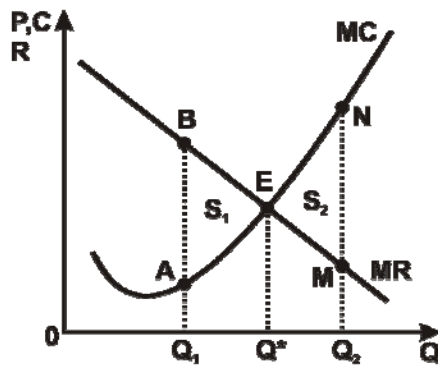
Chi phí cận biên (MC) là mức chi phí tăng thêm khi sản xuất thêm một đơn vị sản phẩm. Công thức tính: $MC = \frac{\Delta TC}{\Delta Q} = TC'_{(Q)}$.

Tối đa hóa lợi nhuận là hành vi của một hãng (người sản xuất) lựa chọn trong điều kiện nguồn lực khan hiếm. Nó chính là mục tiêu và động cơ hàng đầu mà các hãng luôn mong muốn đạt tới.

Điều kiện tối đa hóa lợi nhuận: Để tối đa hóa lợi nhuận, hãng chọn mức sản lượng mà tại đó chênh lệch giữa doanh thu và chi phí là lớn nhất. Điều kiện tối đa hóa lợi nhuận của một hãng bất kỳ là:

$$MR = MC$$

Thật vậy, hình 4.19 cho thấy đường MR cắt MC tại E xác định mức sản lượng tối ưu Q^* . Đây là mức sản lượng thỏa mãn điều kiện $MR = MC$, đem lại lợi nhuận tối đa. Hãng sẽ không lựa chọn các mức sản lượng lớn hơn hoặc nhỏ hơn Q^* vì đều không đem lại lợi nhuận lớn nhất. Giả sử hãng lựa chọn mức sản lượng Q_1 để sản xuất, khi đó $MR = \overline{BQ_1}$ và $MC = \overline{AQ_1}$, nên $MR > MC$, hãng đang có lãi. Nếu chỉ sản xuất ở Q_1 hãng sẽ bỏ phí phần lợi nhuận là diện tích S_1 . Vì thế, nếu hãng tăng sản lượng Q đến Q^* thì sẽ tăng lợi nhuận π .



Hình 4.19: Mức sản lượng tối ưu tại $MR = MC$

Ngược lại, hãng sẽ không lựa chọn mức sản lượng $Q_2 > Q^*$, vì sẽ làm cho tổng lợi nhuận bị giảm đi một phần là diện tích S_2 . Nếu đang sản xuất tại Q_2 , hãng nên giảm sản lượng đến Q^* thì lợi nhuận sẽ tăng lên.

Như vậy, chỉ duy nhất mức sản lượng Q^* mới là mức sản lượng tối ưu để hãng tối đa hóa lợi nhuận thỏa mãn điều kiện $MR = MC$.

Phần 3 - Câu hỏi ôn tập

1. Nêu khái niệm sản xuất, hàm sản xuất và cho một số ví dụ minh họa về các dạng hàm sản xuất?
2. Phân tích nội dung và mối quan hệ giữa năng suất bình quân và năng suất cận biên của một đầu vào biến đổi (hoặc đầu vào vốn, hoặc đầu vào lao động)?
3. Phân tích nội dung và ý nghĩa của quy luật năng suất cận biên giảm dần?
4. Phân biệt hàm sản xuất trong ngắn hạn và hàm sản xuất trong dài hạn?
5. Phân biệt chi phí cơ hội, chi phí kế toán và chi phí kinh tế. Cho ví dụ minh họa?
6. Phân biệt các loại chi phí TC, TVC, TFC, ATC, AVC, AFC và MC trong ngắn hạn và trong dài hạn. Phân tích mối quan hệ giữa chi phí trung bình trong ngắn hạn và chi phí cận biên?
7. Phân tích mối quan hệ giữa chi phí trung bình trong ngắn hạn và chi phí trung bình trong dài hạn. Hãng có lựa chọn mức chi phí dưới đường LAC để sản xuất không? Vì sao?
8. Thế nào là đường đồng lượng và đường đồng phí. Xây dựng đồ thị và xác định độ dốc của mỗi đường. Xác định tỷ lệ thay thế kỹ thuật cận biên và nêu ý nghĩa của nó?
9. Phân tích sự lựa chọn các đầu vào tối ưu để tối thiểu hóa chi phí khi sản xuất một mức sản lượng nhất định của một doanh nghiệp?
10. Phân tích sự lựa chọn các đầu vào tối ưu để tối đa hóa sản lượng của một hãng khi sử dụng một mức chi phí nhất định?
11. Phân tích khái niệm lợi nhuận và nêu ý nghĩa của nó. Chỉ ra công thức tính lợi nhuận?
12. Mục tiêu và động cơ cuối cùng của một doanh nghiệp là gì? Chứng minh điều kiện tối đa hóa lợi nhuận của một hãng bất kì?

Phần 4 - Câu hỏi đúng/sai

1. Quy luật hiệu suất sử dụng các yếu tố đầu vào có xu hướng giảm dần phát biểu rằng, trong dài hạn, nếu doanh nghiệp tăng tất cả các yếu tố đầu vào với cùng một tỷ lệ thì sản phẩm cận biên sẽ giảm dần.

2. Một hãng chỉ sử dụng hai yếu tố đầu vào là vốn (K) và lao động (L) thì điều kiện $\frac{MP_L}{w} = \frac{MP_K}{r}$ chỉ là điều kiện cần chứ không phải điều kiện đủ để tối đa hóa lợi nhuận khi sử dụng đầu vào (trong đó w và r tương ứng là giá của đầu vào lao động và vốn).

3. Một hãng sử dụng vốn và lao động để sản xuất ra một lượng đầu ra nhất định. Nếu giá của vốn giảm sẽ làm tăng số lượng lao động được sử dụng để sản xuất ra cùng lượng đầu ra như cũ.

4. Khi chi phí cận biên tăng thì chi phí bình quân cũng tăng khi gia tăng sản lượng.

5. Khi chi phí bình quân giảm thì đường chi phí cận biên nằm dưới đường chi phí bình quân.

6. Chi phí cố định tăng theo sự gia tăng của mức sản lượng đầu ra.

7. Đường chi phí cố định bình quân luôn có độ dốc âm.

8. Trong ngắn hạn, mọi yếu tố đầu vào đều cố định, ngược lại, trong dài hạn, chỉ có một số yếu tố đầu vào cố định.

9. Với sự cải tiến về công nghệ, đường tổng sản phẩm sẽ dịch chuyển lên trên, và do đó đường chi phí trong ngắn hạn cũng sẽ dịch chuyển lên trên.

10. Đường chi phí cận biên cắt đường chi phí bình quân tại điểm cực tiểu của đường chi phí bình quân.

11. Quy luật sản phẩm cận biên giảm dần đề cập đến sự giảm đi trong chi phí bình quân dài hạn khi gia tăng sản lượng sản xuất ra.

12. Trong ngắn hạn, nếu hãng không sản xuất bất cứ đơn vị sản phẩm nào thì tổng chi phí của hãng sẽ bằng 0.

13. Khi đường đồng lượng là một đường thẳng thì các yếu tố đầu vào là thay thế hoàn hảo cho nhau.

14. Đường chi phí bình quân dài hạn chính là đường bao của các đường chi phí bình quân ngắn hạn.

15. Khi quy luật hiệu suất sử dụng các yếu tố đầu vào có xu hướng giảm dần tác động đến quá trình sản xuất thì sản phẩm trung bình của yếu tố đầu vào bắt đầu giảm.

16. Khi độ dốc của đường tổng sản phẩm giảm dần thì sản phẩm cận biên của yếu tố đầu vào bắt đầu giảm.

17. Hiệu suất kinh tế giảm theo quy mô xảy ra khi hãng tăng tất cả các yếu tố đầu vào lên cùng một tỷ lệ nhưng tốc độ tăng của yếu tố đầu vào tăng nhanh hơn tốc độ tăng của sản phẩm đầu ra.

18. Sự thay đổi giá của các yếu tố đầu vào luôn làm cho độ dốc của đường đồng phí thay đổi.

19. Đường đồng lượng hình chữ L thể hiện một quá trình sản xuất mà trong đó các yếu tố đầu vào là thay thế hoàn hảo cho nhau.

20. Đường tổng chi phí bình quân có thể được hình thành bằng cách cộng theo chiều dọc hai đường chi phí biến đổi bình quân và chi phí cố định bình quân.

21. Khi chi phí biến đổi bình quân đạt giá trị cực tiểu thì tổng chi phí bình quân cũng đạt giá trị cực tiểu.

22. Đường chi phí bình quân dài hạn luôn đi qua tất cả các điểm cực tiểu của các đường chi phí bình quân ngắn hạn.

23. Một hãng có lợi nhuận kế toán dương chưa chắc đã có lợi nhuận kinh tế dương.

24. Ở mọi mức sản lượng, chi phí trung bình không bao giờ thấp hơn chi phí cận biên.

25. Doanh thu cận biên không bao giờ vượt quá giá bán sản phẩm.

26. Do phải bù đắp cho chi phí cố định nên một hãng có chi phí cố định cao hơn sẽ phải sản xuất ở mức sản lượng lớn hơn so với một

hãng có chi phí cố định thấp hơn (giả sử các chi phí khác của hai hãng là như nhau).

27. Tỷ lệ thay thế kỹ thuật cận biên của lao động cho vốn được tính dọc theo đường đồng phí.

28. Do quy luật sản phẩm cận biên giảm dần tác động nên đường chi phí cận biên trong ngắn hạn có dạng hình chữ U.

29. Độ dốc của đường đồng lượng bằng tỷ lệ giá giữa hai yếu tố đầu vào.

30. Khoảng cách theo chiều dọc giữa hai đường tổng chi phí và tổng chi phí biến đổi chính là tổng chi phí cố định.

31. Không có chi phí cố định trong sản xuất dài hạn.

32. Tất cả các đường chi phí bình quân đều có dạng chữ U.

33. Nếu đường đồng lượng là đường thẳng thì tỷ lệ thay thế kỹ thuật cận biên giữa lao động cho vốn không thay đổi dọc theo đường đồng lượng.

34. Nếu quá trình sản xuất của một hãng luôn thể hiện hiệu suất kinh tế tăng theo quy mô thì đường chi phí bình quân trong dài hạn của hãng là đường có độ dốc âm.

Phần 5 - Lựa chọn một câu trả lời đúng nhất

1. Đường chi phí cận biên cắt các đường _____ tại điểm cực tiểu của mỗi đường:

- a. ATC và AFC.
- b. AVC và AFC.
- c. ATC và AVC.
- d. ATC, AVC và AFC.

2. Câu phát biểu nào sau đây *không đúng*?

- a. Hiệu suất theo quy mô là vấn đề của sản xuất ngắn hạn.
- b. Trong dài hạn không còn chi phí cố định.
- c. Chi phí cận biên không phụ thuộc vào chi phí cố định.
- d. Sự tăng lên của chi phí cận biên trong ngắn hạn được giải thích bằng quy luật hiệu suất sử dụng các yếu tố đầu vào có xu hướng giảm dần.

3. Một hãng có $MC = 42\$$, $AVC = 43\$$, $AFC = 10\$$ ở mức sản lượng 80. Khi tăng sản lượng, ATC sẽ:

- a. Tăng dần.
- b. Giảm dần.
- c. Không đổi.
- d. Không đủ thông tin để kết luận.

4. Hiệu suất kinh tế tăng theo quy mô xảy ra khi:

- a. Chi phí cố định bình quân giảm dần.
- b. Chi phí cố định bình quân không đổi.
- c. Chi phí bình quân dài hạn tăng lên khi tăng sản lượng.
- d. Chi phí bình quân dài hạn giảm xuống khi tăng sản lượng.

5. Đối với một hãng, tổng chi phí để sản xuất ra 10 đơn vị sản phẩm là 20\$, và 11 đơn vị sản phẩm là 21\$. Khi đó, chi phí cận biên ____ tổng chi phí bình quân:

- a. Lớn hơn.
- b. Bằng.
- c. Nhỏ hơn.
- d. Không đủ thông tin để trả lời.

6. Nếu sản phẩm cận biên của lao động bắt đầu giảm ở một mức sản lượng thì khi đó:

- a. Chi phí cận biên bắt đầu tăng tại mức sản lượng đó.
- b. Sản phẩm bình quân của lao động cũng phải giảm theo.
- c. Chi phí cố định bắt đầu giảm tại mức sản lượng đó.
- d. Chi phí cố định bình quân bắt đầu tăng tại mức sản lượng đó.

7. Một hãng muốn tối đa hóa lợi nhuận sẽ sản xuất ở mức sản lượng có:

- a. Giá bằng doanh thu cận biên.
- b. Tổng doanh thu bằng chi phí cận biên.
- c. Doanh thu cận biên bằng chi phí cận biên.
- d. Tổng doanh thu bằng tổng chi phí.

8. Hàm sản xuất mô tả mối quan hệ giữa số lượng các yếu tố đầu vào và:

- a. Sản lượng đầu ra.
- b. Doanh thu.
- c. Chi phí.
- d. Lợi nhuận.

9. Trong dài hạn:

- a. Các đầu vào cố định trong ngắn hạn vẫn được giữ cố định.
- b. Các đầu vào cố định trong ngắn hạn sẽ biến đổi.

- c. Các đầu vào biến đổi trong ngắn hạn sẽ trở nên cố định.
- d. Các đầu vào biến đổi hiếm khi được sử dụng.

10. Câu phát biểu nào sau đây *không đúng*?

- a. Khi sản phẩm bình quân của lao động đang tăng khi gia tăng lao động, sản phẩm cận biên của lao động sẽ lớn hơn sản phẩm bình quân về lao động.
- b. Khi sản phẩm bình quân của lao động đang giảm khi gia tăng lao động, sản phẩm cận biên của lao động sẽ nhỏ hơn sản phẩm bình quân về lao động.
- c. Khi sản phẩm bình quân của lao động đạt giá trị lớn nhất thì sản phẩm cận biên của lao động cũng đạt giá trị lớn nhất.
- d. Sản phẩm bình quân của lao động bằng sản lượng chia cho số lượng lao động sử dụng trong quá trình sản xuất.

11. Giả sử tất cả các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất tăng lên gấp đôi làm sản lượng tăng lớn hơn gấp đôi. Quá trình sản xuất này thể hiện:

- a. Hiệu suất kinh tế không đổi theo quy mô.
- b. Hiệu suất kinh tế tăng theo quy mô.
- c. Sản phẩm cận biên của lao động đang tăng.
- d. Sản phẩm cận biên của lao động không đổi.

12. Cho hàm sản xuất Cobb-Douglas $Q = K^{0.5}L^{0.5}$. Hàm sản xuất này thể hiện hiệu suất kinh tế:

- a. Tăng theo quy mô.
- b. Giảm theo quy mô.
- c. Không đổi theo quy mô.
- d. Không thể biết được vì thiếu dữ kiện.

13. Tỷ lệ thay thế kỹ thuật cận biên là:

- a. Giá trị tuyệt đối độ dốc của đường đồng lượng.
- b. Giá trị tuyệt đối độ dốc của đường bàng quan.

- c. Giá trị tuyệt đối độ dốc của đường giới hạn khả năng sản xuất.
- d. Giá trị tuyệt đối độ dốc của đường tổng sản phẩm.

14. Đường sản phẩm bình quân của lao động cắt đường sản phẩm cận biên của lao động tại:

- a. Sản phẩm bình quân của lao động lớn nhất.
- b. Sản phẩm cận biên của lao động lớn nhất.
- c. Sản phẩm cận biên của lao động nhỏ nhất.
- d. Sản phẩm bình quân của lao động nhỏ nhất.

15. Lợi nhuận được tính bằng:

- a. Doanh thu thuần trừ đi khấu hao.
- b. Tổng doanh thu trừ tổng chi phí.
- c. Doanh thu bình quân trừ tổng chi phí bình quân.
- d. Doanh thu cận biên trừ chi phí cận biên.

16. Chi phí cơ hội của việc sử dụng các yếu tố đầu vào:

- a. Chỉ bằng chi phí ẩn.
- b. Chỉ bằng chi phí hiện.
- c. Bằng chi phí hiện + chi phí ẩn.
- d. Bằng chi phí hiện + chi phí ẩn + tổng doanh thu.

17. Hàm sản xuất mô tả:

- a. Mối quan hệ giữa số lượng yếu tố đầu vào dùng trong sản xuất với số lượng sản phẩm đầu ra.
- b. Cách hãng tối đa hóa lợi nhuận.
- c. Mức chi phí thấp nhất để sản xuất ra một mức sản lượng nhất định.
- d. Mối quan hệ giữa chi phí và sản lượng.

18. Trong sản xuất ngắn hạn, khi số lượng sản phẩm sản xuất ra đạt giá trị cao nhất thì:

- a. AP đạt giá trị cực đại.
- b. AP bằng 0.
- c. MP đạt giá trị cực đại.
- d. MP bằng 0.

19. Một hãng đang sử dụng tập hợp đầu vào X và Y tối ưu để tối thiểu hóa chi phí. Biết rằng $P_X = 60\$$, $MP_X = 5$ và $MP_Y = 2$. Giá của yếu tố đầu vào Y bằng:

- a. 16,7\$
- b. 24\$
- c. 60\$
- d. 150\$

20. Câu phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về sản xuất trong ngắn hạn?

- a. MP luôn bằng AP tại điểm cực đại của MP.
- b. MP luôn bằng 0 khi tổng sản lượng đạt giá trị cực đại.
- c. Khi quy luật sản phẩm cận biên giảm dần bắt đầu tác động, đường tổng sản lượng thay đổi độ dốc từ dương sang âm.
- d. Khi sản phẩm cận biên giảm, sản phẩm bình quân đạt giá trị cực tiểu.

21. Giả sử một hãng đang sử dụng một tập hợp đầu vào mà tại đó sản phẩm cận biên trên mỗi đơn vị tiền tệ của tất cả các yếu tố đầu vào đều bằng nhau. Có thể kết luận rằng:

- a. Giá của các yếu tố đầu vào bằng nhau.
- b. Hãng đang sản xuất ở mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận.
- c. Số lượng các yếu tố đầu vào dùng trong sản xuất là như nhau.

- d. Hãng đang sử dụng tập hợp đầu vào tối ưu để tối thiểu hóa chi phí sản xuất.

Sử dụng bảng số liệu sau để trả lời các câu hỏi từ 22 - 25.

L	Q	AP _L	MP _L
1	—	20	—
2	—	—	30
3	66	—	—
4	—	—	10
5	—	16	—
6	78	—	—
7	—	10	—

22. Nếu hãng thuê 4 đơn vị lao động thì sản phẩm bình quân của lao động bằng

- a. 22
- b. 20
- c. 19
- d. 16

23. Sản phẩm cận biên của đơn vị lao động thứ 5 bằng:

- a. -2
- b. 4
- c. 10
- d. 16

24. Sản phẩm cận biên của lao động bắt đầu giảm từ đơn vị lao động ____:

- a. Thứ nhất.
- b. Thứ hai.

c. Thứ ba.

d. Thứ tư.

25. Sản phẩm cận biên của lao động âm khi hãng thuê thêm đơn vị lao động ____:

a. Thứ tư.

b. Thứ năm.

c. Thứ sáu.

d. Thứ bảy.

26. Đường đồng lượng là đồ thị mô tả các tập hợp đầu vào:

a. Có thể sản xuất ra cùng một mức sản lượng.

b. Có cùng một mức chi phí.

c. Tối ưu để tối đa hóa sản lượng khi chi phí thay đổi.

d. Tối ưu để tối thiểu hóa chi phí khi sản lượng thay đổi.

27. Khi chi phí sản xuất tăng (giả định tất cả các yếu tố khác không đổi), đường đồng phí của một hãng sẽ:

a. Dịch chuyển song song vào trong.

b. Dịch chuyển song song ra ngoài.

c. Xoay và dốc hơn.

d. Xoay và thoải hơn.

28. Điều kiện lựa chọn đầu vào tối ưu để tối thiểu hóa chi phí của một hãng là:

a. $MP_L = MP_K$

b. $w = r$

c. $MP_L \cdot w = MP_K \cdot r$

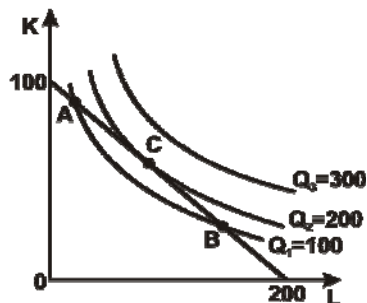
d. $\frac{MP_L}{w} = \frac{MP_K}{r}$

29. Điểm tiếp xúc giữa đường đồng phí và đường đồng lượng phản ánh:
- Tập hợp đầu vào tối ưu để tối đa hóa lợi nhuận của hãng.
 - Tập hợp đầu vào tối ưu để tối thiểu hóa chi phí.
 - Mức sản lượng tối thiểu có thể sản xuất ra ứng với mức chi phí nhất định.
 - Cả (a) và (b).

30. Nếu sản phẩm cạnh biên trên mỗi đơn vị tiền tệ của lao động lớn hơn của vốn, khi đó:

- Hãng tối thiểu hóa chi phí.
- Hãng nên thuê thêm lao động và giảm thuê vốn để tối thiểu hóa chi phí.
- Hãng nên thuê thêm vốn và giảm thuê lao động để tối thiểu hóa chi phí.
- Hãng nên tăng giá thuê lao động và giảm giá thuê vốn để tối thiểu hóa chi phí.

Sử dụng hình 4.20 để trả lời các câu hỏi từ 31 đến 34.



Hình 4.20

31. Nếu giá thuê một đơn vị vốn là 20\$ và giá thuê 1 đơn vị lao động là 10\$ thì đường đồng phí trên đồ thị thể hiện mức chi phí bằng:

- 2000\$
- 3000\$
- 4000\$
- 8000\$

32. Độ dốc của đường đồng phí bằng:

- a. -2
- b. -1/2
- c. 1/2
- d. 2

33. Tại tập hợp đầu vào C, độ dốc của đường đồng lượng Q_2 bằng:

- a. -2
- b. -1/2
- c. -1
- d. Không thể xác định được từ những thông tin đã cho.

34. Tại tập hợp đầu vào A, trị tuyệt đối độ dốc đường đồng lượng Q_1 :

- a. Lớn hơn 1/2
- b. Nhỏ hơn 1/2
- c. Bằng 1
- d. Không có trong số nêu trên.

35. Tỷ lệ thay thế kỹ thuật cận biên MRTS là:

- a. Tỷ lệ thay thế giữa lao động và vốn để đảm bảo mức sản lượng đầu ra không đổi.
- b. Tỷ lệ thay thế giữa lao động và vốn để đảm bảo mức chi phí không đổi.
- c. Trị tuyệt đối độ dốc đường đồng phí.
- d. Cả (a) và (c).
- e. Cả (b) và (c).

36. Một hãng đang sử dụng 400 đơn vị lao động và 200 đơn vị vốn để sản xuất ra 20.000 đơn vị sản phẩm. Giá thuê một đơn vị vốn là $r = 80\$$ và giá thuê một đơn vị lao động $w = 20\$$. Sản phẩm cận biên của

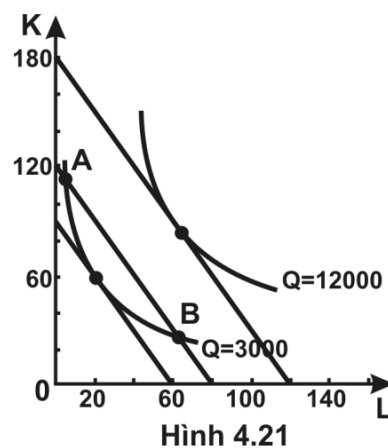
đơn vị thứ 200 của vốn là 100 sản phẩm, còn sản phẩm cận biên của đơn vị lao động thứ 400 là 30 sản phẩm.

- Hãng đã sử dụng tập hợp đầu vào tối ưu để tối thiểu hóa chi phí.
- Hãng nên gia tăng việc sử dụng vốn và lao động với cùng một tỷ lệ.
- Hãng nên giảm sử dụng cả vốn và lao động với cùng một tỷ lệ.
- Hãng có thể sản xuất với chi phí thấp hơn nếu giảm sử dụng vốn và gia tăng việc thuê lao động.
- Hãng có thể sản xuất với chi phí thấp hơn nếu giảm số lao động và gia tăng số lượng vốn.

37. Giả sử một hãng tăng việc sử dụng tất cả các đầu vào lên 100%, số lượng sản phẩm đầu ra tăng ít hơn 100%. Quá trình sản xuất của hãng thể hiện:

- Sự giảm tỷ lệ thay thế kỹ thuật cận biên
- Sản phẩm cận biên giảm dần
- Hiệu suất kinh tế giảm theo quy mô
- Cả (b) và (c)
- Không có trong số nêu trên

Sử dụng hình 4.21 để trả lời các câu hỏi từ 38 đến 44.



38. Biết giá thuê một đơn vị vốn là 50\$, giá thuê một đơn vị lao động là bao nhiêu?

- a. 25\$
- b. 50\$
- c. 75\$
- d. 100\$
- e. Không có trong số nêu trên.

39. Tập hợp đầu vào vốn và lao động nào có thể sản xuất ra mức sản lượng $Q = 3000$ với chi phí thấp nhất?

- a. 10K, 110L
- b. 42K, 52L
- c. 60K, 20L
- d. 90K, 60L
- e. 110K, 10L

40. Mức chi phí thấp nhất để sản xuất ra 3000 đơn vị sản phẩm bằng bao nhiêu?

- a. 6000\$
- b. 4500\$
- c. 3000\$
- d. 1500\$

41. Lý do hãng không nên lựa chọn tập hợp đầu vào vốn và lao động tại điểm A để sản xuất ra 3000 đơn vị sản phẩm là:

- a. Tại A, $MRTS = 3/2$
- b. Tại A, $\frac{MP_L}{w} < \frac{MP_K}{r}$
- c. Tại A, $MP_L > MP_K$
- d. Tại A, $\frac{MP_L}{w} > \frac{MP_K}{r}$

42. Lý do hãng không nên lựa chọn tập hợp đầu vào vốn và lao động tại điểm B để sản xuất ra 3000 đơn vị sản phẩm là:

- a. Tại B, $MRTS > 3/2$
- b. Tại B, $\frac{MP_L}{w} < \frac{MP_K}{r}$
- c. Tại B, $MP_L < MP_K$
- d. Không có trong số nêu trên.

43. Tại tập hợp đầu vào tối ưu để tối thiểu hóa chi phí khi sản xuất mức sản lượng $Q = 12.000$, tỷ lệ thay thế kỹ thuật cận biên $MRTS_{L/K}$ bằng:

- a. 0,80
- b. 0,67
- c. 1,50
- d. 2,50
- e. Không thể biết được do thiếu thông tin.

44. Tại tập hợp đầu vào tối ưu để tối thiểu hóa chi phí khi sản xuất mức sản lượng $Q = 12.000$, nếu sản phẩm cận biên của vốn bằng 60 thì sản phẩm cận biên của lao động bằng:

- a. 30
- b. 50
- c. 62,5
- d. 90

45. Câu phát biểu nào sau đây *không đúng* khi nói về đường đồng lượng?

- a. Các điểm nằm trên cùng một đường đồng lượng phản ánh các tập hợp đầu vào có cùng một mức chi phí.
- b. Khi giá của một đầu vào thay đổi sẽ làm cho đường đồng lượng dịch chuyển.
- c. Khi di chuyển dọc theo đường đồng lượng từ trên xuống dưới, tỷ lệ thay thế kỹ thuật cận biên $MRTS_{L/K}$ giảm dần.
- d. Cả (a) và (c).
- e. Cả (a) và (b).

Phần 6 - Bài tập thực hành có lời giải

Bài số 1:

Giả sử trong ngắn hạn, hãng sử dụng đầu vào vốn K cố định, đầu vào biến đổi là lượng lao động L. Hãng tăng lượng lao động lên từ 1 đến 9, khi đó sản lượng hãng tạo ra được tương ứng được cho bởi bảng số liệu sau:

L	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Q	150	270	360	430	480	520	540	540	450

a. Hãy tính sản phẩm trung bình của lao động và sản phẩm cận biên của lao động?

b. Hãy giải thích vì sao khi lượng lao động vượt quá 8 đơn vị thì tổng sản lượng có xu hướng giảm dần. Sản phẩm cận biên của lao động bằng bao nhiêu thì sản lượng đạt giá trị lớn nhất?

Trả lời:

a. Lập bảng tính các giá trị AP_L và MP_L :

L	Q	AP_L	MP_L
0	0	-	0
1	150	150	150
2	270	135	120
3	360	120	90
4	430	107,5	70
5	480	96	50
6	520	86,67	40
7	540	77,14	20
8	540	67,5	0
9	450	50	-90

b. Khi $MP_L = 0$ thì sản lượng đạt giá trị lớn nhất. Nếu $MP_L < 0$, việc gia tăng thêm lượng lao động sẽ làm cho tổng sản lượng có xu hướng giảm dần.

Bài số 2:

Viết phương trình các hàm chi phí AVC, ATC, AFC, TVC, TFC và MC, nếu biết hàm tổng chi phí: $TC = 3Q^3 - 6Q^2 + 8Q + 144$.

Trả lời:

$$TC = 3Q^3 - 6Q^2 + 8Q + 144$$

$$TVC = 3Q^3 - 6Q^2 + 8Q;$$

$$TFC = 144$$

$$AFC = 144/Q$$

$$MC = 9Q^2 - 12Q + 8$$

$$AVC = 3Q^2 - 6Q + 8$$

$$ATC = 3Q^2 - 6Q + 8 + 144/Q$$

Bài số 3:

Xác định AVC, ATC, AFC, TVC và MC khi biết chi phí sản xuất và sản lượng của một hãng là:

Q	0	1	2	3	4	5	6	7
TC	70	120	190	290	420	570	740	930

Trả lời:

Ta có bảng số liệu sau:

Q	TC	TFC	TVC	AFC	AVC	ATC	MC
0	70	70	0	-	-	-	0
1	120	70	50	70	50	120	50
2	190	70	120	35	60	95	70
3	290	70	220	23,33	73,33	96,67	100
4	420	70	350	17,4	87,5	105	130
5	570	70	500	14	100	114	150
6	740	70	670	12,67	111,67	123,33	170
7	930	70	860	10	122,86	132,86	190

Bài số 4:

Một hãng có hàm sản xuất là $Q = 0,5K.L$. Hãng sử dụng hai đầu vào là vốn K và lao động L. Giá của các đầu vào tương ứng là $r = 8\$/1$ đơn vị vốn; $w = 2\$/1$ đơn vị lao động.

a. Tỷ lệ thay thế kỹ thuật cận biên của lao động cho vốn bằng bao nhiêu? Tỷ lệ này tại điểm cơ cấu đầu vào tối ưu để tối thiểu hóa chi phí bằng bao nhiêu?

b. Để sản xuất ra một mức sản lượng $Q_0 = 5000$, hãng sẽ chọn cơ cấu đầu vào tối ưu để tối thiểu hóa chi phí như thế nào? Khi đó chi phí sản xuất bằng bao nhiêu?

c. Với chi phí sản xuất là $C_0 = 1200$, hãng sẽ lựa chọn cơ cấu đầu vào tối ưu để tối đa hóa sản lượng như thế nào? Sản lượng lớn nhất bằng bao nhiêu?

d. Cũng hỏi như câu (c) nhưng bây giờ giá của lao động tăng lên gấp đôi (các yếu tố khác không thay đổi). Cho nhận xét về kết quả tính được.

Trả lời:

a. Tỷ lệ thay thế kỹ thuật cận biên của lao động cho vốn: $MRTS_{L/K}$

$$MRTS_{L/K} = \frac{MP_L}{MP_K} = \frac{0,5K}{0,5L} = \frac{K}{L}$$

Tỷ lệ này tại điểm cơ cấu đầu vào tối ưu để tối thiểu hóa chi phí: Điểm cơ cấu đầu vào tối ưu để tối thiểu hóa chi phí sản xuất là điểm mà tại đó đường đồng lượng tiếp xúc với đường đồng phí \rightarrow độ dốc 2 đường tại điểm đầu vào tối ưu phải bằng nhau.

Ta có: $MRTS_{L/K}$ = trị tuyệt đối độ dốc đường đồng lượng.

\rightarrow Tại điểm đầu vào tối ưu $MRTS_{L/K}$ = trị tuyệt đối độ dốc đường đồng phí = $w/r = 0,25$

b. Để sản xuất ra một mức sản lượng $Q_0 = 5000$, hãng sẽ chọn cơ cấu đầu vào tối ưu để tối thiểu hóa chi phí như thế nào? Khi đó chi phí sản xuất bằng bao nhiêu?

Điều kiện tối thiểu hóa chi phí:

$$\begin{cases} \frac{MP_L}{w} = \frac{MP_K}{r} \\ 0,5K \cdot L = 5000 \end{cases} \rightarrow \begin{cases} \frac{0,5K}{2} = \frac{0,5L}{8} \\ 0,5K \cdot L = 5000 \end{cases}$$

Kết quả $L^* = 200$; $K^* = 50$; $TC = 800$

c. Với chi phí sản xuất là $C_0 = 1200$, hãng sẽ lựa chọn cơ cấu đầu vào tối ưu để tối đa hóa sản lượng như thế nào? Sản lượng lớn nhất bằng bao nhiêu?

Điều kiện lựa chọn đầu vào tối ưu để tối đa hóa sản lượng:

$$\begin{cases} \frac{MP_L}{w} = \frac{MP_K}{r} \\ wL + rK = 1200 \end{cases} \rightarrow \begin{cases} \frac{0,5K}{2} = \frac{0,5L}{8} \\ 2L + 8K = 1200 \end{cases}$$

Kết quả: $L^* = 300$; $K^* = 75$; $Q = 11250$

d. Khi giá của lao động tăng lên gấp đôi

Điều kiện lựa chọn đầu vào tối ưu để tối đa hóa sản lượng:

$$\begin{cases} \frac{MP_L}{w} = \frac{MP_K}{r} \\ wL + rK = 1200 \end{cases} \rightarrow \begin{cases} \frac{0,5K}{4} = \frac{0,5L}{8} \\ 4L + 8K = 1200 \end{cases}$$

Kết quả: $L^* = 150$; $K^* = 75$; $Q = 5625$

Bài số 5:

Một hãng chỉ sử dụng hai yếu tố đầu vào là vốn và lao động. Giá thuê một đầu vào vốn là $r = 400$ USD và giá thuê một đầu vào lao động là $w = 100$ USD. Hàm sản xuất của hãng có dạng: $Q = 10\sqrt{K \cdot L}$ (với K thể hiện cho số lượng vốn và L thể hiện cho số lượng lao động).

a. Tính sản phẩm cận biên của vốn và lao động. Tỷ lệ thay thế kỹ thuật cận biên của lao động cho vốn bằng bao nhiêu?

b. Giả sử hãng đang sản xuất trong ngắn hạn với số vốn cố định $K = 16$. Để sản xuất ra 100 sản phẩm, hãng cần sử dụng bao nhiêu lao động và tốn bao nhiêu chi phí?

c. Xây dựng hàm chi phí cố định, chi phí biến đổi, tổng chi phí và chi phí cận biên của hãng trong trường hợp sản xuất trong ngắn hạn với số vốn cố định $K = 16$ (các hàm chi phí này đều là hàm theo biến Q).

d. Nếu bây giờ là sản xuất trong dài hạn với cả vốn và lao động đều có thể thay đổi, để sản xuất ra 100 sản phẩm, hãng sẽ sử dụng cơ cấu đầu vào như thế nào để tối thiểu hóa chi phí? Tổng chi phí của hãng là bao nhiêu?

Trả lời:

a. Tính sản phẩm cận biên của vốn và lao động:

$$MP_L = Q'_{(L)} = 5 \sqrt{\frac{K}{L}}$$

$$MP_K = Q'_{(K)} = 5 \sqrt{\frac{L}{K}}$$

Tỷ lệ thay thế kỹ thuật cận biên của lao động cho vốn:

$$MRTS_{L/K} = \frac{MP_L}{MP_K} = \frac{K}{L}$$

b. $K = 16$. Để sản xuất ra 100 sản phẩm hãng cần sử dụng bao nhiêu lao động? Tổng bao nhiêu chi phí?

Thay vào phương trình $Q = 10\sqrt{K.L}$ ta có $L = 6,25$

Chi phí $C = r.K + w.L = 400 \times 16 + 100 \times 6,25 = 7.025$ (USD)

c. Xây dựng các hàm chi phí:

$$TFC = 6.400 \text{ (USD)}$$

$$TVC = \frac{Q^2}{16}$$

$$TC = \frac{Q^2}{16} + 6.400$$

$$MC = \frac{Q}{8}$$

d. Nếu sản xuất trong dài hạn và vẫn sản xuất 100 sản phẩm:

Hãng sẽ lựa chọn tập hợp đầu vào để tối thiểu hóa chi phí thỏa mãn điều kiện:

$$\begin{cases} \frac{MP_L}{w} = \frac{MP_K}{r} \\ 10\sqrt{K.L} = 100 \end{cases}$$

Giải ra cho kết quả: $K = 5$, $L = 20$.

Tổng chi phí là 4.000 USD.

Bài số 6:

Giả sử một hãng sản xuất trong ngắn hạn có hàm tổng chi phí là:

$$TC = aQ^3 - bQ^2 + cQ + d \quad (a, b, c, d > 0).$$

a. Nếu hãng bị đánh thuế một khoản không đổi là T , hãy phân tích tác động của thuế đến tổng chi phí, chi phí cận biên và các chi phí bình quân của hãng.

b. Nếu hãng bị đánh thuế là t trên mỗi đơn vị sản phẩm, điều này tác động đến tổng chi phí, chi phí cận biên và các chi phí bình quân của hãng như thế nào?

Trả lời:

a. Nếu hãng bị đánh thuế một khoản không đổi là T thì tổng chi phí của hãng sau khi bị đánh thuế cũng sẽ tăng lên một lượng là T.

$$TC_{\text{sau thuế}} = aQ^3 - bQ^2 + cQ + d + T$$

Tổng chi phí biến đổi của hãng không đổi, vẫn là $aQ^3 - bQ^2 + cQ$, chỉ có chi phí cố định tăng lên một lượng là T, $TFC_{\text{sau thuế}} = d + T$.

Do chi phí biến đổi không thay đổi, nên chi phí biến đổi bình quân cũng không đổi.

$$AVC = aQ^2 - bQ + c$$

Nhưng chi phí cố định bình quân thay đổi:

$$AFC_{\text{sau thuế}} = aQ^2 - bQ + c + \frac{d+T}{Q}$$

Chi phí cận biên của hãng không thay đổi, vẫn là

$$MC = 3aQ^2 - 2bQ + c$$

b. Nếu hãng bị đánh thuế là t trên mỗi đơn vị sản phẩm thì khi đó chi phí cố định không đổi (và do vậy chi phí cố định bình quân cũng không đổi), nhưng chi phí biến đổi sẽ thay đổi là:

$$TVC_{\text{sau thuế}} = TVC_{\text{trước thuế}} + tQ = aQ^3 - bQ^2 + cQ + tQ = aQ^3 - bQ^2 + (c+t)Q$$

Tổng chi phí sau thuế:

$$TC_{\text{sau thuế}} = aQ^3 - bQ^2 + (c+t)Q + d$$

Chi phí biến đổi bình quân tăng thêm một lượng là t và chi phí cận biên cũng tăng thêm một lượng là t.

$$AVC_{\text{sau thuế}} = aQ^2 - bQ + c + t \text{ và } MC_{\text{sau thuế}} = 3aQ^2 - 2bQ + c + t$$

Tổng chi phí bình quân:

$$ATC_{\text{sau thuế}} = aQ^2 - bQ + c + t + \frac{d}{Q}$$

Phần 7 - Bài tập thực hành tự giải

Bài số 1:

Chứng minh rằng:

- Nếu $AP_L = MP_L$ thì AP_L đạt giá trị lớn nhất.
- Nếu $AP_L > MP_L$ thì khi tăng lao động giá trị của AP_L sẽ giảm.
- Nếu $AP_L < MP_L$ thì khi tăng lao động giá trị của AP_L sẽ tăng.

Bài số 2:

Chứng minh rằng:

- Nếu $ATC = SMC$ thì ATC sẽ đạt giá trị cực tiểu.
- Nếu $ATC > SMC$ thì khi tăng sản lượng giá trị của ATC sẽ giảm dần.
- Nếu $ATC < SMC$ thì khi tăng sản lượng giá trị của ATC sẽ tăng dần.
- Chứng minh tương tự 3 trường hợp trên đối với mối quan hệ giữa AVC và SMC .

Bài số 3:

Một hãng có hàm sản xuất là $Q = 4K.L$. Hãng sử dụng hai đầu vào K và L . Giá của các đầu vào tương ứng là $r = 4\$/\text{m}\ddot{u}\text{t đơn vị vốn}$; $w = 10\$/\text{m}\ddot{u}\text{t đơn vị lao động}$.

- Tỷ lệ thay thế kỹ thuật cận biên tại điểm lựa chọn cơ cấu đầu vào tối ưu để tối thiểu hóa chi phí bằng bao nhiêu?
- Viết phương trình của đường đồng lượng, biết hãng sẽ sản xuất mức sản lượng Q_0 .
- Để sản xuất ra một mức sản lượng $Q_0 = 1000$, hãng sẽ lựa chọn tập hợp đầu vào vốn và lao động như thế nào để có chi phí sản xuất là thấp nhất? Mức chi phí thấp nhất này bằng bao nhiêu?

d. Cũng hỏi như câu (c) nhưng lúc này hãng muốn sản xuất 4000 đơn vị sản phẩm?

e. Giả sử hãng có mức chi phí là $TC = 10.000\$$, hãng sẽ sản xuất tối đa được bao nhiêu sản phẩm?

Bài số 4:

Hàm sản xuất của hãng ABC có dạng $Q = 2KL + 4K$. Biết rằng giá thuê vốn là 250\$/đơn vị và giá thuê lao động là 100\$/đơn vị.

a. Để sản xuất ra 2000 đơn vị sản phẩm, hãng sẽ sử dụng bao nhiêu đơn vị lao động và bao nhiêu đơn vị vốn khi muốn tối thiểu hóa chi phí?

b. Tính chi phí nhỏ nhất để sản xuất ra 2000 đơn vị sản phẩm.

Bài số 5:

Cho hàm sản xuất Cobb - Douglas sau: $Q = K.L^{1/2}$

a. Hàm sản xuất này thể hiện hiệu suất kinh tế tăng, giảm hay không đổi theo quy mô? Hãy giải thích.

b. Hãy vẽ đường đồng lượng khi: $Q = 12, 16, 26$ và 32 .

c. Tính tỷ lệ thay thế kỹ thuật cận biên của lao động cho vốn $MRTS_{L/K}$?

d. Giả sử bây giờ vốn $K = 10$, giá vốn $r = 5\$$ và giá của lao động $w = 10\$$. Sử dụng các thông tin này để viết hàm tổng chi phí sản xuất trong ngắn hạn.

e. Giả sử tổng chi phí sản xuất là 120\$ và hãng sử dụng 10 đơn vị vốn. Hãy xác định số lao động mà hãng có thể thuê? Tập hợp vốn và lao động này có phải là tập hợp tối ưu không? Vì sao? Hãy giải thích.

Bài số 6:

Một hãng sản xuất áo sơ mi có mức chi phí để sản xuất 50.000 chiếc sơ mi như sau:

Chi phí biến đổi:

- Nguyên vật liệu: 125.000\$
- Lao động: 85.000\$
- Chi phí khác: 15.000\$

Chi phí cố định: 155.000\$

Tổng chi phí: 380.000\$

a. Hãy tính các giá trị ATC, AVC và AFC.

b. Giả sử một khách hàng đưa ra đề nghị sẽ mua 10.000 chiếc áo sơ mi với giá $P = 5\$/\text{chiếc}$. Hãng có nên chấp nhận lời đề nghị này không? (Giả sử hãng có chi phí biến đổi bình quân không đổi).

Bài số 7:

Viết phương trình các hàm chi phí AVC, ATC, AFC, TVC, TFC và MC, nếu biết hàm tổng chi phí có dạng: $TC = aQ^3 - bQ^2 + cQ + d$.

Bài số 8:

Xác định AVC, ATC, AFC, TVC và MC khi biết chi phí sản xuất và sản lượng của một hãng như sau:

Q	0	1	2	3	4	5	6	7
TC	80	190	280	350	420	470	500	510

Bài số 9:

Một hãng có hàm sản xuất là $Q = 20KL + KL^2 - 0,1KL^3$, trong đó K thể hiện cho số lượng vốn và L thể hiện cho số lượng lao động sử dụng trong quá trình sản xuất.

a. Hàm sản xuất này thể hiện hiệu suất kinh tế tăng, giảm hay không đổi theo quy mô? Hãy giải thích?

b. Giả sử hãng sản xuất trong ngắn hạn với $K = 5$, hãy tính sản lượng mà hãng sản xuất ra khi sử dụng số lao động $L = 1, 3, 5, 7, 10, 12, 17$ và 20 .

c. Sử dụng tính toán ở câu (b) để vẽ hàm sản xuất của hãng với Q ở trục tung và L ở trục hoành.

d. Tính sản phẩm cận biên và sản phẩm bình quân của lao động với các giá trị lao động được cho ở câu (b) và vẽ đồ thị minh họa.

e. Hãng vẫn sản xuất trong ngắn hạn với $K = 5$. Ở mức lao động nào thì sản lượng sẽ đạt giá trị lớn nhất? Ở mức sản lượng nào thì AP_L đạt giá trị lớn nhất? Ở mức sản lượng nào quy luật hiệu suất sử dụng các yếu tố đầu vào có xu hướng giảm dần bắt đầu tác động?

Bài số 10:

Một hãng sản xuất bánh mì có hàm sản xuất là $Q = 5KL$, trong đó Q là lượng bánh sản xuất ra (tấn), K là số dây chuyền sản xuất và L là số lao động. Hiện tại, hãng đang thuê một dây chuyền sản xuất ($K = 1$) với giá thuê là $500\$/\text{tháng}$. Hãng phải trả lương cho công nhân làm bánh là $100\$/\text{người/tháng}$.

a. Viết hàm tổng chi phí, chi phí biến đổi và chi phí cận biên của hãng trong ngắn hạn với số lượng dây chuyền sản xuất là 1 đơn vị.

b. Khi $K = 1$, nếu hãng muốn sản xuất 25 tấn bánh/tháng, hãng cần phải thuê bao nhiêu lao động? Chi phí sản xuất của hãng bằng bao nhiêu? Tập hợp đầu vào lao động và vốn này có phải là tập hợp đầu vào tối ưu không? Tại sao?

c. Hãng vẫn sản xuất trong ngắn hạn với $K = 1$, nếu bây giờ hãng muốn sản xuất 100 tấn bánh/tháng, hãng cần phải thuê bao nhiêu lao động và tốn bao nhiêu chi phí?

d. Nếu hãng có thể thuê thêm dây chuyền sản xuất thì để sản xuất ra 100 tấn bánh/tháng, hãng cần phải thuê bao nhiêu dây chuyền sản xuất và thuê lao động với số lượng là bao nhiêu để tối thiểu hóa chi phí? Chi phí sản xuất của hãng lúc này bằng bao nhiêu? So sánh với chi phí sản xuất tính được ở câu (c) rồi cho nhận xét về kết quả tính được.

Bài số 11:

Một hãng chỉ sử dụng hai yếu tố đầu vào là vốn (K) và lao động (L). Hàm sản xuất của hãng có dạng $Q = 6K^2L^2 - 0,1K^3L^3$. Giả sử hãng đang sản xuất trong ngắn hạn với số lượng vốn cố định $K_0 = 10$.

- a. Viết hàm tổng sản phẩm của hãng theo biến L.
- b. Viết hàm sản phẩm cận biên và sản phẩm trung bình của lao động.
- c. Hãng cần thuê bao nhiêu lao động để số lượng sản phẩm sản xuất đạt giá trị lớn nhất?
- d. Ở mức sử dụng lao động nào thì sản phẩm trung bình của lao động đạt giá trị lớn nhất?
- e. Ở mức sử dụng lao động nào thì quy luật sản phẩm cận biên giảm dần bắt đầu tác động đến quá trình sản xuất của hãng này?

ĐÁP ÁN CÁC PHẦN 4 VÀ 5 CỦA CHƯƠNG 4

1. Đáp án phần Câu hỏi đúng hay sai

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
S	Đ	S	S	Đ	S	Đ	S	S	Đ	S	S
13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
Đ	Đ	S	Đ	Đ	S	S	Đ	S	S	Đ	S
25	26	27	28	29	30	31	32	33	34		
Đ	S	S	Đ	S	Đ	Đ	S	Đ	Đ		

2. Đáp án phần Lựa chọn một câu trả lời đúng nhất

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
c	a	b	d	c	a	c	a	b	c	b	c	a	a	b
16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
c	a	d	b	b	d	c	b	c	c	a	b	d	b	b
31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45
a	b	b	a	a	d	c	c	c	b	d	b	c	d	e

Chương 5

THỊ TRƯỜNG CẠNH TRANH HOÀN HẢO

Phần 1 - Mục đích và yêu cầu của chương

Sau khi nghiên cứu chương này, người học sẽ:

- Phân biệt được hãng cạnh tranh hoàn hảo và thị trường hãng cạnh tranh hoàn hảo.

- Hiểu được các đặc trưng của thị trường hãng cạnh tranh hoàn hảo.

- Xác định được đường cầu và đường doanh thu cận biên của hãng cạnh tranh hoàn hảo.

- Chứng minh được điều kiện tối đa hóa lợi nhuận của hãng cạnh tranh hoàn hảo.

- Hiểu được khả năng sinh lợi của hãng cạnh tranh hoàn hảo trong ngắn hạn, các quyết định sản xuất tối ưu, cách xác định điểm hòa vốn, điểm đóng cửa sản xuất của hãng cạnh tranh hoàn hảo.

- Biết cách xác định đường cung của hãng trong ngắn hạn và đường cung của ngành trong ngắn hạn.

- Phân tích được sự lựa chọn sản lượng của hãng cạnh tranh hoàn hảo trong dài hạn: Điều kiện tối đa hóa lợi nhuận của hãng cạnh tranh hoàn hảo trong dài hạn, cân bằng cạnh tranh dài hạn của ngành, đường cung của ngành trong dài hạn.

Phần 2 - Tóm tắt nội dung lý thuyết

5.1. Các đặc trưng của thị trường cạnh tranh hoàn hảo

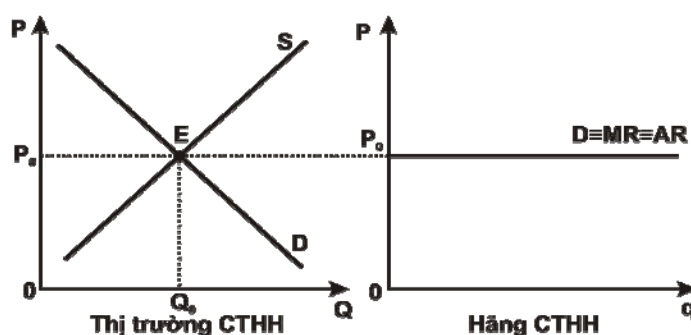
- Các hãng cạnh tranh hoàn hảo (CTHH) là những người chấp nhận giá bởi vì mỗi một hãng cá biệt trên thị trường là quá nhỏ so với toàn bộ thị trường nên hãng không thể gây ảnh hưởng đến giá thị trường của hàng hoá hay dịch vụ hãng sản xuất ra khi thay đổi sản lượng của hãng.

- Tất cả các hãng sản xuất một loại hàng hoá đồng nhất hay được tiêu chuẩn hoá hoàn hảo. Sản phẩm của một hãng này trong một thị trường cạnh tranh hoàn hảo giống với sản phẩm của mọi hãng khác. Điều kiện này đảm bảo rằng những người mua bàng quan với hãng sản xuất ra sản phẩm họ mua. Những sự khác biệt sản phẩm, cho dù là thực hay ảo, là không thể xảy ra trong cạnh tranh hoàn hảo.

- Việc gia nhập hoặc rút lui khỏi thị trường cạnh tranh hoàn hảo là không hạn chế. Không hề có những rào cản nào ngăn cản các hãng mới gia nhập thị trường, và không có điều gì ngăn cản các hãng đang tồn tại trên thị trường rút lui khỏi thị trường.

- Đối với thị trường CTHH, mọi thông tin trên thị trường là hoàn hảo. Người mua và người bán hiểu rõ và hiểu đầy đủ về nhau.

- Khi có nhiều nhà cung cấp (tương đối) nhỏ trên thị trường, sản xuất một loại sản phẩm đồng nhất, đường cầu đối mặt với nhà quản lý của mỗi một hãng cá biệt là đường nằm ngang ở mức giá được xác định bởi điểm giao của đường cung và đường cầu thị trường. Đường cầu và đường doanh thu cận biên của hãng cạnh tranh hoàn hảo trùng nhau và là đường nằm ngang song song với trục hoành.



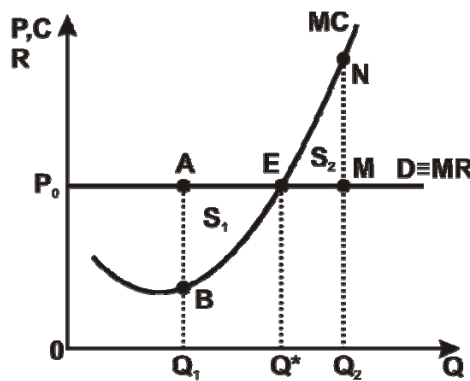
Hình 5.1: Đường cầu của thị trường và đường cầu của hãng cạnh tranh hoàn hảo

Trên hình 5.1, đường cầu của thị trường CTHH là đường dốc xuống về phía phải, trong khi đường cầu của hãng CTHH là đường nằm ngang song song với trục hoành có cầu co dẫn hoàn toàn.

5.2. Lựa chọn sản lượng của hãng cạnh tranh hoàn hảo trong ngắn hạn

5.2.1. Điều kiện tối đa hóa lợi nhuận

Đường cầu của một hãng cạnh tranh là một đường nằm ngang ở mức giá do thị trường quyết định. Hình 5.2 miêu tả đường cầu nằm ngang cũng là đường doanh thu cận biên của hãng bởi giá bằng doanh thu cận biên ($P = MR$) đối với một hãng cạnh tranh. Trong ngắn hạn, nếu hãng lựa chọn sản xuất, lợi nhuận được tối đa hoá bằng việc sản xuất mức sản lượng tại đó giá thị trường bằng chi phí cận biên $P = MC$, do điều kiện tối đa hóa lợi nhuận của một hãng bất kỳ là $MR = MC$.



Hình 5.2: Sản lượng tối ưu của hãng cạnh tranh hoàn hảo

Theo hình 5.2, nếu hãng đang sản xuất mức sản lượng Q_1 , tại đó $P = MR > MC$, hãng có lãi tại mức sản lượng này là $(MR - MC)$. Hãng chưa thể tối đa hóa lợi nhuận, nếu chỉ sản xuất ở mức sản lượng Q_1 , hãng bỏ phí phần lợi nhuận là diện tích S_1 . Hãng càng tăng sản lượng thì lợi nhuận sẽ càng tăng, do đó hãng nên tăng sản lượng từ Q_1 đến Q^* . Nếu hãng sản xuất mức sản lượng Q_2 , hãng cũng chưa đạt lợi nhuận tối đa, hãng bị mất một phần lợi nhuận do $P = MR < MC$ biểu thị bởi diện tích S_2 , hãng nên giảm sản lượng từ Q_2 đến Q^* . Vậy, chỉ có mức sản lượng tối ưu Q^* thỏa mãn điều kiện $P = MR = MC$ mới là mức sản lượng đem lại lợi nhuận tối đa.

5.2.2. Lợi nhuận và lợi nhuận bình quân

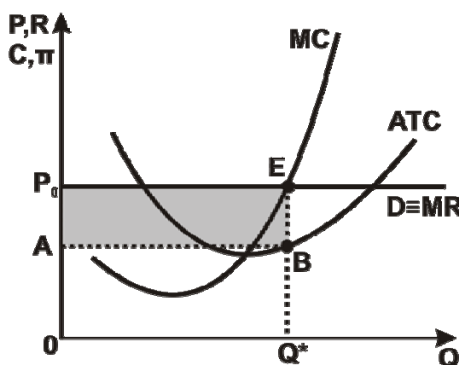
Hàm lợi nhuận có dạng: $\pi = TR - TC$, trong đó TR là tổng doanh thu và TC là tổng chi phí kinh tế. Lợi nhuận bình quân, mức lợi nhuận bằng tổng lợi nhuận chia cho sản lượng (π/Q), bằng với phần chênh lệch giữa giá và tổng chi phí bình quân ATC.

$$\text{Lợi nhuận bình quân} = \frac{\pi}{Q} = \frac{(P - ATC)Q}{Q} = P - ATC$$

5.2.3. Khả năng sinh lợi của hãng cạnh tranh hoàn hảo trong ngắn hạn

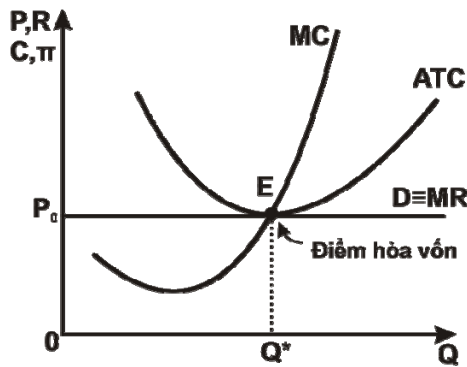
Đối với hãng CTHH, khi giá thị trường về sản phẩm của hãng thay đổi thì sản lượng tối ưu của hãng cũng thay đổi, và lợi nhuận kinh tế của hãng cũng thay đổi. Chúng ta có thể phân loại giá thị trường thành 4 trường hợp sau:

- *Trường hợp 1:* Khi giá thị trường lớn hơn ATC_{\min} , hãng sẽ lựa chọn mức sản lượng tối ưu Q^* thỏa mãn điều kiện $P_0 = MC$, hãng sẽ thu được lợi nhuận kinh tế dương là diện tích hình AP_0EB (xem hình 5.3).



Hình 5.3: Lựa chọn sản lượng của hãng cạnh tranh hoàn hảo khi $P > ATC_{\min}$

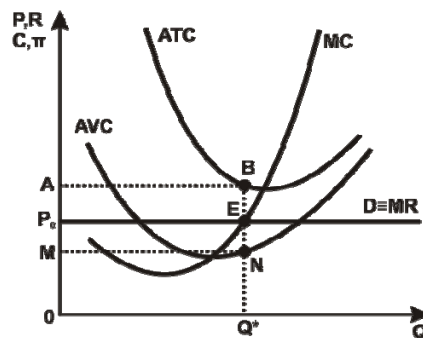
- *Trường hợp 2:* Khi giá thị trường bằng với ATC_{\min} , hãng sẽ lựa chọn mức sản lượng tối ưu Q^* thỏa mãn điều kiện $P_0 = MC$, hãng sẽ hòa vốn. Điểm E được gọi là điểm hòa vốn. Vì điểm hòa vốn xảy ra tại điểm cực tiểu của ATC, nên chúng ta có 2 cách để xác định mức sản lượng hòa vốn là giải phương trình $MC = ATC$ hoặc $ATC'_{(Q)} = 0$ (xem hình 5.4).



Hình 5.4: Lựa chọn sản lượng của hãng cạnh tranh hoàn hảo khi $P = ATC_{min}$

Sau khi xác định được sản lượng hòa vốn, chúng ta thay vào hàm ATC hoặc hàm MC sẽ tìm được giá hòa vốn.

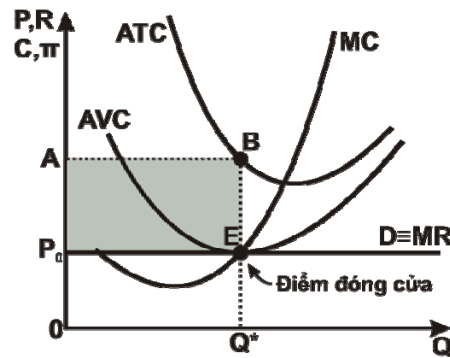
- *Trường hợp 3:* Khi giá thị trường nằm giữa ATC_{min} và AVC_{min} , hãng sẽ lựa chọn mức sản lượng tối ưu Q^* thỏa mãn điều kiện $P_0 = MC$, hãng sẽ bị lỗ vốn (xem hình 5.5).



Hình 5.5: Lựa chọn sản lượng của hãng CTHH khi $AVC_{min} < P < ATC_{min}$

Nếu giá giảm xuống dưới tổng chi phí bình quân $P < ATC_{min}$, nhà quản lý không tránh được thua lỗ trong ngắn hạn, cho dù lựa chọn mức sản lượng nào. Thua lỗ trong trường hợp này được tối thiểu hoá - lợi nhuận âm được tối thiểu hoá - bằng việc sản xuất mức sản lượng ở đó giá thị trường bằng chi phí cận biên $P = MC$ chùng nào mà giá không giảm xuống dưới chi phí biến đổi bình quân (tức là, chùng nào mà $P \geq AVC_{min}$).

- Trường hợp 4: Khi giá thị trường $P = AVC_{\min}$, nếu hãng sản xuất, hãng sẽ sản xuất tại mức sản lượng Q^* và sẽ bị thua lỗ là toàn bộ chi phí cố định TFC bằng diện tích hình chữ nhật P_0ABE . Nếu hãng đóng cửa sản xuất, hãng cũng sẽ bị mất toàn bộ chi phí cố định là diện tích đó (xem hình 5.6).



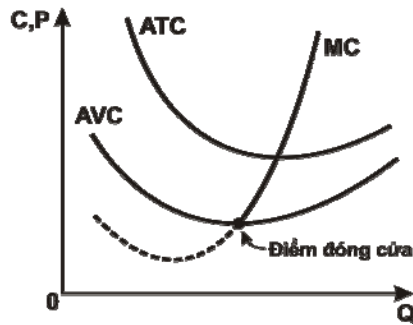
Hình 5.6: Lựa chọn sản lượng của hãng cạnh tranh hoàn hảo khi $P = AVC_{\min}$

Nhà sản xuất sẽ bị bàng quan giữa sản xuất và không sản xuất, chúng ta sẽ giả định những nhà quản lý lựa chọn sản xuất thay vì đóng cửa khi P đúng bằng AVC_{\min} .

Nếu giá thấp hơn AVC_{\min} tại mức sản lượng ở đó $P = MC$, thì nhà quản lý nên đóng cửa hãng và không sản xuất. Khi hãng đóng cửa, hãng mất chi phí cố định của hãng ($\pi = -TFC$), nhưng đây là khoản lỗ tối thiểu có thể khi giá thấp hơn chi phí biến đổi bình quân. Do hãng đóng cửa khi giá giảm xuống dưới AVC_{\min} nên điểm tối thiểu trên đường AVC là giá đóng cửa của hãng.

5.2.4. Đường cung của hãng trong ngắn hạn

Đường cung ngắn hạn của một hãng chấp nhận giá là đường chi phí cận biên nằm trên đường chi phí biến đổi bình quân tối thiểu của hãng (xem hình 5.7). Nếu mức giá thị trường thấp hơn AVC_{\min} thì sản lượng được cung cấp là 0, không tuân theo luật cung.



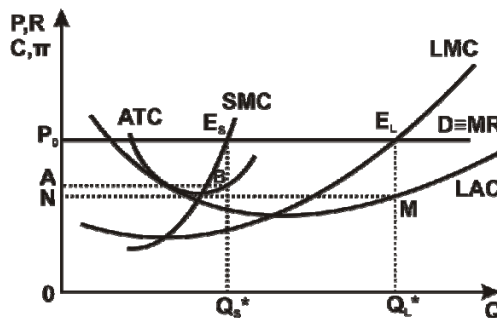
Hình 5.7: Đường cung của hãng cạnh tranh hoàn hảo trong ngắn hạn

Đường cung trong ngắn hạn của một ngành cạnh tranh (hoặc của thị trường cạnh tranh) có thể thu được bằng cách cộng theo chiều ngang tất cả các đường cung của tất cả các hãng trong ngành. Cung ngắn hạn của một ngành cạnh tranh thường dốc lên.

5.3. Lựa chọn sản lượng tối ưu của hãng cạnh tranh hoàn hảo trong dài hạn

5.3.1. Cân bằng cạnh tranh trong dài hạn của hãng

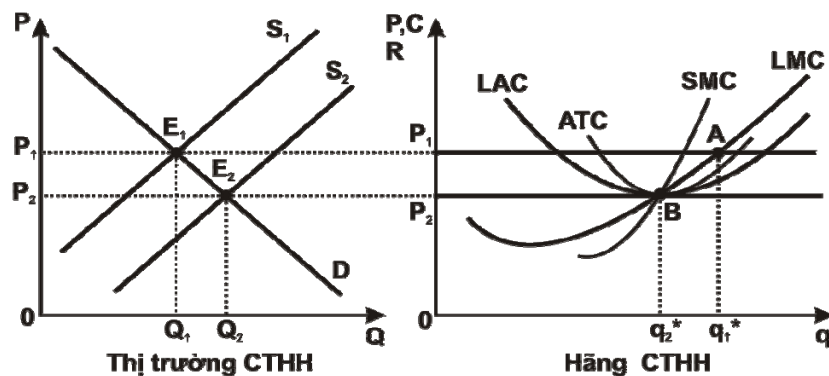
Hãng tối đa hoá lợi nhuận khi chi phí cận biên trong dài hạn bằng doanh thu cận biên $MR = LMC$. Theo hình 5.8, giả sử rằng một hãng cạnh tranh hoàn hảo sản xuất trong ngắn hạn, hãng sẽ lựa chọn mức sản lượng là Q_S^* khi thỏa mãn điều kiện $P_0 = SMC$, hãng sẽ thu được mức lợi nhuận kinh tế bằng diện tích $AP_0E_S B$. Trong dài hạn, hãng cạnh tranh hoàn hảo sẽ lựa chọn mức sản lượng Q_L^* thỏa mãn điều kiện $P_0 = LMC$, hãng sẽ thu được mức lợi nhuận tối đa là diện tích $NP_0E_L M$.



Hình 5.8: Lựa chọn sản lượng tối ưu của hãng cạnh tranh hoàn hảo trong dài hạn

Mặc dù một hãng đang trong trạng thái cân bằng tối đa hoá lợi nhuận dài hạn khi $MR = LMC$ nhưng *ngành* sẽ không trong trạng thái cân bằng dài hạn cho đến khi không còn sự khuyến khích nào cho các hãng mới gia nhập hay các hãng hiện tại rời bỏ ngành. Thế lực kinh tế lôi kéo các hãng gia nhập ngành hay buộc hãng rời bỏ ngành là do có sự tồn tại của lợi nhuận kinh tế hoặc thua lỗ kinh tế.

Lợi nhuận kinh tế thu hút các hãng mới gia nhập ngành, và sự gia nhập của các hãng mới này làm tăng cung của ngành. Cung được gia tăng dẫn tới giá giảm. Khi giá giảm, tất cả các hãng trong ngành điều chỉnh các mức sản lượng của họ để duy trì trạng thái cân bằng tối đa hoá lợi nhuận. Các hãng mới tiếp tục gia nhập ngành, giá tiếp tục giảm, và các hãng hiện tại tiếp tục điều chỉnh sản lượng của họ cho đến khi toàn bộ lợi nhuận kinh tế không còn. Không còn một sự khuyến khích nào cho các hãng mới gia nhập, và chủ sở hữu của tất cả các hãng trong ngành kiếm được chỉ những gì họ có thể tạo ra bằng những sự lựa chọn tốt nhất của họ.



Hình 5.9: Lựa chọn sản lượng của hãng cạnh tranh hoàn hảo khi cung thị trường tăng

Sự thua lỗ kinh tế thúc đẩy một vài hãng đang tồn tại ra khỏi, hay rời bỏ ngành. Sự rời bỏ của các hãng đó làm giảm cung của ngành. Sự giảm sút về cung làm tăng giá thị trường. Khi giá được nâng lên, tất cả các hãng trong ngành phải điều chỉnh các mức sản lượng của họ để tiếp tục tối đa hoá lợi nhuận. Các hãng tiếp tục rời bỏ cho đến khi không còn thua lỗ kinh tế, và lợi nhuận kinh tế bằng không.

Khi đó, trạng thái cân bằng cạnh tranh dài hạn đòi hỏi không chỉ tất cả các hãng đang tối đa hoá lợi nhuận, mà còn cả lợi nhuận kinh tế bằng 0. Hai điều kiện đó được thoả mãn khi giá bằng chi phí cận biên ($P_2 = LMC$), để các hãng đang tối đa hoá lợi nhuận, và giá cũng bằng với chi phí bình quân tối thiểu ($P_2 = LAC_{\min}$), để không có sự gia nhập hay rời bỏ xảy ra. Hai điều kiện cho trạng thái cân bằng đó có thể được thoả mãn đồng thời chỉ khi giá bằng LAC_{\min} , tại điểm mà $LMC = LAC_{\min}$ (xem hình 5.9).

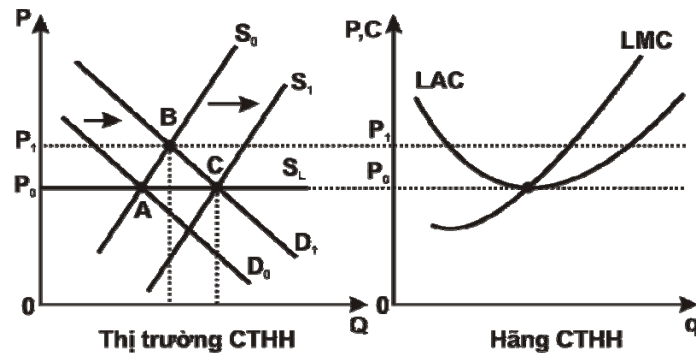
Số lượng hãng là ổn định, và mỗi hãng hoạt động với một quy mô sản xuất được biểu hiện qua chi phí cận biên ngắn hạn và chi phí bình quân, tương ứng là SMC và ATC.

5.3.2. Cung dài hạn của một ngành cạnh tranh hoàn hảo

Trong ngắn hạn khi lượng vốn, cũng như số lượng các hãng trong một ngành là cố định, một sự tăng lên trong giá làm cho sản lượng của ngành tăng lên. Sự tăng lên này có được do việc sử dụng vốn cố định của mỗi một hãng được tập trung hơn; nghĩa là, mỗi một hãng thuê nhiều đầu vào biến đổi hơn để gia tăng sản lượng. Như chúng ta đã đề cập, đường cung ngắn hạn của ngành luôn dốc lên.

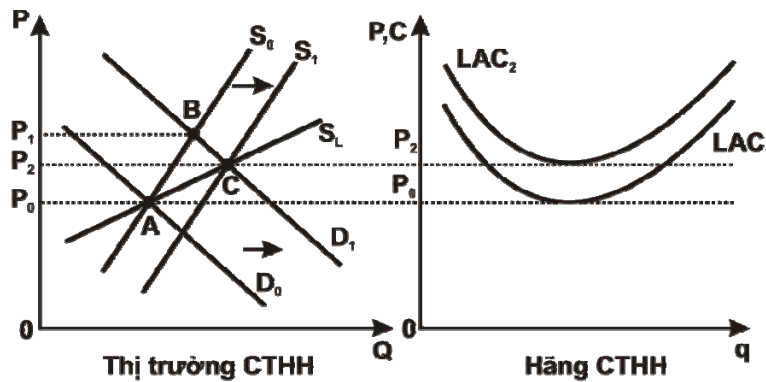
Trong dài hạn, khi sự gia nhập của các hãng mới là điều có thể, nên phản ứng của ngành trước sự tăng giá có một khía cạnh mới: Sự điều chỉnh cung của ngành trước một sự thay đổi trong giá chưa chấm dứt cho đến khi sự gia nhập hay rời bỏ đưa đến lợi nhuận kinh tế bằng 0. Điều này có nghĩa là tại mọi điểm trên đường cung dài hạn của ngành, lợi nhuận kinh tế phải bằng 0.

Với một ngành có chi phí không đổi, khi sản lượng của ngành mở rộng, giá đầu vào vẫn không đổi, và điểm tối thiểu trên đường chi phí bình quân dài hạn (LAC) là không thay đổi (xem hình 5.10). Vì giá cung dài hạn bằng LAC tối thiểu, nên đường cung dài hạn của ngành S_L hoàn toàn co dãn (nằm ngang) với một ngành có chi phí không đổi.



Hình 5.10: Cung dài hạn của một ngành cạnh tranh hoàn hảo với chi phí không đổi

Với một ngành có chi phí tăng, khi sản lượng của ngành mở rộng, giá đầu vào được đẩy cao lên, làm cho LAC tối thiểu tăng và giá cung dài hạn tăng.



Hình 5.11: Cung dài hạn của một ngành cạnh tranh hoàn hảo với chi phí tăng

Đường cung dài hạn S_L của ngành với một ngành có chi phí tăng là dốc lên trên. Lợi nhuận kinh tế bằng 0 tại mọi điểm trên đường cung dài hạn của ngành cho cả ngành có chi phí không đổi và ngành có chi phí tăng (xem hình 5.11).

Phần 3 - Câu hỏi ôn tập

1. Nêu và phân tích các đặc trưng của thị trường cạnh tranh hoàn hảo và hãng cạnh tranh hoàn hảo. Lấy một ví dụ về một thị trường cạnh tranh hoàn hảo trong thực tế?
2. Vì sao đường cầu của hãng cạnh tranh hoàn hảo lại chính là đường doanh thu cận biên, và cũng chính là đường doanh thu trung bình?
3. Các hãng cạnh tranh hoàn hảo có sức mạnh thị trường không, vì sao?
4. Tại sao các hãng cạnh tranh hoàn hảo lựa chọn mức sản lượng tối ưu để tối đa hóa lợi nhuận thỏa mãn điều kiện giá thị trường bằng chi phí cận biên?
5. Tại sao hãng cạnh tranh hoàn hảo lại không định được giá bán mà phải chấp nhận bán theo giá thị trường?
6. Phân tích khả năng sinh lợi của hãng cạnh tranh hoàn hảo trong ngắn hạn?
7. Phân tích khả năng sinh lợi của hãng cạnh tranh hoàn hảo trong dài hạn?
8. Phân tích cách thức xác định đường cung của hãng cạnh tranh hoàn hảo trong ngắn hạn?
9. Trong trường hợp nào hãng cạnh tranh hoàn hảo bị thua lỗ nhưng vẫn nên tiếp tục sản xuất? Vì sao?
10. Chỉ rõ cách xây dựng đường cung của hãng cạnh tranh hoàn hảo đối với ngành có chi phí không đổi và ngành có chi phí tăng trong dài hạn?

Phần 4 - Câu hỏi đúng/sai

1. Các hãng cạnh tranh hoàn hảo trong dài hạn sẽ đạt lợi nhuận kinh tế bằng 0.
2. Hãng cạnh tranh hoàn hảo sẽ tối đa hóa lợi nhuận ở mức sản lượng mà tại đó sự chênh lệch giữa giá và chi phí bình quân là lớn nhất.
3. Trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo, cả người mua và người bán đều là những người đặt giá.
4. Đối với hãng CTHH, khi giá hàng hóa trên thị trường tăng lên, hãng muốn tối đa hóa lợi nhuận thì hãng nên tăng sản lượng bán ra.
5. Đường cầu của hãng cạnh tranh hoàn hảo là đường nằm ngang, song song với trục hoành.
6. Điều kiện để hãng cạnh tranh hoàn hảo lựa chọn mức sản lượng tối ưu để tối đa hóa lợi nhuận là giá thị trường bằng chi phí cận biên.
7. Đối với hãng cạnh tranh hoàn hảo, đường cầu trùng với đường doanh thu cận biên.
8. Trong ngắn hạn, nếu hãng cạnh tranh hoàn hảo bị thua lỗ thì nên đóng cửa sản xuất ngay.
9. Hãng cạnh tranh hoàn hảo là hãng không có sức mạnh thị trường.
10. Đường cung của hãng cạnh tranh hoàn hảo trong ngắn hạn là một phần đường chi phí cận biên ngắn hạn tính từ điểm đóng cửa trở lên.
11. Trong dài hạn, các hãng cạnh tranh hoàn hảo chỉ thu được lợi nhuận kế toán bằng 0.
12. Đường cầu của hãng cạnh tranh hoàn hảo là đường hoàn toàn co giãn.
13. Trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo, khi một hãng đơn lẻ gia tăng sản lượng sẽ làm cho cung trên thị trường tăng lên và giá của hàng hóa giảm xuống (giả định các yếu tố khác không đổi).
14. Chi phí chìm không tác động đến việc lựa chọn sản lượng tối ưu để tối đa hóa lợi nhuận.

15. Trong ngắn hạn, hãng cạnh tranh hoàn hảo nên đóng cửa, ngừng sản xuất nếu lợi nhuận kinh tế của hãng nhỏ hơn 0.

16. Trên thị trường cạnh tranh hoàn hảo, khi các hãng có lợi nhuận kinh tế dương sẽ thúc đẩy các hãng mới gia nhập vào thị trường trong dài hạn và làm đường cung của thị trường dịch chuyển sang phải.

17. Trong cả ngắn hạn và dài hạn, hãng cạnh tranh hoàn hảo luôn tối đa hóa lợi nhuận khi chi phí bình quân đạt giá trị cực tiểu.

18. Đường cung trong dài hạn của một ngành cạnh tranh hoàn hảo có chi phí không đổi là một đường nằm ngang song song với trục hoành.

19. Hãng cạnh tranh hoàn hảo trong ngắn hạn chỉ cung ứng sản lượng khi mức giá trên thị trường lớn hơn hoặc bằng chi phí bình quân cực tiểu.

20. Sản xuất ở mức sản lượng tối ưu để tối đa hóa lợi nhuận có nghĩa là hãng luôn thu được lợi nhuận kinh tế dương.

21. Bởi vì hãng CTHH là hãng chấp nhận giá nên khi giá cả trên thị trường thay đổi, đường cầu đối với hãng CTHH không thay đổi.

22. Đường cầu của ngành cạnh tranh hoàn hảo là đường cầu hoàn toàn co dãn.

23. Hãng CTHH không thể bán sản phẩm với mức giá cao hơn mức giá cân bằng, và cũng không có lý do để bán sản phẩm với mức giá thấp hơn mức giá cân bằng vì hãng có thể bán mọi mức sản lượng mà hãng muốn ở mức giá cân bằng.

24. Đối với hãng CTHH, doanh thu cận biên không thay đổi và luôn bằng với mức giá.

25. Hãng CTHH sẽ tối đa hóa lợi nhuận khi sản xuất ở mức sản lượng mà tại đó mức chênh lệch dương giữa giá bán và chi phí cận biên là lớn nhất.

26. Trong dài hạn, có trường hợp hãng CTHH bị thua lỗ vẫn nên tiếp tục sản xuất.

27. Một trong những đặc trưng cơ bản của thị trường CTHH là trên thị trường này có vô số các hãng sản xuất và hàng hóa do các hãng này sản xuất thay thế hoàn hảo cho nhau.

Phần 5 - Lựa chọn một câu trả lời đúng nhất

Sử dụng bảng số liệu về chi phí dài hạn của một hãng cạnh tranh hoàn hảo sau để trả lời cho câu 1 và câu 2

Q	10	20	30	40	50
TC	50	90	170	270	450

1. Biết thị trường cạnh tranh hoàn hảo mà hãng đang hoạt động có hàm cầu là $Q_D = 140 - 10P$; hàm cung là $Q_S = 20 + 5P$. Hãng này sẽ sản xuất một mức sản lượng để tối đa hóa lợi nhuận bằng:

- a. 50
- b. 40
- c. 30
- d. 20
- e. 10

2. Nếu tất cả các hãng đều có chi phí như ở bảng số liệu trên, trong dài hạn số hãng sản xuất tham gia vào thị trường cạnh tranh hoàn hảo này:

- a. Sẽ không thay đổi.
- b. Sẽ tăng lên.
- c. Sẽ giảm đi.
- d. Không đủ thông tin để kết luận.

3. Nếu một hãng thu được lợi nhuận kinh tế bằng không (0), hãng này:

- a. Đang bị thua lỗ.
- b. Trong dài hạn sẽ rút lui khỏi thị trường.
- c. Có doanh thu bằng với chi phí cơ hội của các đầu vào được sử dụng trong quá trình sản xuất.
- d. Sẽ gia tăng sản lượng.

4. Đối với hãng cạnh tranh hoàn hảo, doanh thu cận biên luôn bằng mức giá thị trường là do:

- a. Hãng có thể tăng được giá bán đồng thời vẫn tăng được sản lượng bán ra.
- b. Tổng doanh thu tăng nhiều hơn giá khi có thêm một đơn vị hàng hóa được bán ra.
- c. Các hãng đơn lẻ không thể tác động vào giá thị trường khi thay đổi sản lượng sản xuất.
- d. Tổng doanh thu tăng ít hơn giá khi có thêm một đơn vị hàng hóa được bán ra.
- e. Hãng phải giảm giá để bán được nhiều sản phẩm hơn.

5. Trong ngắn hạn, khi giá thị trường nhỏ hơn chi phí bình quân, hãng cạnh tranh hoàn hảo sẽ:

- a. Tiếp tục sản xuất khi doanh thu bình quân còn lớn hơn chi phí cận biên.
- b. Tiếp tục sản xuất khi doanh thu bình quân còn lớn hơn chi phí biến đổi bình quân.
- c. Đóng cửa ngừng sản xuất vì không bù đắp được cả chi phí cố định và chi phí biến đổi.
- d. Rút lui khỏi thị trường.

6. Đặc điểm nào sau đây *không* phải là đặc điểm của thị trường cạnh tranh hoàn hảo?

- a. Có rất nhiều hãng trên thị trường.
- b. Các hãng sản xuất những hàng hóa có đôi chút khác biệt nhau.
- c. Không có rào cản gia nhập hoặc rút lui khỏi thị trường.
- d. Các hãng không có quyền đặt giá cho sản phẩm của mình.

7. Các hãng cạnh tranh hoàn hảo không thể có được lợi nhuận kinh tế dương trong dài hạn là vì:

- a. Các hãng cạnh tranh hoàn hảo là người chấp nhận giá.
- b. Đường cầu của hãng cạnh tranh hoàn hảo hoàn toàn co dãn tại mức giá được ấn định trên thị trường.
- c. Thị trường cạnh tranh hoàn hảo không có rào cản gia nhập hoặc rút lui khỏi thị trường.
- d. Sản lượng của một hãng vô cùng nhỏ bé so với sản lượng của toàn bộ thị trường.

8. Một hãng đang sản xuất 1000 sản phẩm và bán với giá 5\$/sản phẩm. Tổng chi phí của hãng là 7000\$ trong đó chi phí cố định là 1000\$. Câu phát biểu nào về hãng sau đây là đúng:

- a. Hãng đang thua lỗ nhưng vẫn nên tiếp tục sản xuất.
- b. Hãng cần đóng cửa ngừng sản xuất và chịu mất phần chi phí cố định.
- c. Nếu hãng sản xuất, hãng sẽ bị thua lỗ 2000\$.
- d. Cả (b) và (c) đều đúng.

9. Trên một thị trường cạnh tranh hoàn hảo, các hãng đang thu được lợi nhuận kinh tế dương trong ngắn hạn. Khi đó, trong dài hạn:

- a. Các hãng mới sẽ gia nhập thị trường, cầu thị trường tăng và giá cả cũng tăng.
- b. Các hãng mới sẽ gia nhập thị trường, cung thị trường tăng và giá cả giảm.
- c. Các hãng mới sẽ gia nhập thị trường, cầu thị trường tăng và giá cả giảm.
- d. Các hãng trên thị trường này sẽ tiếp tục thu được lợi nhuận kinh tế dương.

10. Đối với một hãng cạnh tranh hoàn hảo, doanh thu cận biên (MR):

- a. Luôn không đổi vì hãng là người chấp nhận giá.
- b. Nhỏ hơn giá vì để bán thêm một đơn vị sản phẩm cần phải giảm giá của tất cả các đơn vị trước đó.
- c. Lớn hơn giá vì cầu của hãng hoàn toàn co dãn.
- d. Có dạng hình chữ U do quy luật hiệu suất sử dụng các yếu tố đầu vào có xu hướng giảm dần.

11. Trong ngắn hạn, một hãng cạnh tranh hoàn hảo sẽ vẫn tiếp tục sản xuất mặc dù lợi nhuận kinh tế âm khi:

- a. Doanh thu cận biên bằng chi phí cận biên.
- b. Giá nhỏ hơn chi phí bình quân.
- c. Giá lớn hơn chi phí biến đổi bình quân.
- d. Giá lớn hơn doanh thu cận biên.

12. Đường cầu của một hãng cạnh tranh hoàn hảo là:

- a. Hoàn toàn co dãn.
- b. Kém co dãn.
- c. Không co dãn.
- d. Co dãn nhiều.

13. Trong ngắn hạn, một hãng CTHH để tối đa hóa lợi nhuận sẽ sản xuất ở mức sản lượng mà tại đó:

- a. Chi phí cận biên bằng giá bán.
- b. Chi phí cận biên bằng doanh thu trung bình.
- c. Đường tổng doanh thu nằm trên đường tổng chi phí và khoảng cách theo chiều dọc giữa hai đường này là lớn nhất.
- d. Tất cả các ý nêu trên.

14. Có số liệu sau về một hãng CTHH: Giá bán trên thị trường $P = 24\$$, hãng đang sản xuất ở mức sản lượng 200 sản phẩm thỏa mãn điều kiện $MR = MC$; $AFC = 6\$$ và $AVC = 16\$$. Hãng nên:

- a. Tăng sản lượng sản xuất.
- b. Giảm sản lượng sản xuất.
- c. Đóng cửa ngừng sản xuất.
- d. Giữ nguyên mức sản lượng vì hãng đã đạt lợi nhuận lớn nhất bằng 400\$.
- e. Giữ nguyên mức sản lượng và hãng bị lỗ 200\$.

15. Trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo, điều nào sau đây sẽ làm tăng lợi nhuận của một hãng trong ngắn hạn?

- a. Số lượng các hãng trên thị trường tăng lên.
- b. Cầu trên thị trường tăng lên.
- c. Sự tăng lên trong chi phí về tiền công lao động.
- d. Cầu thị trường bị giảm đi.

16. Trong ngắn hạn, một hãng cạnh tranh hoàn hảo có thể:

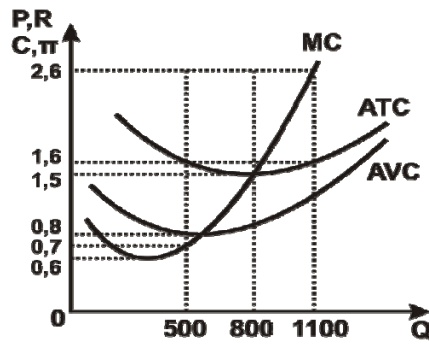
- a. Có lợi nhuận kinh tế dương.
- b. Bị thua lỗ.
- c. Phải đóng cửa, ngừng sản xuất.
- d. Tất cả các ý nêu trên.

17. Trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo, ai là người “chấp nhận giá”?

- a. Chỉ có người bán.
- b. Chỉ có người mua.
- c. Cả người bán và người mua.
- d. Không phải là người bán và cũng không phải là người mua.

18. Câu phát biểu nào sau đây không đúng về hãng cạnh tranh hoàn hảo?
- Giá bán sản phẩm của hãng bằng doanh thu bình quân.
 - Giá bán sản phẩm của hãng bằng doanh thu cận biên.
 - Doanh thu cận biên không đổi.
 - Tổng doanh thu không đổi.
19. Khi hãng cạnh tranh hoàn hảo sản xuất ở mức sản lượng có giá lớn hơn chi phí cận biên:
- Chi phí cận biên của hãng đang giảm xuống.
 - Hãng đang tối thiểu hóa lỗ.
 - Hãng có cơ hội tăng được lợi nhuận nếu gia tăng sản lượng.
 - Hãng nên giảm sản lượng để tối đa hóa lợi nhuận.
20. Một hãng cạnh tranh hoàn hảo đang sản xuất trong ngắn hạn có tổng chi phí cố định bằng 75.000\$, tổng chi phí biến đổi bằng 130.000\$ và tổng doanh thu bằng 145.000\$. Hãng này nên:
- Đóng cửa, ngừng sản xuất.
 - Rút lui khỏi ngành.
 - Tiếp tục sản xuất vì nếu ngừng sản xuất sẽ thua lỗ lớn hơn.
 - Tiếp tục sản xuất vì hãng đang thu được lợi nhuận kinh tế dương.
21. Đường nào sau đây là đường cung trong ngắn hạn của hãng cạnh tranh hoàn hảo?
- Phần đường chi phí cận biên nằm trên đường chi phí biến đổi bình quân.
 - Phần đường chi phí biến đổi bình quân nằm trên đường chi phí cận biên.
 - Phần đường chi phí bình quân nằm trên đường chi phí cận biên.
 - Đường chi phí cố định bình quân.

Sử dụng hình 5.12 để trả lời các câu hỏi từ 22 - 24.



22. Giả sử hãng đang sản xuất 800 đơn vị sản phẩm khi mức giá thị trường là 2,6\$:

- Hãng đã thu được lợi nhuận tối đa là 880\$.
- Hãng đã thu được lợi nhuận tối đa là 2080\$.
- Hãng chỉ nên sản xuất 500 đơn vị sản phẩm để thu được mức lợi nhuận là 500\$.
- Hãng nên sản xuất 1100 đơn vị sản phẩm để thu được 1100\$ lợi nhuận.
- Hãng nên đóng cửa, ngừng sản xuất.

23. Hãng nên đóng cửa ngừng sản xuất nếu mức giá thị trường nhỏ hơn:

- 0,6\$
- 0,8\$
- 1,5\$
- 1,6\$

24. Nếu mức giá thị trường bây giờ là 0,7\$, hãng nên sản xuất ____ đơn vị sản phẩm, khi đó lợi nhuận của hãng bằng ____ \$

- 500; -450\$
- 500; -50\$
- 0; -450\$
- 0; -400\$

25. Đường cung trong ngắn hạn của thị trường cạnh tranh hoàn hảo:
- Là tổng của các đường chi phí bình quân của các hãng.
 - Là tổng của các đường chi phí biến đổi bình quân của các hãng.
 - Là tổng của các đường chi phí cận biên phần nằm trên đường chi phí biến đổi bình quân của các hãng.
 - Không tồn tại.
26. Hãng cạnh tranh hoàn hảo sẽ ngừng sản xuất trong ngắn hạn nếu:
- Giá bán sản phẩm nhỏ hơn chi phí cận biên.
 - Giá bán sản phẩm nhỏ hơn chi phí biến đổi bình quân.
 - Giá bán sản phẩm nhỏ hơn tổng chi phí bình quân.
 - Giá bán sản phẩm nhỏ hơn doanh thu cận biên.
27. Điểm đóng cửa của hãng cạnh tranh hoàn hảo được xác định tại:
- Giao điểm của đường chi phí cận biên với đường chi phí biến đổi bình quân.
 - Giao điểm của đường doanh thu cận biên cắt với trục hoành.
 - Giao điểm của đường tổng doanh thu với đường tổng chi phí.
 - Giao điểm của đường tổng doanh thu với đường tổng chi phí biến đổi.
28. Câu phát biểu nào là đúng khi nói về hãng cạnh tranh hoàn hảo?
- Hãng cạnh tranh hoàn hảo không có lợi nhuận kinh tế dương cả trong ngắn hạn và dài hạn.
 - Lợi nhuận kinh tế dương trong dài hạn có thể giữ được nếu cầu trên thị trường đủ mạnh.
 - Hãng cạnh tranh hoàn hảo không giữ được lợi nhuận kinh tế dương trong ngắn hạn nhưng giữ được trong dài hạn.
 - Hãng cạnh tranh hoàn hảo không giữ được lợi nhuận kinh tế dương trong dài hạn nhưng giữ được trong ngắn hạn.

29. Hãng cạnh tranh hoàn hảo đang sản xuất ở mức sản lượng $Q = 500$ và bán sản phẩm với giá $P = 20$. Ở mức sản lượng này, doanh thu cận biên của hãng bằng:

- a. 20
- b. 15
- c. 10
- d. 5
- e. Không có trong số nêu trên.

30. Cho giá bán sản phẩm trên một thị trường cạnh tranh hoàn hảo bằng 9\$. Một hãng CTHH trên thị trường này có số liệu về chi phí cận biên như sau:

Q	MC	Q	MC
12	5	15	8
13	6	16	9
14	7	17	10

Để tối đa hóa lợi nhuận, hãng nên:

- a. Giảm sản lượng xuống còn 13.
- b. Tăng sản lượng đến 15.
- c. Giữ nguyên mức sản bằng 14.
- d. Tăng sản lượng đến 16.
- e. Tăng sản lượng đến 17.

31. Một hãng cạnh tranh hoàn hảo đang sản xuất 100 đơn vị sản phẩm và bán với giá $P = 4$ \$. Ở mức sản lượng này, tổng chi phí của hãng là 600\$, trong đó chi phí cố định bằng 100\$. Chi phí cận biên của đơn vị sản phẩm thứ 100 bằng 4\$. Hãng nên:

- a. Giảm sản lượng, chỉ sản xuất 80 đơn vị sản phẩm.
- b. Gia tăng sản lượng sản xuất.

- c. Tiếp tục sản xuất 100 đơn vị vì đây là mức sản lượng thỏa mãn $P = MC$, làm hãng tối đa hóa lợi nhuận.
- d. Đóng cửa, ngừng sản xuất.

32. Để tối đa hóa lợi nhuận, hãng cạnh tranh hoàn hảo sẽ sản xuất ở mức sản lượng mà tại đó:

- a. Lợi nhuận cận biên bằng 0.
- b. Mức chênh lệch giữa TR và TFC là lớn nhất.
- c. Đường biểu diễn lợi nhuận có độ dốc dương.
- d. Độ dốc của đường lợi nhuận âm.

33. Ở trạng thái cân bằng dài hạn trên thị trường cạnh tranh hoàn hảo, mức giá cân bằng trên thị trường *không* bằng:

- a. Chi phí cận biên dài hạn của hãng.
- b. Chi phí bình quân cực tiểu.
- c. Chi phí cố định bình quân.
- d. Doanh thu cận biên.
- e. Doanh thu bình quân.

34. Một hãng cạnh tranh hoàn hảo đang sản xuất 200 đơn vị sản phẩm và bán với mức giá $P = 3\$$. Hàm tổng chi phí của hãng có dạng $TC = 0,0075Q^2 + 350$. Những thông tin này cho phép ta kết luận rằng:

- a. Hãng đang thu được mức lãi lớn nhất.
- b. Hãng thu được lợi nhuận kinh tế dương, nhưng mức lợi nhuận này chưa phải lớn nhất.
- c. Hãng bị thua lỗ nhưng mức lỗ này là tối thiểu.
- d. Hãng nên đóng cửa, ngừng sản xuất.

35. Nếu một hãng cạnh tranh hoàn hảo bán sản phẩm với giá thấp hơn mức giá thị trường thì:

- a. Hãng không thể tối đa hóa lợi nhuận.
- b. Các hãng khác trên thị trường cũng sẽ giảm giá theo hãng.

- c. Sẽ có các hãng mới tham gia vào thị trường.
- d. Hãng sẽ bán được nhiều sản phẩm hơn và thu được lợi nhuận lớn hơn.

36. Đường tổng doanh thu của một hãng cạnh tranh hoàn hảo:

- a. Có dạng hình parabol, ban đầu đi lên rồi sau đó đi xuống.
- b. Luôn có độ dốc dương.
- c. Có độ dốc không đổi.
- d. Cả (b) và (c).

37. Câu phát biểu nào sau đây không đúng khi nói về thị trường CTHH trong dài hạn?

- a. Các hãng sẽ rời bỏ thị trường nếu có lợi nhuận kinh tế bằng không.
- b. Các hãng có thể thay đổi mức sản lượng sản xuất trong dài hạn.
- c. Lợi nhuận kinh tế của các hãng sẽ giảm khi có thêm các hãng mới gia nhập vào thị trường.
- d. Giá thị trường bằng chi phí cận biên và chi phí bình quân dài hạn của hãng.

38. Đối với một ngành cạnh tranh hoàn hảo có chi phí tăng, khi cầu về hàng hóa trên thị trường tăng lên, điều gì sẽ xảy ra trong dài hạn? (*)

- a. Chi phí của các hãng tăng lên và giá cân bằng trên thị trường tăng lên.
- b. Chi phí của các hãng tăng lên và giá cân bằng trên thị trường giảm đi.
- c. Không có sự thay đổi trong mức giá cân bằng trên thị trường.
- d. Chi phí của các hãng không đổi và giá cân bằng trên thị trường tăng lên.

39. Một hãng CTHH đang sản xuất ở mức sản lượng $Q = 20$ có chi phí cận biên bằng 10 và chi phí biến đổi bình quân bằng 8. khi hãng gia tăng sản lượng thì:

- a. Chi phí cận biên giảm.
- b. Chi phí biến đổi bình quân giảm.
- c. Chi phí biến đổi bình quân tăng.
- d. Cả (a) và (c) đúng.

40. Sự gia nhập của các hãng mới vào thị trường (tất cả các yếu tố khác không đổi) sẽ làm:

- a. Đường cung của thị trường dịch chuyển sang phải.
- b. Giá cân bằng trên thị trường giảm xuống.
- c. Giảm lợi nhuận của các hãng đang hoạt động trên thị trường.
- d. Tất cả các ý trên đều đúng.

41. Đối với một ngành cạnh tranh hoàn hảo có chi phí không đổi, khi cầu về hàng hóa trên thị trường tăng lên, điều gì sẽ xảy ra trong dài hạn? (*)

- a. Số lượng các hãng trên thị trường tăng lên và giá cả cũng tăng.
- b. Số lượng các hãng trên thị trường tăng lên và giá cả không thay đổi.
- c. Số lượng các hãng trên thị trường không đổi và giá cả tăng lên.
- d. Số lượng các hãng trên thị trường không đổi và giá cả cũng không đổi.

42. Một hãng CTHH đang sản xuất 200 sản phẩm để tối đa hóa lợi nhuận. Giá bán sản phẩm trên thị trường là $P = 9\$$, ở mức sản lượng này, tổng chi phí bình quân của hãng là $7\$$. Có thể kết luận rằng:

- a. Hãng này đang thu được lợi nhuận kinh tế bằng $400\$$.
- b. Đường chi phí biến đổi bình quân của hãng cắt đường chi phí cận biên ở mức sản lượng nhỏ hơn 200.
- c. Đường tổng chi phí bình quân của hãng cắt đường chi phí cận biên ở mức sản lượng nhỏ hơn 200.
- d. Tất cả các ý trên đều đúng.

Phần 6 - Bài tập thực hành có lời giải

Bài số 1:

Hàm tổng chi phí của một hãng cạnh tranh hoàn hảo là $TC = q^2 + q + 81$
(đơn vị tính của q là sản phẩm và tiền tính theo USD)

a. Viết phương trình biểu diễn các hàm chi phí ngắn hạn: ATC, AFC, AVC và MC của hãng?

b. Hãng sẽ sản xuất bao nhiêu sản phẩm để tối đa hóa lợi nhuận nếu giá bán sản phẩm trên thị trường là $P = 18$? Tính lợi nhuận lớn nhất đó?

c. Xác định mức giá hòa vốn và sản lượng hòa vốn của hãng. Khi giá thị trường là $P = 9$ thì hãng có nên đóng cửa không? Tại sao?

d. Nếu chỉ riêng hãng này bị đánh thuế $t = 2$ USD/sản phẩm và giá thị trường là $P = 27$, sản lượng tối đa hóa lợi nhuận và mức lợi nhuận tối đa của hãng sẽ thay đổi như thế nào?

Trả lời:

a. Áp dụng các công thức cơ bản để xác định kết quả.

b. Áp dụng điều kiện $P = MC$

$$\text{Đáp số: } q^* = 13;$$

$$TR = 351; TC = 263; \pi = 88.$$

c. $P_{\text{hòa vốn}} = ATC_{\min}$.

$$ATC_{\min} \text{ khi } MC = ATC \rightarrow 2q + 1 = q + 1 + 81/q.$$

$$\rightarrow q = 9 \rightarrow P_{\text{hòa vốn}} = 19.$$

Đáp số: sản lượng hòa vốn $q = 9$, mức giá làm hãng hòa vốn $P = 19$.

(Hướng dẫn cách làm: Để biết hãng có phải đóng cửa không, cần tìm mức giá đóng cửa).

$$\text{Mức giá đóng cửa} \leq AVC_{\min}.$$

$$\text{Mức giá đóng cửa } P \leq 1.$$

Giá trên thị trường là $P = 9$, làm cho hãng bị lỗ nhưng vẫn lớn hơn mức giá đóng cửa của hãng. Cho nên trong trường hợp này hãng vẫn nên tiếp tục sản xuất.

d. Khi hãng bị đánh thuế, hàm chi phí mới của hãng là:

$$TC_t = q^2 + q + 81 + 2q = q^2 + 3q + 81.$$

$$MC_t = 2q + 3.$$

Đáp số: Khi hãng bị đánh thuế, sản lượng tối đa hóa lợi nhuận $q^* = 12$.

$\Pi = TR - TC = 12 \times 27 - (12^2 + 3 \times 12 + 81) = 63$. So với khi chưa bị đánh thuế sản lượng giảm 1 đơn vị và lợi nhuận giảm 25 (đơn vị tiền tệ).

Bài số 2:

Một hãng đang sản xuất trong ngắn hạn với chi phí cố định là $TFC = 4000$ và có chi phí cận biên $MC = 0,002q + 1$. Hãng có thể bán được mọi sản lượng ở mức giá thị trường là $P = 7$ (Tiền tính bằng USD, Q tính bằng sản phẩm).

a. Hãng sẽ sản xuất bao nhiêu sản phẩm để tối đa hóa lợi nhuận? Tính lợi nhuận lớn nhất đó?

b. Mức giá và mức sản lượng hòa vốn của hãng là bao nhiêu? Ở mức giá nào hãng phải đóng cửa?

c. Nếu hãng bị đánh thuế $t = 0,5$ USD/sản phẩm và hãng vẫn theo đuổi mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận, hãy so sánh sản lượng và lợi nhuận của hãng trong trường hợp này với trường hợp chưa bị đánh thuế?

d. Cũng hỏi như trên, nhưng bây giờ hãng nộp thuế cho Chính phủ một khoản không đổi là $T = 1375$ USD. Nhận xét về kết quả của câu (c) và câu (d)?

Trả lời:

Hãng có thể bán được mọi sản lượng ở mức giá thị trường nên hãng này là hãng cạnh tranh hoàn hảo.

a. Từ đầu bài $TFC = 4000$ và $MC = 0,002q + 1$, ta có:

$$TC = \int MC + TFC \rightarrow TC = 0,001q^2 + q + 4000$$

$$ATC = TC/q = 0,001q + 1 + 4000/q.$$

Điều kiện để hãng cạnh tranh hoàn hảo tối đa hóa lợi nhuận là $P = MC$.

$$\rightarrow 7 = 0,002q + 1 \rightarrow q^* = 3000 \text{ (sản phẩm).}$$

$$TR = 7 \times 3000 = 21000 \text{ (USD).}$$

$$TC = 16000 \text{ (USD).}$$

$$\pi_{\max} = 5000 \text{ (USD).}$$

b. Hãng hòa vốn $P_{h/v\acute{o}n} = ATC_{\min}$

Mà ATC_{\min} khi $MC = ATC$.

$$\rightarrow 0,002q + 1 = 0,001q + 1 + 4000/q \rightarrow q = 2000 \text{ (sản phẩm).}$$

$$P_{h/v\acute{o}n} = 2000 \times 0,002 + 1 = 5 \text{ (USD).}$$

$$P_{đ/c\grave{u}a} \leq AVC_{\min}.$$

AVC_{\min} khi $AVC = MC$.

$$\rightarrow q = 0, P_{đ/c\grave{u}a} \leq 1 \text{ (USD).}$$

c. Nếu hãng bị đánh thuế $t = 0,5$ USD/sản phẩm.

$$TC_t = TC + tq = 0,001q^2 + 1,5q + 4000.$$

$$MC_t = 0,002q + 1,5.$$

$$\text{Áp dụng điều kiện } P = MC \rightarrow q^*_{\text{mới}} = 2750 \text{ (sản phẩm).}$$

$$TR = 19.250 ; TC = 15.687,5 \rightarrow \pi_{\max} = 3562,5 \text{ (USD).}$$

Sản lượng và lợi nhuận đều giảm so với trước khi đánh thuế (tính cụ thể,...).

d. Hãng nộp thuế cho Chính phủ một khoản không đổi $T = 1.375$ USD. Sản lượng tối ưu vẫn là $Q^* = 3000$ sản phẩm. Nhưng lợi nhuận bây giờ là $\pi = 3.625$ (USD). Nhận xét: Lượng thuế mà Chính phủ thu được trong hai trường hợp là bằng nhau. Nhưng khi đánh thuế trên mỗi sản phẩm thì

hãng sẽ sản xuất ít sản phẩm hơn, trong khi đó nếu đánh thuế một lượng không đổi thì số lượng sản phẩm mà hãng sản xuất là không thay đổi, vì trường hợp đầu, sẽ tác động làm thay đổi MC còn trường hợp thứ hai, không tác động làm thay đổi MC mà chỉ tác động đến TFC.

Bài số 3:

Cho đường cung sản phẩm của hãng cạnh tranh hoàn hảo trong ngắn hạn là: $q = 5(P - 1)$ với $q > 0$. Chi phí cố định của hãng là $TFC = 1000$ USD (*Đơn vị tính tiền là USD, đơn vị tính của q là sản phẩm*)

- Viết phương trình các hàm chi phí TC, ATC, AVC và MC của hãng?
- Mức giá và mức sản lượng hòa vốn của hãng là bao nhiêu?
- Nếu giá thị trường là $P = 39$ USD/sản phẩm thì hãng nên sản xuất bao nhiêu sản phẩm để tối đa hóa lợi nhuận? Mức lợi nhuận đó là bao nhiêu?

Trả lời:

a. Đường cung của hãng cạnh tranh hoàn hảo trong ngắn hạn chính là đường MC tính từ điểm đóng cửa trở lên. Đầu bài cho đường cung $q = 5(P - 1)$ (với $q > 0$) $\rightarrow P = 0,2q + 1 \rightarrow$ Hàm $MC = 0,2q + 1$ (với $q > 0$). Ta có hàm: $TC = 0,1q^2 + q + 1000$. Áp dụng các công thức để tính ra các phương trình còn lại.

b. Sản lượng hòa vốn được xác định bởi phương trình $ATC = MC$. Thay các giá trị vào ta có: $MC = 0,2q + 1 = 0,1q + 1 + 1000/q$. Suy ra $q_{h/v\phi n} = 100$ và $P_{h/v\phi n} = 21$.

c. Sản lượng và lợi nhuận của hãng là: $q^* = 190$ và $\pi_{\max} = 2610$.

Phần 7 - Bài tập thực hành tự giải

Bài số 1:

Một hãng cạnh tranh hoàn hảo đang sản xuất trong ngắn hạn có chi phí được cho ở bảng số liệu sau:

Q	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
TC	100	130	150	160	172	185	210	240	280	330	390

a. Khi mức giá trên thị trường là 30\$/sản phẩm, hãng có sản xuất không? Nếu có hãng sẽ sản xuất bao nhiêu sản phẩm và lợi nhuận của hãng là bao nhiêu?

b. Cũng hỏi như trên nhưng bây giờ giá bán là 50\$.

c. Cũng hỏi như trên nhưng với giá bán là 10\$.

Bài số 2:

Trên một thị trường cạnh tranh hoàn hảo, các hãng đều có thể tham gia vào thị trường với hàm tổng chi phí trong dài hạn là $TC = q^3 - 8q^2 + 20q$. Hàm cầu của thị trường có dạng $Q = 39.000 - 2000P$, trong đó Q là sản lượng của thị trường và được xác định bằng hàm $Q = nq$ với n là số hãng sản xuất trên thị trường.

a. Nếu mức giá trên thị trường là $P = 7$ thì mỗi hãng trên thị trường sẽ sản xuất bao nhiêu đơn vị sản phẩm và thu được lợi nhuận bằng bao nhiêu?

b. Xác định mức giá cân bằng trong dài hạn và lượng cung trên thị trường tại mức giá này?

c. Ở trạng thái cân bằng dài hạn, có bao nhiêu hãng trên thị trường và thặng dư của người tiêu dùng là bao nhiêu?

Bài số 3:

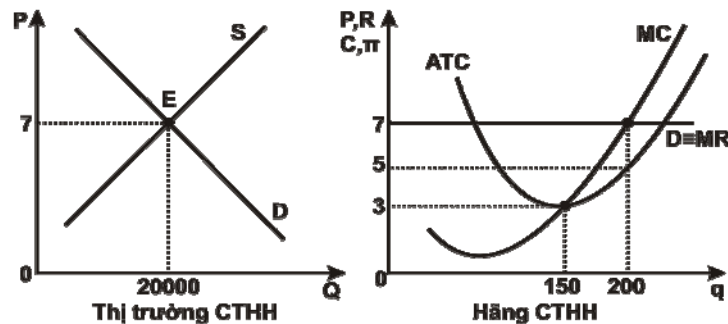
Một hãng cạnh tranh hoàn hảo có hàm tổng chi phí là:

$$TC = 5q^2 + 3q + 1000$$

- Viết phương trình các hàm TFC, TVC, AVC và MC của hãng?
- Xác định mức sản lượng mà tại đó AVC và ATC đạt giá trị cực tiểu. Tính các giá trị cực tiểu của AVC và ATC?
- Xác định mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận của hãng khi mức giá trên thị trường lần lượt là 150, 50, 5 và 1. Không tính lợi nhuận của hãng, hãy cho biết hãng có lãi hay bị thua lỗ ở từng mức giá đã cho?

Bài số 4:

Hình 5.13 minh họa về một hãng cạnh tranh hoàn hảo:



Hình 5.13

- Mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận của hãng là bao nhiêu?
- Hãng này thu được lợi nhuận kinh tế âm hay dương? Con số cụ thể bằng bao nhiêu?
- Điều gì sẽ xảy ra đối với cung thị trường và đường cầu của hãng cạnh tranh hoàn hảo này trong dài hạn? Vẽ đồ thị minh họa?

Bài số 5:

Hãng ABC có hàm tổng chi phí là $TC = 0,01q^3 - 0,25q^2 + 5q + 120$. Hãng có thể bán bất cứ mức sản lượng nào mà hãng muốn tại mức giá thị trường $P = 19$ USD.

a. Ở mức sản lượng nào thì chi phí biến đổi bình quân và tổng chi phí bình quân của hãng đạt giá trị nhỏ nhất?

b. Để tối đa hóa lợi nhuận, hãng ABC sẽ sản xuất bao nhiêu sản phẩm và thu được lợi nhuận bằng bao nhiêu?

c. Giả sử cầu thị trường tăng lên làm mức giá cân bằng trên thị trường lúc này là $P = 25$ USD và hãng vẫn theo đuổi mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận. Xác định lại mức sản lượng và lợi nhuận của hãng trong trường hợp này.

d. Giả sử do sự thay đổi trong công nghệ và giá của các yếu tố đầu vào nên hàm chi phí lúc này của hãng là: $TC = 0,009q^3 - 0,18q^2 + 6q + 250$. Ở mức sản lượng nào quy luật hiệu suất sử dụng các yếu tố đầu vào có xu hướng giảm dần phát huy tác dụng? Sự thay đổi trong chi phí sản xuất tác động đến sản lượng và lợi nhuận của hãng khi hãng theo đuổi mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận như thế nào (giả sử mức giá cân bằng trên thị trường vẫn là $P = 25$ USD).

Bài số 6:

Thị trường lúa mì là thị trường cạnh tranh hoàn hảo. Những người nông dân trồng lúa mì có đường chi phí bình quân trong dài hạn hình chữ U và đạt giá trị cực tiểu bằng 3\$/rạ khi sản xuất được 1000 tạ.

a. Nếu đường cầu của thị trường có dạng $Q_D = 2.600.000 - 200.000P$, trong đó Q_D là lượng cầu về lúa mì trong một năm (tính bằng tạ) và P là mức giá một tạ lúa (tính bằng USD). Ở trạng thái cân bằng trong dài hạn, mức giá trên thị trường lúa mì này bằng bao nhiêu? Khi đó lượng cầu về lúa mì là bao nhiêu và có bao nhiêu người nông dân trồng lúa trên thị trường này.

b. Giả sử cầu thị trường tăng, lượng cầu tăng thêm 600.000 tạ tại mỗi mức giá. Nếu các nông dân không điều chỉnh sản lượng trong ngắn hạn thì mức giá trên thị trường sẽ là bao nhiêu? Lợi nhuận của mỗi người nông dân trồng lúa mì là bao nhiêu?

c. Vẫn với đường cầu được cho ở câu (b), mức giá cân bằng trong dài hạn trên thị trường là bao nhiêu? Lượng lúa mì và số lượng người nông dân trên thị trường lúa mì lúc này là bao nhiêu?

Bài số 7:

Trong một ngành cạnh tranh, giá do thị trường quyết định là 4\$. Một hãng hiện sản xuất 50 đơn vị sản lượng; tổng chi phí bình quân là 12\$, chi phí cận biên là 16\$, và chi phí biến đổi bình quân là 8\$. Hãng đang đưa ra quyết định tối đa hoá lợi nhuận? Tại sao đúng và tại sao không? Nếu không, hãng nên làm gì?

Bài số 8:

Giả sử một hãng đang hoạt động trong một thị trường cạnh tranh có hàm chi phí biến đổi bình quân của hãng là: $AVC = 10 - 0,05q + 0,001q^2$. Tổng chi phí cố định là 400\$.

- Xác định hàm chi phí cận biên của hãng?
- Tại mức sản lượng nào thì AVC có giá trị cực tiểu? Giá trị tối thiểu của AVC là bao nhiêu?
- Nếu mức giá dự kiến cho sản lượng của hãng là 15\$ một đơn vị. Hãng sẽ sản xuất bao nhiêu sản lượng trong ngắn hạn? Lợi nhuận của hãng là bao nhiêu?
- Nếu giá dự kiến là 10\$ một đơn vị. Hãng sẽ sản xuất bao nhiêu sản phẩm trong ngắn hạn? Lợi nhuận của hãng là bao nhiêu?

Bài số 9:

Giả sử hàm chi phí cận biên của một hãng cạnh tranh hoàn hảo là:

$$SMC = 80 - 0,1q + 0,0001q^2$$

Giá của sản phẩm trên thị trường được dự kiến là 50\$.

- Viết phương trình chi phí biến đổi bình quân?
- Tại hai mức sản lượng nào giá bằng chi phí cận biên? Chi phí biến đổi bình quân tại hai mức sản lượng này là bao nhiêu?
- Xác định lợi nhuận tối đa của hãng nếu biết tổng chi phí cố định là $TFC = 100$.

Bài số 10:

Thị trường của một loại sản phẩm X có phương trình đường cung và đường cầu tương ứng là: $Q_S = 20 + 5P$ và $Q_D = 180 - 5P$. Trong thị trường, một hãng cạnh tranh hoàn hảo có hàm tổng chi phí là: $TC = q^2 + 2q + 100$.

a. Viết phương trình các hàm chi phí TFC, TVC, AVC, AFC, ATC và MC của hãng?

b. Xác định mức sản lượng mà tại đó AVC và ATC đạt giá trị cực tiểu. Tìm mức giá hòa vốn và mức giá đóng cửa sản xuất của hãng?

c. Hãy xác định mức giá thị trường và tính lợi nhuận tối đa của hãng? Nếu hãng bị thua lỗ, hãng nên tiếp tục sản xuất hay đóng cửa sản xuất, vì sao?

ĐÁP ÁN CÁC PHẦN 4 VÀ 5 CỦA CHƯƠNG 5

1. Đáp án phần Câu hỏi đúng hay sai

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
Đ	S	S	Đ	Đ	Đ	Đ	S	Đ	Đ	S	Đ	S	Đ
15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	
S	Đ	S	Đ	S	S	S	S	Đ	Đ	S	S	Đ	

2. Đáp án phần Lựa chọn một câu trả lời đúng nhất

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
c	b	c	c	b	b	c	d	b	a	c	a	d	d
15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
b	d	c	d	c	c	a	d	b	d	c	b	a	d
29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42
a	d	d	a	c	c	a	d	a	a	c	d	b	d

Chương 6

THỊ TRƯỜNG ĐỘC QUYỀN THUẦN TÚY

Phần 1 - Mục đích và yêu cầu của chương

Với đầy đủ các phần lý thuyết và bài tập tính toán, chương này giúp người học có cái nhìn tổng quan về hành vi hãng độc quyền mua và độc quyền bán, đặc biệt là độc quyền bán. Người học sẽ hiểu và nắm rõ được các nguyên nhân hình thành độc quyền, các đặc trưng của hãng độc quyền, cách thức lựa chọn sản lượng và giá cả của hãng độc quyền. Cụ thể, nghiên cứu chương này, người học sẽ:

- Phân tích được khái niệm và các đặc trưng của thị trường độc quyền bán thuần túy.

- Phân biệt được sự khác nhau giữa đường cầu và đường doanh thu cận biên của hãng độc quyền bán thuần túy và hãng cạnh tranh hoàn hảo.

- Chỉ rõ thế nào là sức mạnh thị trường và các nguyên nhân hình thành độc quyền.

- Phân tích được điều kiện tối đa hóa lợi nhuận và khả năng sinh lợi của hãng độc quyền bán thuần túy trong cả ngắn hạn và dài hạn.

- Phân tích được quy tắc định giá của nhà độc quyền (quy tắc ngón tay cái).

- Phân tích được các đặc trưng và khả năng sinh lợi của hãng độc quyền mua.

Phần 2 - Tóm tắt nội dung lý thuyết

6.1. Thị trường độc quyền bán

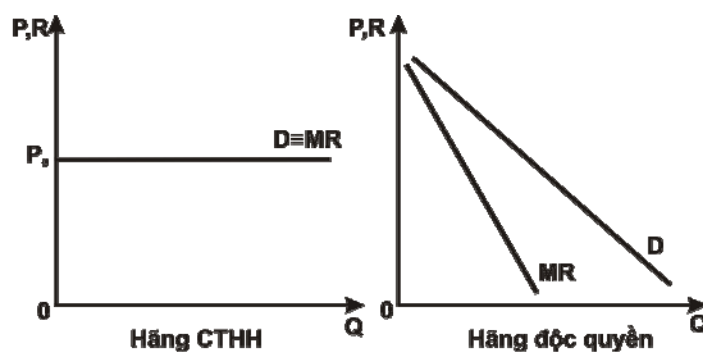
6.1.1. Các đặc trưng của thị trường độc quyền bán thuần túy

- Thị trường độc quyền bán thuần túy chỉ có một hãng duy nhất đang cung ứng toàn bộ mức cung của thị trường.

- Một hãng sản xuất và bán một hàng hóa hoặc dịch vụ mà không có hàng hóa hoặc dịch vụ nào có thể thay thế gần trong thị trường.

- Có sự cản trở lớn đối với việc xâm nhập vào thị trường của các hãng mới. Kết quả là một hãng độc quyền có nhiều sức mạnh thị trường hơn bất kỳ một hãng nào khác.

Đường cầu của hãng độc quyền là đường dốc xuống về phía phải, có độ dốc âm và tuân theo luật cầu. Hãng độc quyền đối mặt với đường cầu dốc xuống cho nên nó có sức mạnh thị trường. *Sức mạnh thị trường* là khả năng của các “hãng định giá” có thể tăng giá mà không bị mất đi tất cả doanh thu. Các nhà kinh tế thường sử dụng thuật ngữ “sức mạnh độc quyền” và thuật ngữ “sức mạnh thị trường” thay thế cho nhau, cả hai thuật ngữ đều có nghĩa hãng có khả năng tăng giá mà không bị mất đi tất cả doanh thu.



Hình 6.1: Đường cầu của hãng cạnh tranh hoàn hảo và hãng độc quyền bán

Hình 6.1 miêu tả đường cầu của hãng cạnh tranh hoàn hảo là đường nằm ngang song song với trục hoành và đường cầu của hãng độc quyền

thuần túy là đường dốc xuống có độ dốc âm. Khác với hãng cạnh tranh hoàn hảo có đường cầu nằm ngang trùng với đường doanh thu cận biên, đường doanh thu cận biên của hãng độc quyền luôn nằm dưới đường cầu (xem hình 6.1).

Ví dụ về thị trường độc quyền thuần túy: điện thấp sáng, tập đoàn bưu chính viễn thông Việt Nam độc quyền trong việc in và kinh doanh tem thư, buôn bán vũ khí, hãng Microsoft với phần mềm Windows,...

6.1.2. Các nguyên nhân dẫn đến độc quyền

- *Đạt được tính kinh tế nhờ quy mô*: Chi phí bình quân dài hạn (LAC) sẽ giảm xuống, dễ mở rộng sản lượng, dễ loại bỏ đối thủ,... Một hãng mới muốn gia nhập kiểu thị trường này phải có quy mô sản xuất lớn để giữ cho chi phí của hãng thấp như chi phí của hãng có quy mô lớn hay các hãng hiện đang hoạt động trên thị trường.

- *Bằng phát minh sáng chế (bản quyền)*: Những đạo luật, quy định về các bằng phát minh, sáng chế khiến cho một người có thể nộp đơn và có được toàn quyền sản xuất một hàng hoá nhất định, hoặc sản xuất một loại hàng hóa theo một quy trình đặc biệt mà chính quy trình này sẽ tạo ra lợi thế về chi phí tuyệt đối.

- *Kiểm soát các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất*: Một lý do quan trọng mà các hãng có sức mạnh thị trường là nó kiểm soát được việc cung ứng các nguyên liệu thô. Nếu một hãng (hoặc một vài hãng) kiểm soát tất cả các nguồn cung đã được biết đến của một nguyên liệu cần thiết để sản xuất ra một hàng hoá nhất định, thì hãng (hay các hãng) có thể từ chối bán các nguyên liệu đó cho các hãng khác với một mức giá đủ thấp để các hãng đó có thể cạnh tranh. Khi không một hãng nào có thể sản xuất sản phẩm, độc quyền là kết quả tất yếu.

- *Do quy định của chính phủ*: Việc cấp phép và quyền được phép kinh doanh là những cách mà độc quyền được tạo ra bởi các quy định của chính phủ. Ví dụ: những giấy phép chính phủ cấp cho các trạm phát thanh, truyền hình và chỉ những trạm có giấy phép mới được phép hoạt động.

- *Sự gia nhập hay sự gia nhập tiềm năng của các hãng mới vào thị trường* có thể làm suy yếu sức mạnh thị trường của các hãng đang hoạt động khi nó làm tăng số lượng hàng hoá thay thế. Rào cản lớn ngăn cản gia nhập thị trường sẽ cản trở việc giới thiệu các sản phẩm mới, thay thế và bảo vệ lợi ích của các hãng đang hoạt động trên thị trường để các hãng đang tồn tại duy trì thế lực độc quyền.

- *Sự trung thành với thương hiệu*: Xét về khía cạnh cầu, các hãng đang hoạt động có thể xây dựng được, cùng với thời gian, lòng trung thành của khách hàng của họ. Các hãng mới gia nhập sẽ phải rất khó khăn khi muốn vượt qua sự trung thành đó.

- *Trói buộc người tiêu dùng*: Đối với nhiều hàng hoá và dịch vụ, người tiêu dùng có thể thấy việc chuyển sang sử dụng các nhãn hiệu khác là rất tốn kém - cả chi phí cho nhãn hiệu đang sử dụng và nhãn hiệu mới. Một trong số những loại chi phí *chuyển đổi* người tiêu dùng phải gánh chịu bao gồm những chi phí như phí cài đặt hay phí sử dụng lần đầu, chi phí cho việc tìm kiếm để biết về sự sẵn có và giá cả của các sản phẩm thay thế, chi phí để học cách sử dụng sản phẩm hoặc dịch vụ mới. Khi chi phí chuyển đổi cao khiến cho việc thay đổi các quyết định tiêu dùng trước kia trở nên tốn kém, các đối thủ không tin rằng họ có thể thuyết phục nhiều người tiêu dùng, thay đổi quyết định tiêu dùng của họ. Tình huống như vậy được gọi là sự trói buộc người tiêu dùng. Sự trói buộc người tiêu dùng, dĩ nhiên, ngăn cản một hãng mới gia nhập một thị trường đầy lợi nhuận và do vậy bảo vệ hãng đang hoạt động khỏi sự cạnh tranh.

- *Hiệu ứng mạng lưới*: Hiệu ứng mạng lưới có thể tạo ra khó khăn cho hãng mới gia nhập thị trường khi mà những hãng đang hoạt động thiết lập được một mạng lưới những khách hàng đông đảo. Hiệu ứng mạng lưới xảy ra khi giá trị của một sản phẩm đối với người tiêu dùng càng tăng khi số lượng người mua và sử dụng sản phẩm đó càng nhiều. Khi càng nhiều người mua một loại hàng hóa, thậm chí khi mà có càng nhiều người thấy hàng hóa đó đáng để mua và một ảnh hưởng tăng trưởng nhanh có thể đưa sản phẩm tới vị thế độc quyền, khiến cho những hãng muốn gia nhập thị trường là cực kỳ khó khăn, nếu không muốn nói là không thể.

6.1.3. Khả năng sinh lợi của hãng độc quyền trong ngắn hạn và dài hạn

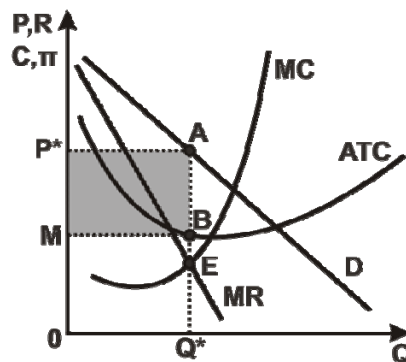
➤ Khả năng sinh lợi của hãng độc quyền trong ngắn hạn

Một hãng độc quyền, cũng giống như một hãng cạnh tranh hoàn hảo, đạt được tối đa hóa lợi nhuận bằng cách sản xuất và bán sản phẩm tại mức sản lượng mà chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí là lớn nhất; hoặc tối thiểu hóa lỗ bằng cách sản xuất sản lượng mà chênh lệch giữa tổng doanh thu và tổng chi phí là nhỏ nhất. Khi giá vượt quá chi phí biến đổi bình quân, điều này xảy ra khi doanh thu cận biên bằng chi phí cận biên.

Một hãng độc quyền sẽ không bao giờ chọn việc sản xuất và bán sản phẩm trên phần cầu kém co dẫn của đường cầu. Khi đường cầu là kém co dẫn, doanh thu cận biên là âm. Bởi vì, chi phí cận biên luôn dương và hãng chọn chi phí cận biên bằng với doanh thu cận biên nên doanh thu cận biên cũng sẽ dương. Do đó, hãng độc quyền sẽ luôn chọn sản xuất tại phần co dẫn của đường cầu.

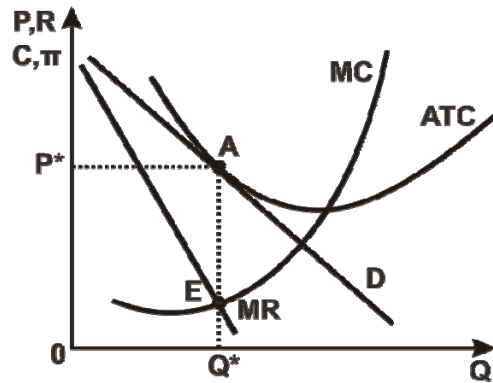
Hãng tối đa hóa lợi nhuận hay tối thiểu hóa lỗ bằng cách sản xuất mức sản lượng Q^* mà tại đó $MR = SMC$. Giá bán của đầu ra tại mức sản lượng đó được quy định bởi đường cầu.

Trường hợp 1: Hình 6.2 minh họa giá bán lớn hơn chi phí bình quân $P^* > ATC$, hãng sẽ sản xuất tại mức sản lượng Q^* thỏa mãn điều kiện $MR = MC$, bán với giá P^* và hãng sẽ thu được lợi nhuận kinh tế là diện tích S_{ABMP^*} .



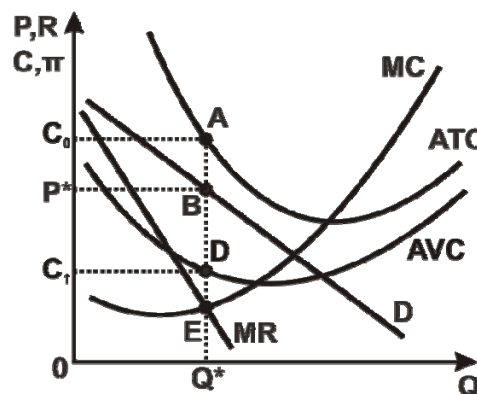
Hình 6.2: Lựa chọn sản lượng của hãng độc quyền khi $P > ATC$

Trường hợp 2: Hình 6.3 minh họa giá bán bằng chi phí bình quân $P^* = ATC$ và hãng lựa chọn tại mức sản lượng thỏa mãn $MR = MC$. Hãng sẽ hòa vốn, vì tại đó tổng doanh thu bằng tổng chi phí. Đường ATC tiếp xúc với đường cầu tại mức giá P^* .



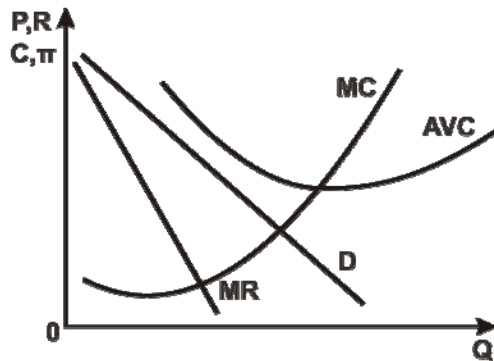
Hình 6.3: Lựa chọn sản lượng của hãng độc quyền khi $P = ATC$

Trường hợp 3: Hình 6.4 minh họa trường hợp giá bán của hãng nằm trong khoảng $AVC < P^* < ATC$. Hãng sẽ lựa chọn sản lượng tối ưu là Q^* , tại đó, khi hãng sản xuất, hãng sẽ bị thua lỗ là phần diện tích $S_{P^*C_0AB}$. Nếu hãng đóng cửa sản xuất, hãng sẽ bị lỗ toàn bộ chi phí cố định, nếu hãng tiếp tục sản xuất hãng chỉ bị thua lỗ một phần chi phí cố định là diện tích. Như vậy, trong trường hợp này, hãng bị lỗ vốn nhưng vẫn tiếp tục sản xuất để tối thiểu hóa lỗ vốn.



Hình 6.4: Lựa chọn sản lượng của hãng độc quyền khi $AVC < P^* < ATC$

Trường hợp 4: Nếu cầu giảm đến mức nó nằm dưới AVC tại mỗi mức sản lượng và hãng độc quyền không thể trang trải toàn bộ chi phí biến đổi tại tất cả mỗi mức giá, hãng nên đóng cửa sản xuất thì chỉ lỗ chi phí cố định. Điều này cũng giống hệt như hãng cạnh tranh hoàn hảo. Như vậy, khi $P < AVC$ hãng nên đóng cửa sản xuất, được minh họa trên hình 6.5.



Hình 6.5: Lựa chọn sản lượng của hãng độc quyền khi $AVC > P$

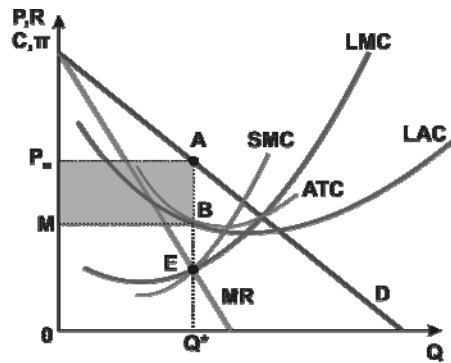
➤ *Khả năng sinh lợi của hãng độc quyền trong dài hạn*

Một nhà độc quyền tồn tại nếu có duy nhất một hãng trên thị trường, việc gia nhập thị trường là không thể. Do đó, nếu một hãng độc quyền thu được lợi nhuận kinh tế trong ngắn hạn, không một nhà sản xuất mới nào có thể gia nhập thị trường với hy vọng chia sẻ lợi nhuận. Do vậy, lợi nhuận kinh tế không hề bị loại trừ trong dài hạn. Tuy nhiên, hãng độc quyền sẽ điều chỉnh quy mô sản xuất theo các điều kiện của cầu nhằm tối đa hóa lợi nhuận trong dài hạn.

Trong dài hạn, một hãng độc quyền sẽ chọn quy mô sản xuất để sản xuất mức sản lượng tại đó chi phí cận biên dài hạn bằng doanh thu cận biên. Lợi nhuận sẽ bằng sản lượng nhân với sự chênh lệch giữa giá cả và chi phí bình quân trong dài hạn:

$$\pi = P \times Q - LAC \times Q = Q(P - LAC)$$

Trong dài hạn, hãng độc quyền sẽ điều chỉnh quy mô sản xuất tới mức mà giúp tối thiểu hóa chi phí của việc sản xuất mức sản lượng tối ưu. Quy mô nhà máy tối ưu là quy mô thỏa mãn đường chi phí bình quân trong ngắn hạn tiếp xúc với đường chi phí bình quân trong dài hạn tại mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận (xem hình 6.6).



Hình 6.6: Khả năng sinh lợi của hãng độc quyền trong dài hạn khi $P \geq LAC_{min}$

Trong dài hạn, hãng chỉ sản xuất khi mức giá $P \geq LAC_{min}$ vì khi đó hãng sẽ thu được lợi nhuận kinh tế lớn hơn hoặc bằng 0. Ngược lại, nếu hãng không thể điều chỉnh quy mô sản xuất sao cho chi phí bình quân dài hạn nhỏ hơn giá cả, hãng độc quyền sẽ không hoạt động trong dài hạn và sẽ rời khỏi ngành.

6.1.4. Quy tắc định giá của nhà độc quyền

Để biết được hãng độc quyền xác định mức giá như thế nào, chúng ta có thể bắt đầu phân tích từ hàm doanh thu cận biên:

$$MR = TR'_{(Q)} = (P \cdot Q)'_{(Q)} = P'_{(Q)} \cdot Q + Q'_{(Q)} \cdot P$$

$$\Rightarrow P \cdot \left(P'_{(Q)} \cdot \frac{Q}{P} + 1 \right) = P \left(1 + \frac{1}{E_p^D} \right) = SMC$$

Đặt $MR = SMC$ ta được: $P = \frac{SMC}{\left(1 + \frac{1}{E_p^D} \right)}$, đây là công thức định giá

của nhà độc quyền.

Tiếp tục biến đổi ta có: $P - SMC = \frac{-P}{E_p^D} > 0 \Rightarrow P > SMC$; phương trình

này cho thấy, hãng độc quyền luôn bán với giá lớn hơn chi phí cận biên nếu muốn tối đa hóa lợi nhuận. Sức mạnh thị trường của hãng độc quyền biểu thị bởi hãng có khả năng định giá cao hơn chi phí cận biên.

6.1.5. Đo lường sức mạnh của nhà độc quyền

Một phương pháp đo lường sức mạnh thị trường mà hãng có được là đo lường độ co giãn đường cầu của hãng. Mặc dù sức mạnh thị trường của hãng càng lớn khi độ co giãn của cầu càng nhỏ nhưng điều đó không có nghĩa là một hãng có sức mạnh thị trường lựa chọn sản xuất trên phần không co giãn của đường cầu. Nói theo cách khác, sức mạnh thị trường không ngụ ý rằng một nhà quản lý chọn sản xuất tại nơi $|E_p^D| < 1$; đúng hơn là cầu càng ít co giãn thì sức mạnh thị trường càng lớn.

Một phương pháp tương tự để đo lường sức mạnh thị trường là đo lường sự chênh lệch giữa giá thực tế và giá cả trong điều kiện cạnh tranh. Hệ số Lerner, mang tên của Abba Lerner, người đưa ra công thức này, là một tỉ lệ đo lường lượng chênh lệch giữa giá và chi phí cận biên với giá của hàng hóa đó.

$$\text{Hệ số Lerner: } L = \frac{P - MC}{P}; 0 \leq L \leq 1.$$

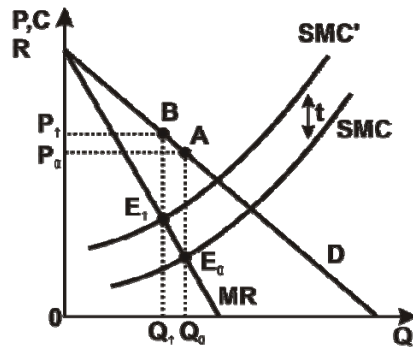
Hệ số Lerner cũng có thể được tính theo giá trị độ co giãn của cầu theo giá:

$$\frac{P - MC}{P} = \frac{-1}{E_p^D}; 0 \leq L \leq 1 \Rightarrow 1 > \frac{-1}{E_p^D} > 0 \Rightarrow |E_p^D| > 1$$

Hệ số Lerner đo lường lượng chênh lệch giữa giá và chi phí cận biên với giá của hàng hóa đó. Trong điều kiện cạnh tranh, Hệ số Lerner sẽ bằng 0, và Hệ số Lerner tăng lên khi sức mạnh thị trường tăng lên.

6.1.6. Tác động của thuế trên mỗi đơn vị sản phẩm cung ứng của hãng độc quyền

Thuế đánh vào mỗi đơn vị sản phẩm bán ra một mức t , sẽ làm tăng chi phí cận biên thêm t . Hình 6.7 cho thấy, đường chi phí cận biên sẽ dịch chuyển sang trái từ SMC đến SMC' (tức là mức chi phí cận biên có thuế SMC_t), lượng bán của hãng sẽ giảm xuống từ Q_0 đến Q_1 , giá bán tăng lên từ P_0 đến P_1 , và kết quả là lợi nhuận sẽ giảm xuống dưới tác động của thuế.



Hình 6.7: Tác động của thuế trên mỗi đơn vị sản phẩm cung ứng của hãng độc quyền

Trong trường hợp này chúng ta có:

$$SMC_t = SMC + t$$

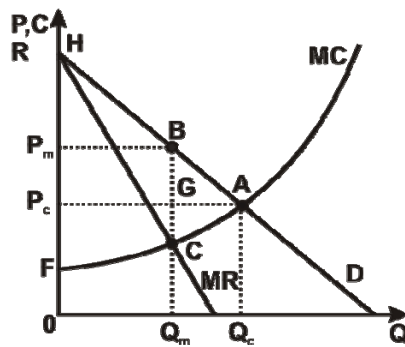
$$ATC_t = ATC + t$$

$$AVC_t = AVC + t$$

$$TC_t = TC + t \cdot Q$$

6.1.7. Sự mất mát phúc lợi xã hội ròng do độc quyền gây ra

Trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo, hãng cạnh tranh hoàn hảo sẽ lựa chọn mức sản lượng Q_c để tối đa hóa lợi nhuận, thỏa mãn điều kiện $P_c = MC$ (xem hình 6.8). Thặng dư của xã hội trong thị trường cạnh tranh bằng tổng thặng dư của nhà sản xuất và thặng dư của người tiêu dùng, được xác định bởi phần diện tích nằm dưới đường cầu D , trên đường MC và trục tung.



Hình 6.8: Sự mất mát phúc lợi xã hội ròng do độc quyền gây ra

Tuy nhiên, đối với hãng độc quyền, hãng sẽ lựa chọn mức sản lượng tối ưu Q_m và bán với mức giá P_m . Thặng dư của người tiêu dùng bây giờ chỉ còn là diện tích tam giác HP_mB , thặng dư của người tiêu dùng bị mất là phần diện tích hình thang P_cP_mB . Thặng dư của nhà sản xuất bây giờ là phần diện tích nằm trên đường MC , dưới đường giá P_m (diện tích P_mB). Hãng độc quyền đã chiếm đoạt một phần thặng dư của người tiêu dùng là diện tích P_mB .

Độc quyền đã làm giảm thặng dư của xã hội là phần diện tích ABC , trong đó có một phần người tiêu dùng chịu thiệt và một phần là nhà sản xuất chịu thiệt do đường cầu dốc xuống.

6.2. Độc quyền mua

6.2.1. Các đặc trưng của thị trường độc quyền mua

- Thị trường có một người mua và nhiều người bán.

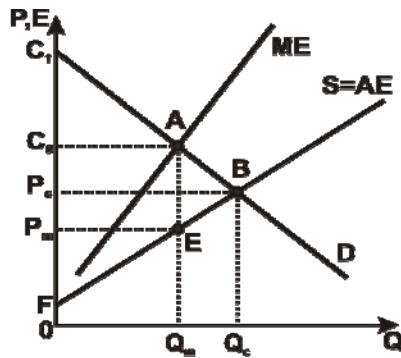
- Người mua cũng áp dụng nguyên lý cận biên: mua hàng hóa cho đến số lượng mà đơn vị mua cuối cùng đem lại giá trị bổ sung, hay lợi ích, đúng bằng chi phí phải trả cho đơn vị cuối cùng đó.

- Người mua có khả năng thay đổi giá, có thể mua được mức giá thấp hơn giá hiện hành.

- Đường cầu của một cá nhân biểu thị giá trị cận biên (hay lợi ích cận biên), là một hàm số của lượng mua.

6.2.2. Lựa chọn sản lượng của hãng độc quyền mua

Giả sử một hãng độc quyền bán có đường chi tiêu bình quân AE và đường chi tiêu cận biên ME như trên hình 6.9. Khi đó, nhà độc quyền mua một lượng Q_m và trả giá cho mỗi đơn vị mua là P_m . Trong khi đó giá cả trong thị trường cạnh tranh là P_c và lượng mua cạnh tranh là Q_c .



Hình 6.9: Lựa chọn sản lượng tối ưu của hãng độc quyền mua

6.2.3. Tổn thất phúc lợi do độc quyền mua gây ra

Giả sử đối với hãng cạnh tranh, thặng dư của hãng là diện tích $P_c C_1 B$, thặng dư của người bán là diện tích $F P_c B$. Hình 6.9 cho thấy hãng độc quyền mua sẽ chọn mức sản lượng là Q_m và giá bán là P_m . Khi đó thặng dư của người bán bây giờ là diện tích $F P_m E$. Như vậy, người bán đã bị mất phần thặng dư là diện tích $P_m P_c B E$, còn thặng dư của hãng bây giờ là diện tích $P_m C_1 A E$. Cả người bán và hãng đã bỏ mất phần thặng dư là diện tích $A B E$, đây là phần mất không do độc quyền mua gây ra.

Phần 3 - Câu hỏi ôn tập

1. Phân tích khái niệm của độc quyền thuần túy, các đặc trưng của độc quyền thuần túy và các nguyên nhân dẫn đến độc quyền?
2. Phân biệt sự khác nhau về đường cầu của hãng cạnh tranh hoàn hảo và hãng độc quyền thuần túy. Tại sao hãng độc quyền được coi là hãng có sức mạnh thị trường?
3. Phân tích sự lựa chọn giá bán và mức sản lượng tối ưu để tối đa hóa lợi nhuận của hãng độc quyền thuần túy trong ngắn hạn?
4. Phân tích sự lựa chọn giá bán và mức sản lượng tối ưu để tối đa hóa lợi nhuận của hãng độc quyền thuần túy trong dài hạn?
5. Xây dựng một mô hình của hãng độc quyền thuần túy để chỉ ra việc hãng này sẽ lựa chọn mức sản lượng và mức giá nhằm tối đa hóa lợi nhuận trong ngắn hạn?
6. Xây dựng một mô hình của hãng độc quyền thuần túy để chỉ ra việc hãng này sẽ lựa chọn mức sản lượng và mức giá nhằm tối đa hóa lợi nhuận trong dài hạn?
7. Hãng độc quyền thuần túy có đường cung không? Vì sao?
8. Phân tích hệ số Lerner phản ánh mức độ độc quyền của một hãng độc quyền thuần túy?
9. Giải thích tại sao hãng độc quyền bán thuần túy muốn tối đa hóa lợi nhuận sẽ luôn sản xuất và bán ở miền cầu co dãn. Nếu chi phí bằng 0, nhà quản lý sẽ sản xuất mức đầu ra là bao nhiêu? Giải thích?
10. Độc quyền mua thuần túy là gì? Hãy phân tích cách thức hãng độc quyền mua lựa chọn mức sản lượng tối ưu. Chỉ ra tổn thất phúc lợi do loại hình độc quyền này gây ra cho xã hội?

Phần 4 - Câu hỏi đúng/sai

1. Hãng độc quyền sẽ đóng cửa ngừng sản xuất khi đường MR cắt đường MC tại điểm thấp hơn chi phí biến đổi bình quân.
2. Hãng độc quyền là hãng không có sức mạnh thị trường.
3. Hãng độc quyền sẽ lựa chọn mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận tại điểm có $P = MC$.
4. Độc quyền sẽ làm giảm thặng dư xã hội.
5. Hãng độc quyền muốn tối đa hóa lợi nhuận sẽ luôn sản xuất và bán ra tại mức sản lượng nhỏ hơn mức sản lượng tối đa hóa doanh thu.
6. Hãng độc quyền luôn đặt giá cho sản phẩm của mình tại miền cầu co dẫn.
7. Khi hãng độc quyền tối đa hóa lợi nhuận, mức giá bán của hãng luôn lớn hơn chi phí cận biên.
8. Hãng độc quyền bán không có đường cung.
9. Một hãng độc quyền đang sản xuất ở mức sản lượng mà tại đó giá bằng 80 USD, doanh thu cận biên bằng 40 USD, tổng chi phí bình quân bằng 100 USD, chi phí cận biên bằng 40 USD và chi phí cố định bình quân bằng 10 USD. Để tối đa hóa lợi nhuận hãng cần phải giảm sản lượng và tăng giá bán.
10. Hãng độc quyền luôn thu được lợi nhuận kinh tế dương trong cả ngắn hạn và dài hạn.
11. Hãng độc quyền sẽ tối đa hóa lợi nhuận ở mức sản lượng mà tại đó doanh thu cận biên bằng chi phí bình quân.
12. Đường cầu của thị trường cạnh tranh hoàn hảo là một đường cầu nằm ngang, trong khi đường cầu của thị trường độc quyền là một đường có độ dốc âm.
13. Hãng độc quyền là hãng “đặt giá”, trong khi hãng cạnh tranh hoàn hảo là hãng “chấp nhận giá”.

14. Nếu một hãng độc quyền đang sản xuất ở mức sản lượng có $P < AVC$, hãng vẫn nên tiếp tục sản xuất trong ngắn hạn.

15. Hãng độc quyền là hãng “đặt giá”, do vậy hãng có thể đặt bất cứ mức giá nào mà hãng muốn.

16. Thị trường độc quyền luôn đặt giá cao hơn và cung ứng ít sản phẩm hơn so với cạnh tranh hoàn hảo.

17. Đường cầu của hãng độc quyền càng kém co giãn thì sức mạnh độc quyền của hãng càng lớn.

18. Đối với hãng độc quyền, doanh thu cận biên thường lớn hơn giá bán sản phẩm.

19. Khi sản xuất ở mức sản lượng thỏa mãn điều kiện $MR = MC$, hãng độc quyền sẽ luôn tối đa hóa lợi nhuận.

20. Khi chi phí cố định thay đổi, để tối đa hóa lợi nhuận trong ngắn hạn, hãng độc quyền vẫn giữ nguyên mức sản lượng tối ưu như trước.

21. Hãng độc quyền có thể được hình thành khi hãng đó là hãng duy nhất có được nguồn cung của yếu tố đầu vào cơ bản trong quá trình sản xuất.

22. Hãng độc quyền không bao giờ bị thua lỗ.

23. Để tối đa hóa lợi nhuận, hãng độc quyền sẽ đặt giá cho sản phẩm của mình là
$$P = \frac{MC}{1 + \frac{1}{E_p}}$$

24. Hãng độc quyền sẽ tối đa hóa doanh thu khi lựa chọn mức sản lượng tại miền cầu co giãn.

25. Sức mạnh độc quyền mua có thể làm cho những người bán trên thị trường này thu được mức giá cao hơn so với thị trường CTHH.

26. Trên thị trường độc quyền mua, đường chi tiêu cận biên nằm trên đường cung thị trường.

Phần 5 - Lựa chọn một câu trả lời đúng nhất

1. Đối với một hãng độc quyền thuần túy:
 - a. $MR < P$ do đường cầu dốc xuống.
 - b. $MR = P$ do đường cầu hoàn toàn co giãn.
 - c. $MR > P$ do sự phân biệt giá.
 - d. Tất cả các câu trên đều sai.

2. Hãng độc quyền thuần túy muốn tối đa hóa lợi nhuận sẽ luôn bán ra với:
 - a. $P > MC$
 - b. $P = MC$
 - c. $P < MC$
 - d. Không có câu nào trong số nêu trên.

3. Mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận của hãng độc quyền thuần túy sẽ:
 - a. Lớn hơn mức sản lượng tối đa hóa doanh thu.
 - b. Bằng mức sản lượng tối đa hóa doanh thu.
 - c. Nhỏ hơn mức sản lượng tối đa hóa doanh thu.
 - d. Là câu (b) hoặc (c) phụ thuộc vào chi phí của hãng.

4. Một hãng độc quyền thuần túy theo đuổi mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận sẽ cố gắng:
 - a. Tối đa hóa doanh thu.
 - b. Lựa chọn mức sản lượng mà tại đó ATC nhỏ nhất.
 - c. Tối đa hóa lợi nhuận bình quân.
 - d. Lựa chọn mức sản lượng mà AFC nhỏ nhất.
 - e. Không có trong số nêu trên.

5. Một hãng độc quyền đang sản xuất tại mức sản lượng có chi phí bình quân không đổi bằng 50 và bằng doanh thu cận biên, để tối đa hoá lợi nhuận hãng cần phải

- a. Giữ nguyên sản lượng và giữ nguyên giá.
- b. Tăng sản lượng và tăng giá.
- c. Tăng sản lượng và giữ nguyên giá.
- d. Giảm sản lượng và tăng giá.

6. Một hãng độc quyền đang sản xuất tại mức sản lượng có chi phí cận biên bằng giá. Để tối đa hoá lợi nhuận hãng cần

- a. Giữ nguyên sản lượng và giữ nguyên giá.
- b. Giảm sản lượng và giảm giá.
- c. Giảm sản lượng và tăng giá.
- d. Tăng sản lượng và giảm giá.

7. Lợi nhuận của hãng độc quyền chịu ảnh hưởng bởi:

- a. Quy mô sản xuất của hãng.
- b. Giá cả thị trường của hàng hóa.
- c. Chi phí sản xuất của hãng.
- d. Tất cả các ý trên đều đúng.

8. Trong ngắn hạn, một hãng độc quyền sẽ đóng cửa sản xuất nếu:

- a. Giá bán thấp hơn chi phí bình quân tối thiểu.
- b. Tổng doanh thu thấp hơn chi phí cố định.
- c. Tổng doanh thu thấp hơn tổng chi phí.
- d. Tổng doanh thu thấp hơn tổng chi phí biến đổi.

9. Mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận của nhà độc quyền là mức sản lượng mà tại đó:

- a. Tổng doanh thu đạt tối đa.

- b. Tổng doanh thu bằng tổng chi phí.
- c. Doanh thu cận biên bằng chi phí cận biên.
- d. Doanh thu bình quân bằng chi phí bình quân.

10. Hãng độc quyền khi theo đuổi mục tiêu tối đa hóa doanh thu sẽ quyết định sản xuất ở mức sản lượng mà tại đó:

- a. Giá bán cao hơn chi phí bình quân.
- b. Doanh thu cận biên bằng không.
- c. Giá bán bằng chi phí cận biên.
- d. Giá bán bằng doanh thu cận biên.

11. Khác với thị trường cạnh tranh hoàn hảo, trong thị trường độc quyền thuần túy:

- a. Đường doanh thu cận biên có độ dốc âm.
- b. Doanh thu cận biên bằng giá bán sản phẩm.
- c. Hãng độc quyền chỉ thu được lợi nhuận kinh tế bằng 0 trong dài hạn.
- d. Đường doanh thu cận biên nằm phía trên so với đường cầu.

12. Tại mức sản lượng mà tại đó $MR = 0$, tổng doanh thu của hãng độc quyền:

- a. Lớn hơn 1.
- b. Đạt giá trị lớn nhất.
- c. Nhỏ hơn 1.
- d. Bằng 0.

13. Hãng cạnh tranh hoàn hảo và hãng độc quyền thuần túy:

- a. Luôn luôn thu được lợi nhuận kinh tế dương.
- b. Tối đa hóa lợi nhuận bằng cách lựa chọn sản lượng thỏa mãn $P = MC$.

- c. Tối đa hóa lợi nhuận bằng cách lựa chọn sản lượng thỏa mãn điều kiện $MR = MC$.
- d. Đều là hãng chấp nhận giá.

14. Khi đang sản xuất ở mức sản lượng có $MC < MR$, để tối đa hóa lợi nhuận, hãng độc quyền cần:

- a. Tăng sản lượng cho đến khi $MR = MC$.
- b. Giảm sản lượng cho đến khi $MR = MC$.
- c. Rời khỏi ngành trong dài hạn.
- d. Giữ nguyên mức sản lượng như cũ.

15. Điều nào sau đây không bao giờ xảy ra đối với hãng độc quyền:

- a. Doanh thu cận biên > 0 .
- b. Doanh thu cận biên $= 0$.
- c. Doanh thu cận biên < 0 .
- d. Không có ý nào đúng.

16. Thị trường độc quyền không hiệu quả bằng thị trường cạnh tranh hoàn hảo. Điều này là do hãng độc quyền:

- a. Đặt giá quá cao.
- b. Sản xuất quá nhiều sản phẩm gây lãng phí.
- c. Bán sản phẩm với mức giá lớn hơn chi phí cận biên.
- d. Sử dụng nguồn lực không hiệu quả.

17. Đường cung đối với hãng độc quyền thuần túy:

- a. Là phần đường chi phí cận biên nằm trên đường chi phí bình quân.
- b. Là phần đường chi phí cận biên nằm trên đường chi phí biến đổi bình quân.
- c. Là phần đường doanh thu cận biên nằm trên trục hoành.
- d. Không tồn tại.

18. Hãng độc quyền thuần túy không bao giờ sản xuất ở mức sản lượng mà tại đó:

- a. Cầu kém co dẫn.
- b. Hãng chỉ thu được lợi nhuận kinh tế âm.
- c. Doanh thu cận biên nhỏ hơn giá.
- d. Chi phí bình quân lớn hơn chi phí cận biên.

19. Câu phát biểu nào sau đây không đúng khi nói về hãng độc quyền thuần túy?

- a. Để tối đa hóa lợi nhuận hãng độc quyền lựa chọn mức sản lượng thỏa mãn $MR = MC$.
- b. Hãng độc quyền có doanh thu bình quân bằng với giá bán.
- c. Mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận là mức sản lượng mà tại đó giá bằng chi phí cận biên.
- d. Đường cầu của hãng độc quyền thuần túy cũng chính là đường cầu thị trường.

20. Hãng độc quyền thuần túy sản xuất ở mức sản lượng có $MR = 0$ sẽ:

- a. Tối đa hóa lợi nhuận.
- b. Tối đa hóa doanh thu.
- c. Tối thiểu hóa chi phí.
- d. Tối thiểu hóa lợi nhuận.

21. Một hãng độc quyền đang sản xuất ở mức sản lượng mà tại đó có độ co dẫn của cầu theo giá bằng $-0,15$. Câu phát biểu nào sau đây là đúng?

- a. Để tối đa hóa lợi nhuận, hãng cần giảm sản lượng.
- b. Để tối đa hóa lợi nhuận, hãng cần giữ nguyên mức sản lượng.
- c. Để tối đa hóa lợi nhuận, hãng cần tăng sản lượng.
- d. Doanh thu của hãng đạt giá trị lớn nhất ở mức sản lượng này.

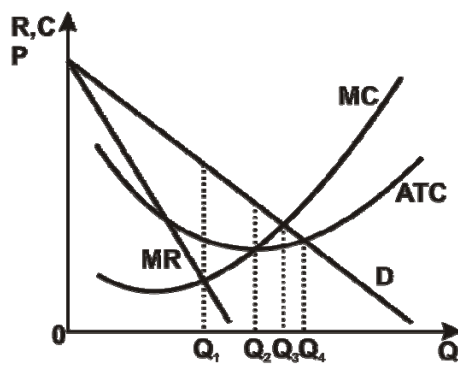
22. Một hãng độc quyền đang sản xuất ở mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận. Biết rằng doanh thu cận biên bằng 20, độ co giãn của cầu theo giá bằng -2, hãng cần đặt giá cho sản phẩm của mình bằng bao nhiêu?

- a. 0
- b. 20
- c. 40
- d. 30
- e. Không thể tính được từ số liệu đã cho.

23. Nếu đường cầu của hãng độc quyền càng co giãn thì:

- a. Hệ số Lerner càng lớn.
- b. Hệ số Lerner càng nhỏ.
- c. Sức mạnh độc quyền của hãng càng cao.
- d. Lợi nhuận hãng thu được càng lớn.

24. Trên hình 6.10, hãng độc quyền sẽ lựa chọn mức sản lượng _____ để tối đa hóa lợi nhuận.



- a. Q_1
- b. Q_2
- c. Q_3
- d. Q_4

25. Câu phát biểu nào sau đây không đúng khi nói về hãng độc quyền thuần túy?

- a. Hãng độc quyền thuần túy là hãng cung ứng hàng hóa duy nhất trên thị trường.
- b. Mức giá bán sản phẩm của hãng độc quyền được xác định trên đường cầu.
- c. Hãng độc quyền có thể đặt bất cứ mức giá nào mà hãng muốn.
- d. Đường cầu của hãng độc quyền dốc xuống về bên phải.

26. Một hãng độc quyền đang sản xuất ở mức sản lượng mà tại đó $P = MC$:

- a. Hãng đã tối đa hóa lợi nhuận.
- b. Hãng chưa tối đa hóa lợi nhuận và nên tăng sản lượng.
- c. Hãng chưa tối đa hóa lợi nhuận và nên giảm sản lượng.
- d. Hãng đang thu được lợi nhuận kinh tế dương.

27. So sánh với hãng cạnh tranh hoàn hảo, hãng độc quyền thuần túy đặt giá cho sản phẩm _____ và cung ứng lượng sản phẩm _____.

- a. Cao hơn; nhiều hơn.
- b. Thấp hơn; nhiều hơn.
- c. Cao hơn; ít hơn.
- d. Thấp hơn; ít hơn.

28. Một hãng độc quyền đang sản xuất ở mức sản lượng có doanh thu cận biên lớn hơn chi phí cận biên. Khi đó:

- a. Mức sản lượng hiện tại của hãng nhỏ hơn mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận
- b. Mức sản lượng hiện tại của hãng lớn hơn mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận
- c. Hãng đã tối đa hóa lợi nhuận
- d. Hãng chưa tối đa hóa lợi nhuận nhưng không biết hãng đang sản xuất quá nhiều hay quá ít.

29. Một hãng độc quyền đang sản xuất ở mức sản lượng có doanh thu cận biên bằng 152\$ và chi phí cận biên bằng 200\$. Hãng nên:

- a. Tăng sản lượng bán ra.
- b. Giảm sản lượng cho đến khi doanh thu cận biên bằng chi phí cận biên.
- c. Tăng sản lượng cho đến khi doanh thu cận biên bằng không.
- d. Giảm sản lượng cho đến khi chi phí cận biên bằng không.

30. Một hãng độc quyền đang sản xuất ở mức sản lượng có doanh thu cận biên, chi phí cận biên và chi phí bình quân bằng nhau, lợi nhuận kinh tế của hãng:

- a. Âm.
- b. Dương.
- c. Bằng không.
- d. Không thể biết được từ thông tin đã cho.

31. Điều nào sau đây *không* phải là đặc trưng của thị trường độc quyền thuần túy?

- a. Có một số lượng ít các hãng cung ứng hàng hóa trên thị trường.
- b. Chỉ có duy nhất một người bán.
- c. Không có hàng hóa thay thế gần gũi.
- d. Có rào cản lớn về việc gia nhập hoặc rút lui khỏi thị trường.

32. Giả sử một hãng độc quyền khi bán sản phẩm với giá 87,5 USD sẽ bán được 5 đơn vị sản phẩm, nhưng khi bán với giá 75 USD sẽ bán được 6 đơn vị sản phẩm. Vậy, doanh thu cận biên của đơn vị sản phẩm thứ 6 là:

- a. 450 USD.
- b. 437,5 USD.
- c. 12,5 USD.
- d. 0 USD.

33. Giả sử một hãng độc quyền sản xuất 100 đơn vị sản phẩm tại đó doanh thu cận biên bằng chi phí cận biên. Giả sử giá bán sản phẩm là 200 USD, chi phí bình quân là 50 USD. Câu phát biểu nào sau đây là đúng về lợi nhuận của hãng độc quyền?

- a. Lợi nhuận của hãng bằng 250 USD.
- b. Lợi nhuận của hãng bằng 150 USD.
- c. Lợi nhuận của hãng bằng 15.000 USD.
- d. Lợi nhuận của hãng bằng 50.000 USD.
- e. Lợi nhuận của hãng bằng 250.000 USD.

34. Hãng độc quyền là hãng:

- a. Được bảo vệ bởi các rào cản gia nhập thị trường.
- b. Sản xuất sản phẩm không có hàng hóa thay thế gần gũi.
- c. Có đường cầu dốc xuống dưới về phía phải.
- d. Tất cả các ý nêu trên.

35. Hãng độc quyền bán phải đối mặt với một đường cầu dốc xuống là do:

- a. Hãng phải chịu chi phí cận biên lớn hơn khi sản xuất thêm sản phẩm.
- b. Để bán thêm một đơn vị sản phẩm, hãng phải giảm giá bán cho toàn bộ số lượng sản phẩm bán ra.
- c. Doanh thu cận biên lớn hơn giá bán.
- d. Hãng độc quyền không có đường cung.

36. Một hãng độc quyền bán đang bán sản phẩm của mình tại điểm cầu co dần đơn vị. Câu phát biểu nào sau đây là đúng?

- a. Tổng doanh thu của hãng đang tăng và doanh thu cận biên đang giảm.
- b. Tổng doanh thu của hãng độc quyền đạt giá trị lớn nhất.
- c. Doanh thu cận biên của hãng độc quyền đạt giá trị lớn nhất.
- d. Lợi nhuận của hãng độc quyền đạt giá trị lớn nhất.

37. Một hãng độc quyền đang sản xuất trong ngắn hạn tại mức sản lượng mà tại đó có $P = 20$ USD, $MR = 13$ USD, $AVC = 12$ USD, $ATC = 15$ USD và $MC = 14$ USD. Để tối đa hóa lợi nhuận, hãng nên:

- a. Thay đổi giá và thay đổi sản lượng.
- b. Đóng cửa, ngừng sản xuất.
- c. Giảm sản lượng và tăng giá.
- d. Giữ nguyên sản lượng và giữ nguyên giá.
- e. Tăng sản lượng và giảm giá.

38. Một hãng độc quyền bán sẽ thu được lợi nhuận kinh tế bằng 0 khi:

- a. Doanh thu cận biên bằng chi phí cận biên.
- b. Chi phí bình quân đạt giá trị cực tiểu.
- c. Doanh thu cận biên bằng với giá.
- d. Giá bằng với chi phí cận biên.
- e. Chi phí bình quân bằng với giá.

39. Một hãng độc quyền có hàm doanh thu cận biên là $MR = 12 - 2Q$, và hàm chi phí cận biên là $MC = 3$, để tối đa hóa lợi nhuận, hãng độc quyền nên sản xuất bao nhiêu đơn vị sản phẩm?

- a. 0
- b. 4
- c. 4,5
- d. 6
- e. 12

40. Một hãng độc quyền bán đang sản xuất tại miền cầu kém co dẫn. Câu phát biểu nào sau đây là đúng?

- a. Doanh thu cận biên của hãng âm.
- b. Hãng có thể lựa chọn một điểm trên miền cầu này để tối đa hóa lợi nhuận.
- c. Tổng doanh thu của hãng đạt giá trị lớn nhất.
- d. Hãng có thể tăng tổng doanh thu bằng cách giảm giá.
- e. Hãng đang hoạt động tại miền doanh thu bình quân âm.

Phần 6 - Bài tập thực hành có lời giải

Bài số 1:

Một hãng có đường cầu sản phẩm là $P = 40 - Q$. Hãng có chi phí bình quân không đổi bằng 10 ở mọi mức sản lượng.

- Cho biết chi phí cố định của hãng là bao nhiêu?
- Tìm mức giá và mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận của hãng?
- Hãng sẽ lựa chọn bán sản phẩm ở mức giá nào nếu theo đuổi mục tiêu tối đa hóa doanh thu?

Trả lời:

a. Đề bài cho chi phí bình quân không đổi bằng 10 ở mọi mức sản lượng. Có nghĩa là chi phí bình quân (ATC) luôn bằng 10 ở mọi mức sản lượng.

$$ATC = 10, \text{ suy ra } TC = ATC \times Q = 10Q$$

Toàn bộ chi phí đều phụ thuộc vào mức sản lượng hay nói cách khác đều là chi phí biến đổi. Trong chi phí này không có chi phí cố định. Do đó, chi phí cố định của hãng (TFC) = 0.

b. Xác định mức giá và mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận: Đây không phải là hãng CTHH nên điều kiện tối đa hóa lợi nhuận phải áp dụng là điều kiện: $MR = MC$.

Đáp số: $Q^* = 15, P = 25$.

c. Áp dụng điều kiện tối đa hóa doanh thu $MR = 0$. Đáp số: $P = 20$.

Bài số 2:

Một hãng độc quyền có hàm cầu sản phẩm là: $Q = 180 - 10P$

a. Nếu hãng bán sản phẩm với mức giá là $P = 5$ thì doanh thu của hãng là bao nhiêu?

b. Giả sử hãng đang bán với mức giá $P = 6$. Nếu hãng muốn tăng lợi nhuận, hãng phải tăng hay giảm giá? (Cho $ATC = 4$).

c. Nếu hãng đang bán với mức giá $P = 12$. Hãng dự định giảm giá để tăng doanh thu. Quyết định của hãng có đúng không? Tại sao?

Trả lời:

a. Đáp số: $Q = 130 \rightarrow TR = P \times Q = 5 \times 130 = 650$

b. Để biết được hãng cần tăng hay giảm giá để có thể tăng được lợi nhuận, cách làm đơn giản nhất là tìm ra được mức giá tối đa hóa lợi nhuận (so sánh mức giá tối đa hóa lợi nhuận với mức giá của đầu bài để rút ra kết luận). Áp dụng điều kiện tối đa hóa lợi nhuận $MR = MC$. Ta có $MR = 18 - 0,2Q$ và $MC = 4 \rightarrow Q^* = 70$, thay vào phương trình hàm cầu $\rightarrow P = 11$. Hãng đang bán với mức giá $P = 6$, trong khi đó mức giá tối đa hóa lợi nhuận là $P = 11$, như vậy để tăng lợi nhuận hãng cần phải *tăng giá* (nhưng chỉ tăng cho đến khi $P = 11$ thì dừng lại).

c. Để biết hãng cần tăng hay giảm giá để tăng được doanh thu, cần tìm ra mức giá tối đa hóa doanh thu. Áp dụng điều kiện tối đa hóa doanh thu $MR = 0 \rightarrow P = 9$. Mức giá làm doanh thu tối đa là $P = 9$. Hãng đang bán với mức giá $P = 12$, như vậy để tăng doanh thu hãng cần phải giảm giá bán, và giảm cho đến khi $P = 9$. Như vậy, quyết định giảm giá của hãng là ĐÚNG (nhưng chỉ giảm cho đến khi $P = 9$ thì dừng lại).

Bài số 3:

Một hãng độc quyền có hàm cầu sản phẩm là $P = 200 - 0,001Q$ và hàm tổng chi phí là $TC = 0,001Q^2 + 100Q$. (đơn vị tính của Q là sản phẩm và tiền tính theo USD)

a. Nếu hãng muốn tối đa hóa lợi nhuận thì lợi nhuận tối đa đó bằng bao nhiêu?

b. Nếu hãng muốn tối đa hóa doanh thu thì hãng sẽ lựa chọn mức giá và mức sản lượng nào? Khi đó, lợi nhuận của hãng bằng bao nhiêu? So sánh với mức lợi nhuận ở câu (a) và cho nhận xét?

c. Giả sử Chính phủ đánh thuế 15 USD/sản phẩm bán ra, hãy so sánh mức sản lượng và lợi nhuận trong trường hợp này với trường hợp đầu. Tính tổng số thuế mà Chính phủ thu được.

Trả lời:

a. Áp dụng điều kiện $MR = MC$

Ta có: $Q^* = 25.000$, $P = 175$;

$$\pi_{\max} = 4.375.000 - 3.125.000 = 1.250.000 \text{ (USD)}$$

b. Tối đa hóa doanh thu $P = 100$ USD, $Q = 100.000$;

$$\pi = 10.000.000 - 20.000.000 = -10.000.000 \text{ (USD)}$$

Kết quả hai câu (a) và (b) khác nhau. Điều này có nghĩa là: Tối đa hóa doanh thu không đồng nghĩa với tối đa hóa lợi nhuận. Khi hãng có doanh thu tối đa thì hãng không thể đạt lợi nhuận tối đa (vì hai điều kiện khác nhau, điều kiện để tối đa hóa lợi nhuận là $MR = MC$, còn điều kiện tối đa hóa doanh thu là $MR = 0$).

c. Khi Chính phủ đánh thuế, $Q^*_{\text{mới}} = 21.250$ và $\pi = 3.798.437,5 - 2.895.312,5 = 903.125$ (USD). So với trước khi bị đánh thuế sản lượng giảm 3.750 và lợi nhuận giảm 346.875 (USD). Tổng số thuế mà Chính phủ thu được $T = 15 \times 21.250 = 318.750$ (USD).

Phần 7 - Bài tập thực hành tự giải

Bài số 1:

Một hãng độc quyền có hàm cầu là $P = 135 - 0,5Q_D$ và hàm chi phí cận biên là $MC = 15 + 0,25Q$.

- Để tối đa hóa lợi nhuận, hãng sẽ sản xuất bao nhiêu sản phẩm và bán với mức giá bằng bao nhiêu?
- Tính thặng dư người tiêu dùng và thặng dư nhà sản xuất?
- Nếu đây là thị trường cạnh tranh hoàn hảo thì sẽ có bao nhiêu sản phẩm được sản xuất ra? Tính thặng dư người tiêu dùng và thặng dư nhà sản xuất trong trường hợp này?
- Tính phần mất không của xã hội do độc quyền? (*)

Bài số 2:

Một hãng độc quyền có hàm cầu là $P = 140 - 2Q$ và hàm tổng chi phí là $20Q + 0,5Q^2$.

- Xác định sản lượng, giá bán, doanh thu và lợi nhuận khi hãng theo đuổi mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận?
- Minh họa trên đồ thị mức sản lượng tối ưu, giá bán và lợi nhuận của hãng?
- Tính độ co giãn của cầu theo giá tại mức giá tối đa hóa lợi nhuận và cho nhận xét về kết quả tính được?
- Nếu bây giờ Chính phủ đánh thuế là 10 trên mỗi đơn vị sản phẩm bán ra và hãng vẫn theo đuổi mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận thì sản lượng, giá bán, doanh thu và lợi nhuận của hãng lúc này là bao nhiêu? Tổng số thuế mà Chính phủ thu được là bao nhiêu?

Bài số 3:

Giả sử một hãng độc quyền có biểu cầu như sau:

Giá (USD)	Lượng
30	400
25	500
20	600
15	700

- Tính tổng doanh thu của mỗi tập hợp giá và sản lượng?
- Tính doanh thu cận biên cho mỗi mức giảm của giá?
- Khi giá thay đổi từ 30 USD xuống 25 USD, cầu lúc này là co giãn hay không co giãn? Hãng sẽ mất bao nhiêu doanh thu bởi việc giảm giá của 400 đơn vị hàng hóa mà hãng đã có thể bán ở mức giá 30 USD?

Bài số 4:

Một hãng độc quyền có đường cầu là $Q_D = 45 - 0,05P$. Hãng có hàm chi phí cận biên là $MC = 100 + 10Q$ và có chi phí cố định là 400.

- Nếu hãng theo đuổi mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận, hãy xác định giá bán, sản lượng và lợi nhuận tối đa của hãng?
- Hãng có tối thiểu hóa chi phí bình quân tại mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận không? Hãy giải thích?
- Xác định hệ số Lerner của hãng?
- Nếu hãng muốn tối đa hóa doanh thu thì hãng sẽ bán bao nhiêu sản phẩm và với mức giá như thế nào? Hãng còn thu được lợi nhuận tối đa không? Hãy giải thích?
- Giả sử Chính phủ bắt buộc hãng sản xuất ở mức sản phẩm giống như đối với thị trường CTHH thì mức giá tối đa mà Chính phủ cho phép hãng bán là mức giá nào?
- Tính toán và so sánh phúc lợi xã hội trong hai trường hợp câu (d) và câu (e)? (*)

Bài số 5:

Một hãng độc quyền có hàm cầu là $P = 1800 - 0,006Q$ và hàm chi phí cận biên là $MC = 800 + 0,008Q$. Chi phí cố định của hãng bằng 12.100.000 USD. (Sản lượng tính bằng đơn vị sản phẩm, giá, chi phí tính bằng USD).

a. Tính sản lượng, chi phí cận biên, chi phí bình quân, giá bán và lợi nhuận khi hãng sản xuất ở mức sản lượng có tổng chi phí bình quân nhỏ nhất?

b. Tính sản lượng, chi phí cận biên, chi phí bình quân, giá bán và lợi nhuận khi hãng sản xuất ở mức sản lượng tối đa hóa lợi nhuận?

c. So sánh kết quả của câu (a) và (b) và cho nhận xét?

ĐÁP ÁN CÁC PHẦN 4 VÀ 5 CỦA CHƯƠNG 6

1. Đáp án phần Câu hỏi đúng hay sai

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Đ	S	S	Đ	Đ	Đ	Đ	Đ	S	S	S	S	Đ
14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
S	S	Đ	Đ	S	S	Đ	Đ	S	Đ	S	S	Đ

2. Đáp án phần Lựa chọn một câu trả lời đúng nhất

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
a	a	d	e	a	c	d	d	c	b	a	b	c	a
15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
d	c	d	a	c	b	a	c	b	a	c	c	c	a
29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40		
b	b	a	c	c	d	b	b	c	e	c	a		

Chương 7

THỊ TRƯỜNG CÁC YẾU TỐ SẢN XUẤT

Phần 1 - Mục đích và yêu cầu của chương

Chương này tập trung phân tích cung và cầu về các yếu tố sản xuất, tập trung vào thị trường lao động, thị trường vốn và thị trường đất đai. Nghiên cứu chương này, người học sẽ:

- Hiểu rõ được các đặc điểm cơ bản của thị trường các yếu tố sản xuất.

- Phân tích được thị trường lao động, bao gồm cung và cầu về lao động, trạng thái cân bằng của thị trường lao động, phân tích sự tác động của tiền lương tối thiểu đến thị trường lao động.

- Chứng minh được tại sao đường sản phẩm doanh thu cận biên của lao động là đường cầu lao động.

- Phân loại vốn tài chính và vốn hiện vật; phân tích lãi suất và giá trị hiện tại của vốn.

- Nắm rõ được cung và cầu về vốn, trạng thái cân bằng của thị trường vốn trong ngắn hạn và dài hạn. Chứng minh được tại sao đường sản phẩm doanh thu cận biên của vốn là đường cầu về dịch vụ vốn.

- Hiểu về thị trường đất đai, bao gồm: Cung và cầu về đất đai, sự thay đổi trạng thái cân bằng của thị trường đất đai trong ngắn hạn và dài hạn.

- Ngoài ra, chương này còn giúp người đọc hiểu được ý nghĩa của tô kinh tế.

Phần 2 - Tóm tắt nội dung lý thuyết

7.1. Các đặc trưng cơ bản của thị trường các yếu tố sản xuất

- Thị trường các yếu tố sản xuất bao gồm 3 nhóm yếu tố sản xuất cơ bản: lao động, vốn và đất đai.

- Giá của lao động là tiền công, giá của đất đai là tiền thuê đất đai, giá của vốn là tiền thuê vốn (lãi suất).

- Giá của các yếu tố sản xuất chính là thu nhập của những chủ sở hữu yếu tố sản xuất đó.

- Khác với thị trường hàng hóa, trên thị trường yếu tố sản xuất, các doanh nghiệp đóng vai trò của người mua (cầu) còn các hộ gia đình đóng vai trò của người cung cấp các nguồn lực (cung).

- Cầu đối với bất cứ yếu tố sản xuất nào cũng là cầu thứ phát. Cầu của các yếu tố đầu vào được xác định một cách gián tiếp từ thị trường đầu ra (thị trường hàng hóa hoặc dịch vụ).

- Để tối đa hóa lợi nhuận, các doanh nghiệp cũng so sánh chi phí cận biên của một yếu tố với doanh thu cận biên mà yếu tố đó tạo ra.

7.2. Thị trường lao động

7.2.1. Cầu về lao động

Khái niệm: Cầu về lao động phản ánh số lượng lao động mà doanh nghiệp muốn thuê và có khả năng thuê tại các mức tiền công khác nhau trong một khoảng thời gian nhất định (giả định tất cả các yếu tố khác không đổi).

Cầu đối với lao động là cầu thứ phát, nó phụ thuộc vào cầu đối với hàng hóa hoặc dịch vụ trên thị trường hàng hóa hoặc dịch vụ.

Để có thể hiểu được cầu về lao động hình thành như thế nào, chúng ta phải làm quen với một chỉ tiêu mới là sản phẩm doanh thu cận biên của lao động (MRP_L).

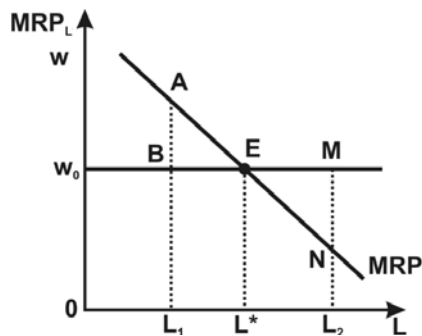
Sản phẩm doanh thu cận biên của lao động (MRP_L) là phần doanh thu tăng thêm do sử dụng thêm một đơn vị đầu vào lao động.

Giá trị của MRP_L đối với hãng độc quyền là $MRP_L = \Delta TR / \Delta L = TR'_{(L)} = MR \cdot MP_L$, trong đó: doanh thu cận biên (MR) là mức doanh thu tăng thêm do bán được thêm một đơn vị sản phẩm. Sản phẩm cận biên của lao động (MP_L) là mức sản phẩm tăng thêm khi thuê thêm một đơn vị đầu vào lao động.

Đối với thị trường cạnh tranh hoàn hảo: $MRP_L = MVP_L = MP_L \cdot P_0$ (trong đó: P_0 là giá thị trường, MVP_L còn được gọi là sản phẩm giá trị cận biên của lao động).

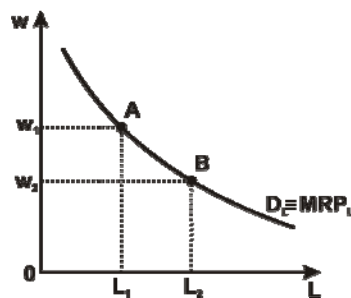
Điều kiện thuê lao động tối ưu của một hãng là Sản phẩm doanh thu cận biên bằng mức tiền công phải trả cho người lao động ($MRP_L = w$).

Hình 7.1 miêu tả lượng lao động tối ưu L^* là mức mà hãng sẽ thuê để tối đa hóa lợi nhuận. Hãng sẽ không thuê lượng lao động thấp hơn L^* (ví dụ như L_1) hoặc cao hơn (ví dụ như L_2) vì ở các mức lao động đó đều không mang lại lợi nhuận tối đa cho hãng.



Hình 7.1: Điều kiện thuê lao động tối ưu

Đường MRP_L chính là đường cầu về lao động. Thật vậy, vì hãng luôn lựa chọn thỏa mãn $MRP_L = w$ và khi w tăng thì L được thuê giảm.



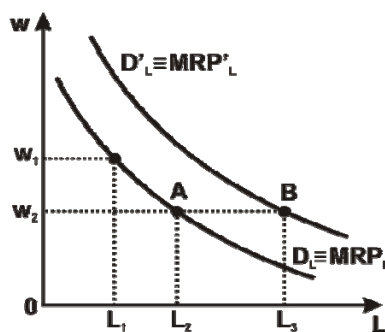
Hình 7.2: Đường sản phẩm doanh thu cận biên của lao động

Hình 7.2 minh họa mối quan hệ giữa giá thuê lao động với lượng cầu về lao động. Ứng với mức tiền công là w_1 , hãng sẽ thuê lượng lao động thỏa mãn điều kiện $w_1 = MRP_L$, tại điểm A. Khi mức tiền công giảm xuống từ w_1 đến w_2 , hãng cũng sẽ thuê lượng lao động L_2 thỏa mãn điều kiện $MRP_L = w_2$, tại điểm B. Cả hai điểm A và B đều nằm trên đường cầu D_L , do đó, đường cầu của lao động D_L trùng với đường sản phẩm doanh thu cận biên của lao động MRP_L .

- Các yếu tố tác động đến số lượng lao động được thuê tối ưu

Tiền công của người lao động: Khi mức tiền công thay đổi thì lượng lao động được thuê sẽ thay đổi ngược chiều với nó, đường cầu lao động không thay đổi vị trí, chỉ xảy ra hiện tượng (di chuyển) trượt dọc các điểm trên đường cầu lao động.

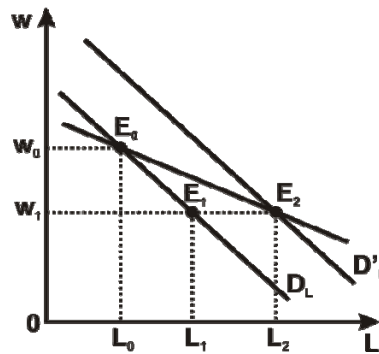
Ảnh hưởng của sự thay đổi về năng suất: Hình 7.3 minh họa trường hợp năng suất tăng lên thì đường MRP_L sẽ dịch chuyển sang phải, số lượng lao động được thuê cũng sẽ tăng lên và ngược lại (từ L_2 đến L_3).



Hình 7.3: Ảnh hưởng của sự thay đổi về năng suất lao động

Cầu của sản phẩm đầu ra tăng lên: Khi cầu về sản phẩm đầu ra tăng lên thì cầu về lao động của hãng cũng tăng lên, đường cầu lao động sẽ dịch chuyển sang phải, lượng lao động được thuê sẽ tăng lên.

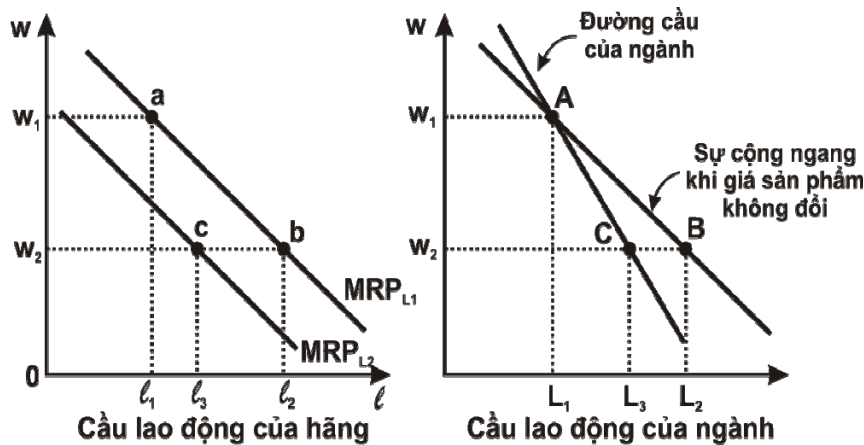
- *Đường cầu lao động của hãng trong dài hạn:* Cầu lao động của hãng trong dài hạn co giãn hơn cầu lao động ngắn hạn vì hãng có thể thay thế vốn cho lao động trong quá trình sản xuất. Hình 7.4 miêu tả đường cầu lao động trong dài hạn của hãng là đường cầu D , được xác định từ các đường cầu trong ngắn hạn D_L và D'_L .



Hình 7.4: Đường cầu lao động của hãng trong dài hạn

- Cầu lao động của ngành:

Khi có nhiều doanh nghiệp hoạt động trong ngành, việc xác định cầu về lao động sẽ khó khăn, không đơn giản chỉ là việc cộng theo chiều ngang đường cầu của tất cả các hãng do khả năng tương tác giữa các hãng trong cùng một ngành. Cầu về lao động trong ngành không phải là tổng cầu lao động của các hãng trong ngành đó khi giá không thay đổi mà là một đường dốc hơn (ít co dãn hơn).



Hình 7.5: Xác định đường cầu lao động của ngành

Giả sử mức tiền công ban đầu là w_1 , số lượng lao động được thuê là L_1 , xác định được điểm A. Nếu mức tiền công trong ngành giảm xuống w_2 , số lượng lao động sẽ là L_2 , nếu chúng ta cộng theo chiều ngang cầu lao động của các hãng. Lý do là khi mức tiền công giảm, tất cả các

hãng trong ngành đều tăng số lượng lao động lên từ L_1 đến L_2 , nên làm cho cung về hàng hóa dịch vụ đầu ra tăng lên. Khi cung tăng các yếu tố khác không thay đổi sẽ dẫn đến giá cân bằng trên thị trường đầu ra giảm xuống. Điều này sẽ làm cho cầu về lao động đối với mỗi hãng không phải là đường MRP_{L1} mà bị dịch chuyển sang trái đến MRP_{L2} . Khi đó với mức tiền công w_2 , lượng cầu về lao động trên thị trường không phải được xác định tại điểm B mà là điểm C. Nối hai điểm A và C ta được đường cầu lao động của ngành.

7.2.2. Cung về lao động

Khái niệm cung lao động: Cung lao động là khả năng cung ứng sức lao động của người lao động, là số lượng người đang tìm kiếm việc làm thuộc lực lượng lao động của xã hội.

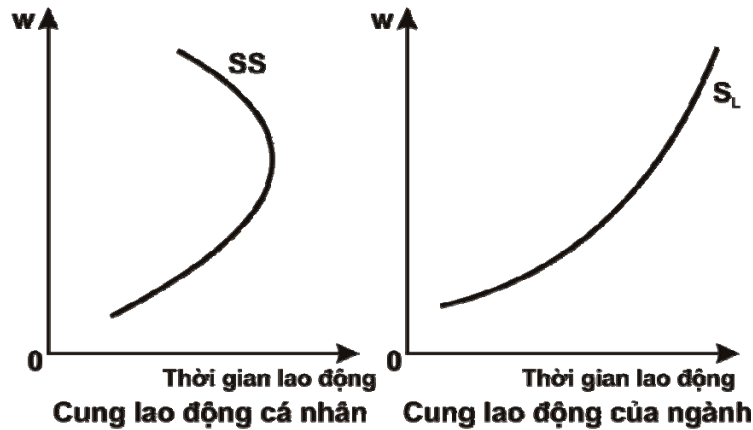
Các yếu tố ảnh hưởng đến cung lao động:

- Sự thỏa mãn nhu cầu của con người;
- Các áp lực về tâm lý xã hội;
- Các áp lực về kinh tế;
- Sự giới hạn về thời gian.

Do sự giới hạn về thời gian lao động (thời gian mỗi ngày của mỗi người chỉ có 24h) cho nên giữa thời gian lao động và thời gian nghỉ ngơi có sự đánh đổi và điều này đã tạo nên hình dạng của đường cung lao động cá nhân.

Khi thu nhập còn thấp, người lao động muốn dành nhiều thời gian kiếm tiền hơn là dành thời gian nghỉ ngơi cho nên khi mức tiền công tăng lên, người lao động sẽ tăng thời gian làm việc (đường cung lao động có độ dốc dương). Còn khi thu nhập của họ đã cao, người lao động muốn dành thời gian cho nghỉ ngơi nhiều hơn là làm việc, cho nên lúc này khi mức tiền công tăng lên người lao động lại có xu hướng giảm số giờ lao động xuống (đường cung lao động có độ dốc âm).

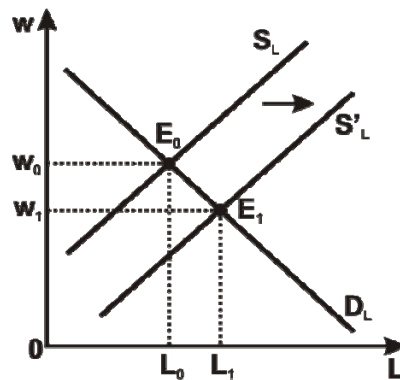
Đường cung lao động cá nhân SS là đường cong vòng ra phía sau. Đường cung lao động của ngành (S_L) vẫn là đường dốc lên về phía phải (xem hình 7.6).



Hình 7.6: Đường cung lao động của cá nhân và của ngành

7.2.3. Trạng thái cân bằng thị trường lao động

Giả sử trên thị trường lao động của 1 ngành có đường cầu lao động của ngành là D_L , đường cung lao động của ngành là S_L , hai đường này cắt nhau tại E_0 , xác định trạng thái cân bằng trên thị trường lao động của ngành này (xem hình 7.7). Tại điểm cân bằng E_0 , xác định mức tiền công cân bằng là w_0 và lượng lao động cân bằng là L_0 .

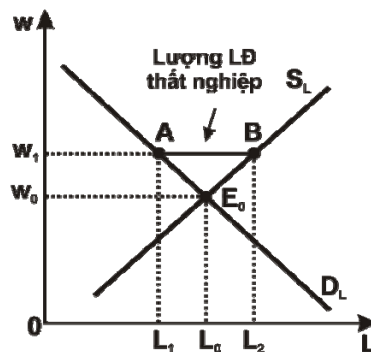


Hình 7.7: Trạng thái cân bằng của thị trường lao động

Hình 7.7 mô tả trường hợp cung lao động của một ngành tăng lên, đường cung dịch chuyển từ S_L đến S'_L , trạng thái cân bằng mới của thị trường lao động bây giờ là E_1 , mức tiền công mới giảm xuống từ w_0 đến w_1 , lượng lao động cân bằng tăng lên từ L_0 đến L_1 .

7.2.4. Tiền công tối thiểu

Tiền công tối thiểu là mức tiền công thấp nhất mà Chính phủ quy định người sử dụng lao động phải trả cho người lao động. Các hãng trả công cho lao động không được thấp hơn mức giá quy định này. Quy định về mức tiền công tối thiểu trên thị trường lao động cũng tương tự như quy định về giá sàn trên thị trường hàng hóa đầu ra. Thông thường thì mức lương tối thiểu cao hơn mức giá cân bằng trên thị trường lao động.



Hình 7.8: Quy định mức tiền công tối thiểu

Hình 7.8 minh họa ban đầu thị trường lao động cân bằng tại E_0 với lượng lao động cân bằng là L_0 còn mức tiền công cân bằng trả cho người lao động là w_0 . Khi Chính phủ quy định tiền công tối thiểu, giả sử w_1 , lượng cầu về lao động là L_1 nhưng lượng cung là L_2 , thị trường dư thừa một lượng lao động bằng $L_2 - L_1$ (là độ dài đoạn AB trên đồ thị), đó chính là những người lao động bị thất nghiệp.

7.3. Thị trường vốn

7.3.1. Vốn tài chính và vốn hiện vật

Vốn tài chính: Tài sản tài chính là những tài sản có giá trị không dựa vào nội dung vật chất của nó (giống như bất động sản gồm nhà cửa, đất đai) mà dựa vào các quan hệ trên thị trường. Nó bao gồm các công cụ tài chính như cổ phiếu, trái phiếu, tiền gửi ngân hàng, tiền tệ và các giấy tờ có giá khác. Người chấp nhận thanh toán các tài sản tài chính trong tương lai gọi là người phát hành (thường là chính phủ, các tổ chức và công ty). Người sở hữu các tài sản tài chính gọi là nhà đầu tư. Giá trị của tài sản tài chính gọi là vốn tài chính.

Vốn hiện vật: Là các hàng hóa đã được sản xuất và được sử dụng để sản xuất ra các hàng hóa và dịch vụ khác có lợi hơn. Vốn hiện vật trong nền kinh tế bao gồm các công cụ máy móc trong các dây chuyền sản xuất, các hệ thống đường sá, phương tiện dùng làm dịch vụ vận tải thông tin liên lạc. Vốn hiện vật khác với vốn tài chính, vốn hiện vật là tài sản hữu hình của doanh nghiệp. Vốn hiện vật có thể mua, bán và cho thuê nên phải có giá.

Giá của tài sản là tổng số tiền có thể mua hẳn số tài sản đó. Giá của tài sản thường biểu thị bởi lãi suất. Tuy nhiên, đối với tài sản chúng ta có thể phân thành vốn tài chính và vốn hiện vật. Giá của vốn tài chính là lãi suất, còn giá vốn hiện vật là tiền thuê vốn. Khi mua hẳn tài sản, người mua sẽ được quyền sở hữu và quyền sử dụng các dịch vụ do các hàng hóa đó tạo ra trong tương lai.

7.3.2. Xác định giá trị hiện tại của vốn

Gọi i là lãi suất, PV là giá trị hiện tại của vốn, FV là giá trị tương lai của vốn, n là số giai đoạn.

Ta có:

$$FV = PV(1+i)^n \Rightarrow PV = \frac{FV}{(1+i)^n}$$

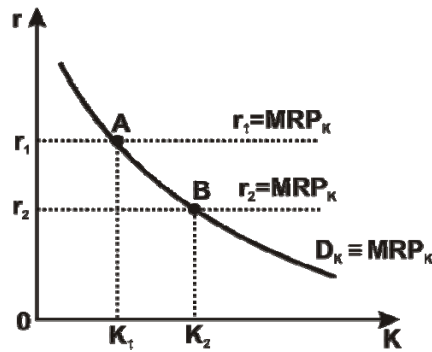
Công thức $PV = \frac{FV}{(1+i)^n}$ chính là công thức tính giá trị hiện tại của vốn.

7.3.3. Cầu về dịch vụ vốn của doanh nghiệp

Cầu về vốn là lượng vốn mà hãng muốn thuê và có khả năng thuê tại các mức tiền công khác nhau trong một khoảng thời gian nhất định.

Cầu đối với lao động là cầu thứ phát, nó phụ thuộc vào cầu đối với hàng hóa và dịch vụ trên thị trường hàng hóa.

Đường cầu về vốn chính là đường sản phẩm doanh thu cận biên của vốn.



Hình 7.9: Đường cầu của vốn

Điều kiện thuê lượng vốn tối ưu để tối đa hóa lợi nhuận của các hãng là $MRP_K = r$, trong đó MRP_K là sản phẩm doanh thu cận biên của vốn và r là tiền thuê vốn.

Hình 7.9 minh họa trường hợp lãi suất thuê vốn có sự thay đổi và việc lựa chọn lượng vốn tối ưu cần thuê của hãng. Giả sử lãi suất thuê vốn giảm từ r_1 đến r_2 , khi đó hãng sẽ dựa trên nguyên tắc thuê vốn tối ưu $r = MRP_K$, hãng sẽ lựa chọn lượng vốn tối ưu thỏa mãn điều kiện $r_2 = MRP_K$, tức là hãng thuê lượng vốn K_2 để sản xuất. Đường MRP_K chính là đường cầu về vốn.

Các yếu tố làm thay đổi cầu về vốn (MRP_K):

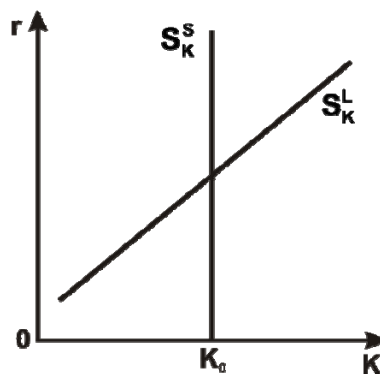
- Sản phẩm của hãng được tăng giá, điều này làm cho MRP_K có giá trị cao hơn.
- Sự gia tăng mức độ sử dụng của các yếu tố kết hợp với vốn, như lao động để sản xuất ra sản phẩm.
- Tiến bộ kỹ thuật làm tăng năng suất của vốn hiện vật đối với các yếu tố kết hợp khác, các đầu vào của hãng.

7.3.4. Cung về dịch vụ vốn

Trong ngắn hạn: Mức cung các dịch vụ vốn trong ngắn hạn là cố định, bởi các tài sản, vật chất của sản xuất, nhà máy, xí nghiệp không thể ngày một ngày hai có thể xây dựng. Đối với toàn bộ nền kinh tế cung ứng các dịch vụ vốn trong ngắn hạn là không đổi, đường cung là đường thẳng đứng. Hình 7.10 miêu tả đường cung về vốn là đường thẳng đứng,

song song với trục tung, cắt trục hoành tại một điểm biểu thị lượng vốn không đổi K_0 .

Trong dài hạn: Tổng lượng vốn trong nền kinh tế thay đổi, các máy móc mới được xây dựng, quy mô cung ứng dịch vụ vốn tăng. Điều này đòi hỏi phải có đầu tư mới về cung ứng của thị trường vốn. Để có đầu tư mới, các nhà đầu tư phải đạt giá cho thuê cần có: mức tối thiểu của giá cho thuê cần có phải bằng với chi phí hàng năm của vốn. Trong dài hạn giá cho thuê càng cao, lượng đầu tư và cung ứng vốn càng lớn. Đường cung là đường dốc lên phản ánh mức cung của vốn tăng cùng chiều với giá cho thuê.

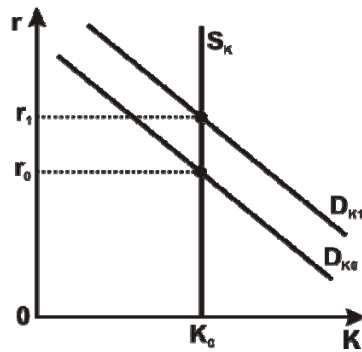


Hình 7.10: Đường cung ngắn hạn và dài hạn về dịch vụ vốn

Hình 7.10 minh họa đường cung về vốn trong ngắn hạn là đường thẳng đứng song song với trục tung (đường S_K^S), còn đường cung về vốn trong dài hạn của thị trường là đường S_K^L có xu hướng dốc lên về phía phải.

7.3.5. Cân bằng trên thị trường vốn

Trong ngắn hạn, do cung về vốn không đổi nên giá của vốn sẽ phụ thuộc hoàn toàn vào cầu của vốn. Mỗi một sự thay đổi của cầu về vốn sẽ làm cho giá của vốn thay đổi cùng chiều. Tức là giả sử cầu về vốn tăng, tiền thuê vốn sẽ có xu hướng tăng lên.



Hình 7.11: Cân bằng thị trường vốn

Hình 7.11 mô tả cân bằng thị trường vốn ngắn hạn của một ngành với mức thuê vốn là r_0 và lượng vốn được thuê là K_0 . Khi cầu về vốn tăng lên từ D_{K_0} đến D_{K_1} sẽ làm cho tiền thuê vốn tăng lên từ r_0 đến r_1 .

7.4. Thị trường đất đai

7.4.1. Đặc điểm của thị trường đất đai

Đất đai là yếu tố rất cần thiết đối với bất kỳ một hãng kinh doanh nào. Trước kia đất đai chủ yếu được sử dụng trong nông nghiệp, hiện nay nó được sử dụng vào các công việc khác như xây nhà ở, văn phòng, xây nhà máy,... Đặc điểm quan trọng của đất đai vẫn không thay đổi là “Không thể tăng lên khi giá tăng lên và không thể co lại khi giá giảm đi”.

Trên thị trường đất đai yếu tố cung đất đai là cố định kể cả trong ngắn hạn và dài hạn. Giá thuê đất đai sẽ phụ thuộc chủ yếu vào cầu đất đai. Giá sử dụng một diện tích đất đai trong một thời gian được gọi là địa tô hay tô nói một cách chính xác là tô kinh tế thuần túy.

7.4.2. Cung và cầu trên thị trường đất đai

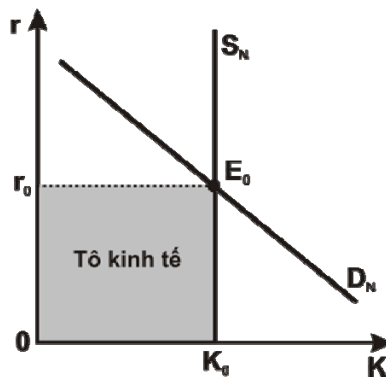
➤ Cung trên thị trường đất đai

Đất đai là yếu tố sản xuất đặc biệt có sẵn từ thiên nhiên, không ai có thể sản xuất ra nó. Trong phạm vi một quốc gia, một lãnh thổ hay vùng thì nguồn cung đất đai là cố định. Tuy nhiên, thực tế có thời kỳ không phải hoàn toàn là cố định do khai hoang, lấn biển, do sa mạc hóa,... nhưng đặc điểm của thị trường đất đai chúng ta vẫn coi cung đất đai là cố

định cả trong dài hạn và ngắn hạn. Đường cung đất đai là đường có dạng đường thẳng đứng. Trên hình 7.12 cho chúng ta thấy đường S_N là đường cung của thị trường đất đai.

➤ *Cầu về đất đai*

Nhu cầu về đất đai cũng giống như nhu cầu về thuê vốn và thuê lao động. Cầu thuê đất đai được xác định từ việc đất đai đó được thuê như thế nào, với mục đích sử dụng gì. Lượng đất đai cần thuê cũng được xác định trên nguyên tắc sản phẩm doanh thu cận biên của đất đai bằng với tiền thuê đất đai. Trên hình 7.12 cho chúng ta thấy đường D_N là đường cầu của thị trường đất đai, dốc xuống về phía phải, có độ dốc âm.



Hình 7.12: Cân bằng thị trường đất đai

Việc xác định trạng thái cân bằng trên thị trường đất đai cũng giống như đối với thị trường hàng hóa, thị trường vốn, thị trường lao động. Điểm cân bằng là giao điểm của đường cầu đất đai và đường cung đất đai. Hình 7.12 cho thấy, trục tung miêu tả giá thuê đất đai (ký hiệu là r), trục hoành miêu tả lượng đất đai (ký hiệu là N). Thị trường đất đai cân bằng tại E_0 .

7.4.3. Giá cả và tiền thuê đất đai

- *Tiền thuê đất đai*: Tiền thuê đất đai chính là địa tô hay là tô kinh tế. Nói cách khác là khoản tiền mà doanh nghiệp phải trả để được sử dụng đất mà không được sở hữu nó. Giá trị của đất hoàn toàn phụ thuộc vào giá trị của sản phẩm do đất tạo ra và không có trường hợp ngược lại. Tô kinh tế được xác định bằng giá thuê đất nhân với lượng đất được thuê. Tô

kinh tế phụ thuộc hoàn toàn vào cầu đất đai. Khi cầu đất đai càng tăng thì tô kinh tế càng tăng.

- *Giá cả của đất*: Giá trị của đất đai được biểu hiện dưới hình thái tiền tệ được gọi là giá cả của đất hay giá đất. Việc xác định giá cả của đất không phải là vấn đề đơn giản vì đất đai không có giá thành sản xuất. Giá trị của đất đai một phần do tự nhiên sinh ra, một phần do con người khai thác, sử dụng mang lại.

Phần 3 - Câu hỏi ôn tập

1. Phân tích các đặc trưng của thị trường các yếu tố sản xuất?
2. Phân tích khái niệm cầu lao động và các đặc trưng của cầu lao động?
3. Sản phẩm doanh thu cận biên là gì? Tại sao đường sản phẩm doanh thu cận biên của lao động lại chính là đường cầu lao động của doanh nghiệp?
4. Chứng minh rằng sản phẩm doanh thu cận biên của lao động có xu hướng giảm dần khi lượng lao động được thuê tăng lên?
5. Tại sao khi hãng thuê lao động thỏa mãn điều kiện $MRP_L = w$ thì hãng sẽ thuê được lượng lao động tối ưu để tối đa hóa lợi nhuận?
6. Tại sao đường cầu lao động của ngành lại có xu hướng dốc hơn đường cầu lao động của doanh nghiệp?
7. Phân tích các yếu tố tác động đến cầu lao động của doanh nghiệp?
8. Phân tích khái niệm cung lao động và nêu các yếu tố tác động đến cung lao động của doanh nghiệp?
9. Phân biệt đường cung lao động của cá nhân với đường cung lao động của ngành?
10. Phân tích một số tác động chủ yếu làm thay đổi trạng thái cân bằng trên thị trường lao động của một ngành?
11. Phân biệt vốn tài chính và vốn hiện vật. Phân tích giá trị hiện tại và giá trị tương lai của vốn?
12. Phân tích các đặc trưng cơ bản của cung - cầu về thị trường vốn?
13. Phân tích sự thay đổi trạng thái cân bằng trên thị trường vốn?
14. Phân tích các đặc trưng cơ bản của cung - cầu về thị trường đất đai?
15. Phân tích sự thay đổi trạng thái cân bằng trên thị trường đất đai?

Phần 4 - Câu hỏi đúng/sai

1. Đường cầu về lao động của hãng trong dài hạn thoải hơn so với trong ngắn hạn.
2. Đường sản phẩm doanh thu cận biên của lao động chính là đường cầu về lao động của hãng.
3. Đường cung lao động cá nhân luôn là đường có độ dốc dương.
4. Đường cung lao động cá nhân dốc hơn đường cung lao động của ngành.
5. Đường cung lao động của ngành lao động phổ thông kém co dãn hơn so với đường cung lao động của ngành có yêu cầu trình độ, năng lực đặc biệt.
6. Đường cung về vốn trong ngắn hạn của hãng là đường dốc lên về phía phải.
7. Đường sản phẩm cận biên của vốn chính là đường cầu về vốn.
8. Đường cung đất đai cố định cả trong ngắn hạn và dài hạn.
9. Sự gia tăng cầu các khoản vay sẽ có xu hướng làm tăng lãi suất.
10. Lượng cầu về đất đai có mối quan hệ ngược chiều với giá thuê đất đai.
11. Sự giảm xuống của mức tiền công cân bằng sẽ làm cho đường cầu về lao động của hãng dịch chuyển sang phải (giả định tất cả các yếu tố khác không đổi).
12. Sản phẩm doanh thu cận biên của lao động đối với một hãng cạnh tranh hoàn hảo bằng sản phẩm cận biên của lao động nhân với mức tiền công.
13. Sự thay đổi công nghệ không có tác động gì đến cầu về các yếu tố sản xuất.
14. Giá thuê đất phụ thuộc hoàn toàn vào cầu về đất.
15. Khi thị trường đầu ra là cạnh tranh hoàn hảo, sản phẩm doanh thu cận biên của một yếu tố đầu vào bằng giá bán sản phẩm nhân với sản phẩm cận biên của yếu tố đầu vào đó.

16. Không thể nghiên cứu thị trường lao động và thị trường vốn một cách đồng thời vì đây là hai khái niệm hoàn toàn khác nhau.

17. Một hãng sẽ lựa chọn lượng đầu vào tối ưu để tối đa hóa lợi nhuận tại giao điểm giữa đường MRP của đầu vào đó với đường cầu về đầu vào đó.

18. Nếu cầu về sản phẩm đầu ra tăng lên thì cầu về các yếu tố sản xuất dùng để sản xuất ra sản phẩm đó cũng tăng lên (giả định tất cả các yếu tố khác không thay đổi).

19. Khi đường cung lao động cá nhân có độ dốc dương, hiệu ứng thu nhập mạnh hơn so với hiệu ứng thay thế.

20. Sự tăng lên của tiền công tối thiểu sẽ có lợi cho tất cả những người lao động.

21. Đường cầu về lao động của ngành là sự cộng theo chiều ngang đường cầu của các hãng trong ngành.(*)

22. Chính phủ của một nước tăng tiền công tối thiểu từ 7,5 USD/giờ lên 8,5 USD/giờ. Điều này đã khiến cho một số hãng sản xuất thép cắt giảm công nhân và thậm chí chuyển nhà máy của mình sang nước khác. Như vậy, việc gia tăng mức tiền công tối thiểu đã làm cho đường cung về thép của nước này dịch chuyển sang phải.

23. Số lượng sử dụng một yếu tố đầu vào trong sản xuất có thể ảnh hưởng đến sản phẩm cận biên của yếu tố đầu vào khác.

24. Hình dạng của đường cung lao động cá nhân phụ thuộc vào quyết định của người lao động trong việc đánh đổi giữa thời gian lao động vào thời gian nghỉ ngơi.

25. Giá trị hiện tại của số tiền 225 triệu sau 5 năm với mức lãi suất 10%/năm là 150 triệu.

26. Khi năng suất lao động tăng lên, để tối đa hóa lợi nhuận, hãng sẽ giảm số lượng lao động được thuê xuống (giả định tất cả các yếu tố khác không đổi).

Phần 5 - Lựa chọn một câu trả lời đúng nhất

1. Sản phẩm doanh thu cận biên của lao động là:
 - a. Tổng doanh thu của hãng khi thuê toàn bộ số lao động.
 - b. Sự thay đổi của tổng doanh thu khi bán thêm một đơn vị sản phẩm.
 - c. Sự thay đổi của tổng doanh thu khi thuê thêm một đơn vị đầu vào là lao động.
 - d. Tổng doanh thu chia cho tổng số lao động.
2. Việc đặt mức lương tối thiểu sẽ không tác động đến thị trường khi:
 - a. Mức lương tối thiểu lớn hơn mức lương cân bằng.
 - b. Mức lương tối thiểu nhỏ hơn mức lương cân bằng.
 - c. Cung về lao động kém co giãn.
 - d. Cầu về lao động kém co giãn.
3. Một hãng thuê lao động trên thị trường lao động CTHH. Hãng sẽ thuê thêm lao động nếu:
 - a. Sản phẩm doanh thu cận biên của lao động nhỏ hơn mức tiền công.
 - b. Doanh thu cận biên bằng mức tiền công.
 - c. Sản phẩm doanh thu cận biên của lao động lớn hơn mức tiền công.
 - d. Hãng đang thu được lợi nhuận kinh tế dương.
4. Giả sử cầu về đồ nội thất gỗ tăng (giả định các yếu tố khác không đổi), trên thị trường thợ mộc:
 - a. Cung về thợ mộc tăng và mức tiền công giảm xuống.
 - b. Cầu về thợ mộc tăng và mức tiền công tăng lên.
 - c. Cung về thợ mộc giảm và mức tiền công tăng lên.
 - d. Cầu về thợ mộc tăng và mức tiền công giảm xuống.

5. Năng suất của những người công nhân may tăng lên sẽ làm:
- Cầu về công nhân may tăng.
 - Cung về công nhân may tăng.
 - Cầu về công nhân may giảm.
 - Cung về công nhân may giảm.
6. Giả sử mức tiền công cân bằng trên một thị trường lao động là 5\$/giờ. Nếu Chính phủ quyết định mức lương tối thiểu là 6\$/giờ thì trên thị trường lao động này:
- Sẽ xảy ra tình trạng thiếu hụt lao động.
 - Sẽ xảy ra tình trạng dư thừa lao động.
 - Lượng cầu về lao động sẽ tăng.
 - Quyết định của Chính phủ không có tác động gì đến thị trường lao động.
7. Nếu một hãng thuê thêm một đơn vị lao động thì sẽ làm tổng doanh thu của hãng tăng lên 40\$. Câu phát biểu nào sau đây là đúng?
- Nếu mức tiền công là 50\$/người, hãng nên thuê thêm lao động này.
 - Nếu mức tiền công là 60\$/người, hãng không nên thuê thêm lao động này.
 - Nếu mức tiền công là 40\$/người, hãng không nên thuê thêm lao động này.
 - Cả câu (b) và (c) đều đúng.
8. Một hãng sẽ thuê thêm đầu vào cho đến khi:
- Doanh thu tăng thêm do sử dụng đầu vào đó bằng với chi phí bỏ ra để thuê thêm đầu vào đó.
 - Đầu vào đó còn làm tăng doanh thu cho hãng.
 - Sản phẩm cận biên của đầu vào đó còn dương.
 - Cả (b) và (c).

9. Cầu về những người thợ làm bánh sẽ tăng khi:

- a. Mức lương của những người thợ làm bánh tăng.
- b. Mức lương của những người thợ làm bánh giảm.
- c. Cầu về bánh tăng.
- d. Cả (b) và (c).

10. Nếu một hãng thuê thêm 1 đơn vị lao động và lao động này làm ra được 20 sản phẩm/ngày. Sản phẩm được bán trên thị trường CTHH với mức giá là 5\$. Sản phẩm doanh thu cận biên của đơn vị lao động này trong một ngày là:

- a. 5\$.
- b. 100\$.
- c. 4\$.
- d. 20 sản phẩm.

11. Khi mức tiền công tăng lên khuyến khích người lao động làm việc nhiều hơn bởi vì chi phí cơ hội của nghỉ ngơi tăng lên. Điều này được biết đến như là:

- a. Hiệu ứng thay thế.
- b. Hiệu ứng thu nhập.
- c. Hiệu ứng nghỉ ngơi.
- d. Hiệu ứng vòng ngược về phía sau.

12. Mức tiền công tối thiểu là một ví dụ của:

- a. Mức tiền công trợ cấp.
- b. Mức tiền công thỏa thuận.
- c. Việc đặt giá trần.
- d. Việc đặt giá sàn.

13. Một hãng cạnh tranh hoàn hảo đang hoạt động trong ngắn hạn. Hãng bán sản phẩm với giá $P = 20\$/\text{sản phẩm}$ và có thể thuê lao động với mức tiền công $10\$/\text{giờ}$. Hãng này sẽ thuê lao động tới khi sản phẩm cận biên của đơn vị lao động cuối cùng bằng:

- a. 200
- b. 2
- c. $1/2$
- d. 5
- e. Không có câu nào trong số nêu trên.

14. Một cách tổng quát, cung đất đai là:

- a. Không co dãn.
- b. Co dãn đơn vị.
- c. Hoàn toàn co dãn.
- d. Co dãn nhưng không phải co dãn hoàn toàn.

15. Để tối đa hóa lợi nhuận, hãng sẽ thuê số lao động tối ưu thỏa mãn điều kiện:

- a. Sản phẩm cận biên của lao động bằng sản phẩm doanh thu cận biên của lao động.
- b. Sản phẩm doanh thu cận biên của lao động bằng sản phẩm trung bình của lao động.
- c. Sản phẩm doanh thu cận biên của lao động bằng với mức tiền công.
- d. Sản phẩm cận biên của lao động bằng với mức tiền công.

16. Trên thị trường lao động tự do cạnh tranh, điều gì xác định mức tiền công cân bằng?

- a. Chính phủ.
- b. Các tổ chức công đoàn.
- c. Cả cung và cầu về lao động.

d. Khả năng đảm bảo cuộc sống của người lao động với mức tiền công đó.

17. Cầu về các yếu tố sản xuất phụ thuộc vào cầu về hàng hóa, dịch vụ đầu ra, do vậy cầu về các yếu tố sản xuất được gọi là:

- a. Cầu thay thế.
- b. Cầu phái sinh.
- c. Cầu bổ sung.
- d. Cầu cận biên.

18. Sản phẩm doanh thu cận biên của một yếu tố đầu vào bằng

- a. $MP \cdot MC$
- b. $MC \cdot P$
- c. $MP \cdot P$
- d. $MP \cdot MR$

19. Sản phẩm doanh thu cận biên là:

- a. Doanh thu tăng thêm do bán thêm một đơn vị sản phẩm.
- b. Nguồn lực tăng thêm khi sản xuất thêm một đơn vị sản lượng.
- c. Sản lượng tăng thêm khi sử dụng thêm một yếu tố đầu vào.
- d. Doanh thu tăng thêm khi sử dụng thêm một yếu tố đầu vào.

20. Đường cầu về yếu tố sản xuất chính là đường:

- a. MRP
- b. MC
- c. MR
- d. ATC

21. Điều nào sau đây *không* làm cầu về yếu tố đầu vào thay đổi:

- a. Sự thay đổi trong cung của yếu tố đầu vào đó.
- b. Sự thay đổi trong năng suất của đầu vào đó.

- c. Sự thay đổi trong giá của các yếu tố đầu vào khác.
- d. Sự thay đổi trong cầu về hàng hóa/dịch vụ đầu ra sử dụng yếu tố đầu vào đó.

22. Thị trường các yếu tố đầu vào khác với thị trường hàng hóa/dịch vụ đầu ra ở chỗ:

- a. Trong thị trường các yếu tố đầu vào, các hãng không tối đa hóa lợi nhuận.
- b. Trong thị trường các yếu tố đầu vào, các hộ gia đình không tối đa hóa lợi ích.
- c. Trong thị trường các yếu tố đầu vào, các hãng đóng vai trò là người cầu còn các hộ gia đình lại đóng vai trò là người cung.
- d. Thị trường các yếu tố đầu vào không hoạt động theo quy luật cung cầu.

23. Giả sử rằng cung về luật sư tăng lên. Câu phát biểu nào sau đây là đúng?

- a. Tiền công của các luật sư chắc chắn sẽ giảm xuống.
- b. Tiền công của các luật sư chắc chắn sẽ tăng lên.
- c. Tiền công của các luật sư sẽ giảm xuống nếu cầu về luật sư tăng lên.
- d. Tiền công của các luật sư sẽ giảm xuống nếu cầu về luật sư tăng nhanh hơn cung.
- e. Tiền công của các luật sư sẽ giảm xuống nếu cầu về luật sư tăng chậm hơn cung.

24. Câu phát biểu nào sau đây minh họa đúng nhất khái niệm cầu thứ phát?

- a. Khi thu nhập tăng lên, cầu về ti vi cũng tăng lên.
- b. Sự giảm giá trong đầu đĩa CD sẽ dẫn đến tăng cầu về đĩa CD.
- c. Cầu về lốp ô tô giảm làm cho cầu về cao su giảm.
- d. Khi người tiêu dùng kỳ vọng rằng giá cà phê sẽ tăng lên, cầu cà phê trong hiện tại sẽ tăng.

25. Năng suất lao động tăng lên (các yếu tố khác không đổi) sẽ dẫn đến:

- a. Cầu về lao động tăng lên.
- b. Cung về lao động tăng lên.
- c. Tiền công phải trả cho người lao động giảm xuống.
- d. Các hãng sẽ thuê ít lao động hơn để tối đa hóa lợi nhuận.

26. Để tối đa hóa lợi nhuận, các hãng sẽ thuê lao động đến điểm mà tại đó:

- a. Mức tiền công bằng chi phí cận biên.
- b. Mức tiền công bằng sản phẩm cận biên của lao động.
- c. Mức tiền công bằng doanh thu cận biên.
- d. Mức tiền công bằng sản phẩm doanh thu cận biên của lao động.

27. Khi mức tiền công nhỏ hơn sản phẩm doanh thu cận biên của lao động, để tối đa hóa lợi nhuận, hãng sẽ:

- a. Thuê thêm lao động.
- b. Giảm số lượng lao động được thuê xuống.
- c. Giữ nguyên số lượng lao động được thuê.
- d. Giảm cầu về lao động.

28. Khi đường cung lao động có độ dốc dương:

- a. Không có hiệu ứng thay thế.
- b. Không có hiệu ứng thu nhập.
- c. Hiệu ứng thay thế mạnh hơn hiệu ứng thu nhập.
- d. Hiệu ứng thu nhập mạnh hơn hiệu ứng thay thế.

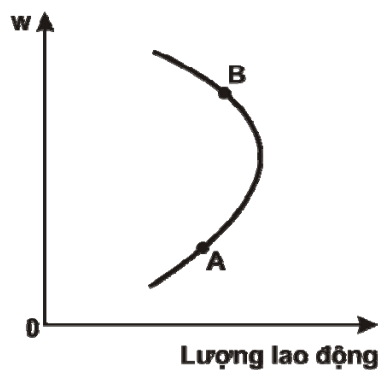
29. Cho biết, giá bán sản phẩm là 100\$, sản phẩm cận biên của lao động bằng 10, doanh thu cận biên bằng 5\$. Sản phẩm doanh thu cận biên của lao động bằng:

- a. 1000
- b. 50
- c. 500
- d. 100

30. Một hãng cạnh tranh hoàn hảo đang thuê số lượng lao động tối ưu để tối đa hóa lợi nhuận tại mức tiền công 16\$/giờ. Nếu sản phẩm cận biên của đơn vị lao động được thuê cuối cùng là 4, mức giá bán một đơn vị sản phẩm của hãng là:

- a. 4\$
- b. 8\$
- c. 64\$
- d. Không đủ thông tin để trả lời câu hỏi này.

31. Theo hình 7.13, câu phát biểu nào sau đây là đúng?



Hình 7.13

- a. Tại điểm A, hiệu ứng thu nhập mạnh hơn hiệu ứng thay thế.
- b. Tại điểm B, hiệu ứng thu nhập mạnh hơn hiệu ứng thay thế.
- c. Đồ thị này phản ánh đường cung về lao động của thị trường.
- d. Đường cung lao động cá nhân được phản ánh trên đồ thị này không xảy ra trong thực tế.

32. Giả sử một hãng cạnh tranh hoàn hảo đang thuê 10 lao động và trả mỗi lao động 15\$/giờ. Biết rằng sản phẩm cận biên của đơn vị lao động thứ 10 bằng 5 và giá bán một đơn vị sản phẩm của hãng bằng 4\$. Để tối đa hóa lợi nhuận:

- a. Hãng nên thuê thêm lao động.
- b. Hãng nên giảm bớt số lượng lao động được thuê.
- c. Hãng vẫn nên thuê 10 đơn vị lao động.
- d. Không đủ thông tin để đưa ra kết luận.

33. Đường cung về lao động dịch chuyển khi:

- a. Các hãng cần thuê nhiều lao động hơn.
- b. Tiến bộ công nghệ được áp dụng vào trong quá trình sản xuất.
- c. Người lao động làm việc với năng suất cao hơn.
- d. Người lao động muốn thay đổi số giờ lao động cung ứng tại mọi mức tiền công.

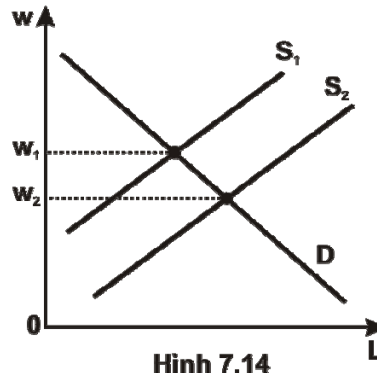
34. Chi phí cơ hội của một giờ nghỉ ngơi là:

- a. 60 phút.
- b. Lợi ích của một giờ ngủ đã bị mất đi.
- c. Lợi ích của một giờ xem tivi đã bị mất đi.
- d. Mức tiền công trong một giờ của người lao động.

35. Đường cầu về lao động dịch chuyển sang phải có thể là do:

- a. Công nghệ được cải tiến làm tăng năng suất lao động.
- b. Giá của hàng hóa dịch vụ đầu ra tăng lên.
- c. Cả (a) và (b).
- d. Không có ý nào đúng.

36. Trên hình 7.14, nếu đường cung lao động là S_2 và mức tiền công hiện tại trên thị trường là w_1 , khi đó:



- Trên thị trường lao động này sẽ xảy ra hiện tượng dư thừa lao động.
- Lượng cầu về lao động vượt quá lượng cung về lao động.
- Nếu thị trường không bị can thiệp, mức tiền công trên thị trường sẽ có xu hướng giảm xuống.
- Cả (a) và (c).
- Cả (b) và (c).

37. Quá trình sản xuất của một hãng CTHH trong ngắn hạn chịu tác động của quy luật sản phẩm cận biên giảm dần, khi đó hãng CTHH sẽ đối mặt với:

- Đường cung về lao động kém co dãn.
- Đường cung về lao động hoàn toàn co dãn.
- Đường cầu về lao động hướng xuống dưới về phía phải.
- Đường cầu về lao động đi lên về phía phải.

Phần 6 - Bài tập thực hành có lời giải

Bài số 1:

Giả sử một hãng có hàm sản xuất như sau: $Q = 40L - 2L^2$. Trong đó L là đầu vào lao động trong một ngày và Q là sản lượng làm ra trong một ngày.

a. Hãy xây dựng hàm cầu lao động và vẽ đồ thị đường cầu lao động của hãng nếu sản phẩm của hãng được bán trên thị trường cạnh tranh hoàn hảo với giá là $P = 10$ (nghìn đồng/sản phẩm)?

b. Hãng sẽ thuê bao nhiêu nhân công một ngày nếu mức tiền công cho một lao động là $w = 40$ nghìn đồng/ngày; $w = 80$ nghìn đồng/ngày?

Trả lời:

a. Hàm cầu về lao động chính là hàm MRP_L .

Ta có $MRP_L = MR \times MP_L$. Hãng là hãng CTHH trên thị trường đầu ra nên $MR = P = 10$

$$MP_L = Q'_{(L)} = 40 - 4L$$

$$\text{Vậy } MRP_L = 10(40 - 4L) = 400 - 40L$$

Hàm cầu về lao động có dạng $w = 400 - 40L$

b. Hãng thuê bao nhiêu nhân công?

Điều kiện thuê lao động tối ưu $MRP_L = w$

Khi $w = 40$ nghìn đồng/ngày, ta có $w = 400 - 40L = 40 \rightarrow L = 9$.

Khi $w = 80$ nghìn đồng/ngày, ta có: $w = 400 - 40L = 80 \rightarrow L = 8$

Bài số 2:

Giả sử có hàm cung và hàm cầu về lao động phổ thông như sau: $L = -50 + 30w$ và $L = 500 - 25w$.

a. Hãy xác định mức lao động và mức tiền công khi thị trường lao động cân bằng?

b. Xác định lượng thất nghiệp khi mức tiền công tối thiểu được đặt ra là 4 nghìn đồng/giờ, 14 nghìn đồng/giờ?

c. Điều gì sẽ xảy ra đối với tổng thu nhập của các lao động phổ thông trên thị trường khi mức tiền công tối thiểu là 14 nghìn đồng/giờ (So sánh với trạng thái cân bằng của thị trường)?

Trả lời:

a. Thị trường lao động cân bằng khi lượng cung về lao động bằng lượng cầu về lao động.

Đáp số: $w_0 = 10$, $L_0 = 250$

b. Khi tiền công tối thiểu là 4 nghìn đồng/giờ, thị trường không có lao động thất nghiệp. Khi tiền công tối thiểu là 14 nghìn đồng/giờ, số lao động thất nghiệp là 220.

c. Khi không quy định tiền công tối thiểu, tổng thu nhập là 2500 (nghìn đồng). Khi quy định tiền công tối thiểu, tổng thu nhập là 2100 (nghìn đồng). Tổng thu nhập giảm 400 (nghìn đồng).

Bài số 3:

Trong một thị trường cạnh tranh hoàn hảo, số liệu về lượng sản phẩm A của hãng được làm ra trong một ngày tương ứng với lượng lao động như sau:

Số lượng lao động	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Số lượng sản phẩm A	5	10	14	17	19	20	20	18	15

a. Hãy xác định số lao động được thuê với mức lương 40.000 đồng/ngày nếu sản phẩm A bán được 20.000 đồng/sản phẩm?

b. Giả sử mức tiền công không đổi, giá bán sản phẩm A tăng lên là 40.000 đồng/sản phẩm. Lượng lao động được thuê sẽ tăng lên hay giảm đi, mức cụ thể là bao nhiêu?

c. Lượng lao động được thuê sẽ tăng hay giảm nếu năng suất lao động của mỗi lao động tăng lên? Minh họa bằng đồ thị?

Trả lời:

a. Xác định số lao động được thuê tối ưu khi $w = 40.000$ đồng/ngày, và $P = 20.000$ đồng/sản phẩm.

Từ số liệu đầu bài, ta có bảng số liệu sau:

L	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Q	5	10	14	17	19	20	20	18	15
MP_L	5	5	4	3	2	1	0	-2	-3

Điều kiện thuê lao động tối ưu là $MRP_L = w$.

Theo công thức ta có $MRP_L = MR \times MP_L$. Đây là hãng CTHH nên $MR = P$.

Từ đây suy ra: $MRP_L = P \times MP_L = w \rightarrow$ Ta có $MP_L = w/P = 2$.

Từ bảng tính toán ta nhận thấy đơn vị lao động thứ 5 có $MP_L = 2$. Vậy, để tối đa hóa lợi nhuận, hãng này sẽ thuê một lượng lao động là $L^*_1 = 5$.

b. Làm tương tự câu (a), khi $w = 40.000$ đồng/ngày và $P = 40.000$ đồng/sản phẩm thì lượng lao động mà hãng sẽ thuê để tối đa hóa lợi nhuận là $L^*_2 = 6$.

c. Khi năng suất lao động tăng lên $\rightarrow MP_L$ tăng $\rightarrow MRP_L$ tăng, đường MRP_L dịch chuyển sang phải. Vì vậy, với cùng một mức tiền công, lúc này số lao động được thuê sẽ tăng lên.

Bài số 4:

Một cái máy giá 11.000 USD, sau hai năm hoạt động cho cả vốn và lãi là 14.520 USD. Giả định chiếc máy đó được mua bằng tiền đi vay với lãi suất là 10%/năm, sau hai năm phải hoàn trả toàn bộ cả vốn lẫn lãi. Theo bạn, doanh nghiệp có nên đầu tư mua chiếc máy đó không? Tại sao?

Trả lời:

Cách 1: So sánh giá trị trong tương lai của hai sự lựa chọn:

Giá trị tương lai của khoản tiền 11.000 USD là:

$$FV = 13.310 \text{ (USD)} < 14.520 \text{ (USD)}$$

Cách 2: So sánh giá trị trong hiện tại của hai sự lựa chọn:

Giá trị hiện tại của khoản tiền 14.520 USD là:

$$PV = 12.000 \text{ (USD)} > 11.000 \text{ (USD)}$$

Kết luận: Nên đầu tư mua chiếc máy đó.

Bài số 5:

Giả định ở một khu vực A có diện tích đất là 10 nghìn m², cầu về mảnh đất này được cho bởi bảng số liệu sau:

Giá thuê đất (đơn vị: triệu đồng/ngày m ²)	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Lượng đất (nghìn m ²)	24	22	20	18	16	14	12	10	8	6

- Xác định mức giá thuê đất?
- Số lượng đất được thuê sẽ là bao nhiêu?
- Vẽ đồ thị minh họa thị trường đất đai?

d. Nếu chính phủ áp đặt mức thuế 11 triệu đồng/ngày m² đất, khi đó giá thực tế thuê đất sau thuế mà chủ đất đai được hưởng là bao nhiêu? Số lượng đất đai được thuê là bao nhiêu?

Trả lời:

- Mức giá thuê đất là: 11 triệu đồng/ngày m².
- Số lượng đất được thuê sẽ là 10000 m².
- Người đọc tự vẽ đồ thị minh họa thị trường đất đai.

d. Nếu chính phủ áp đặt mức thuế 11 triệu đồng/ngày m² đất, khi đó giá thực tế thuê đất sau thuế mà chủ đất đai được hưởng là 0 đồng. Số lượng đất đai được thuê vẫn là 10000 m².

Phần 7 - Bài tập thực hành tự giải

Bài số 1:

Một hãng cạnh tranh hoàn hảo có bảng số liệu về số lao động và số sản phẩm làm ra trong 1 giờ như sau (biết rằng giá bán một đơn vị sản phẩm của hãng là 2\$):

L	Q	MP_L	TR	MRP_L
0	0			
1	10			
2	22			
3	32			
4	40			
5	48			
6	53			
7	57			
8	60			

a. Điền vào bảng các giá trị TR, MP_L và MRP_L .

b. Để tối đa hóa lợi nhuận, hãng sẽ thuê bao nhiêu lao động nếu mức tiền công là 7\$/giờ?

c. Cũng câu hỏi như trên nhưng bây giờ mức tiền công trả cho lao động là 12\$/giờ?

Bài số 2:

Một hãng cạnh tranh hoàn hảo đang sản xuất trong ngắn hạn với vốn cố định. Mức giá bán sản phẩm trên thị trường là 1\$/sản phẩm. Số lượng sản phẩm làm ra tương ứng với số lao động được thuê cho ở bảng sau:

L	0	1	2	3	4	5
Q	0	10	18	24	28	30

a. Nếu mức tiền công trên thị trường là $w = 6\$/\text{lao động}$, hãng sẽ thuê bao nhiêu lao động để tối đa hóa lợi nhuận?

b. Cũng hỏi như trên nhưng bây giờ mức tiền công giảm xuống chỉ còn $4\$/\text{lao động}$?

Bài số 3:

Một hãng độc quyền trên thị trường sản phẩm đầu ra có hàm cầu là $P = 100 - 2Q$. Hãng chỉ sử dụng yếu tố đầu vào lao động và hàm sản xuất của hãng có dạng $Q = 2L$. Thị trường lao động của hãng là thị trường cạnh tranh hoàn hảo và mức tiền công cân bằng trên thị trường $w = 8\%$.

a. Hãng độc quyền này sẽ thuê bao nhiêu lao động để tối đa hóa lợi nhuận? Khi đó hãng sẽ sản xuất bao nhiêu sản phẩm và lợi nhuận mà hãng thu được là bao nhiêu?

b. Giả sử bây giờ năng suất của mỗi lao động đều tăng lên gấp đôi. Nếu vẫn theo đuổi mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận hãng sẽ thuê bao nhiêu lao động? So sánh lợi nhuận trong trường hợp này với trường hợp khi năng suất lao động chưa tăng ?

Bài số 4:

Trong một thị trường cạnh tranh hoàn hảo, số liệu về lượng sản phẩm A của hãng được làm ra trong 1 ngày tương ứng với lượng lao động như sau:

Số lượng lao động	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Lượng sản phẩm A	10	20	28	34	38	40	40	30	20

a. Hãy xác định số lượng lao động được thuê với mức tiền công 40000 đồng/ngày, nếu biết sản phẩm A bán được 20000 đồng/sản phẩm?

b. Giả sử giá bán sản phẩm bây giờ là 10000 đồng/sản phẩm. Lượng lao động được thuê của hãng sẽ tăng lên hay giảm đi, mức cụ thể là bao nhiêu?

c. Lượng lao động được thuê sẽ tăng hay giảm nếu năng suất lao động của mỗi lao động tăng lên? Minh họa bằng đồ thị?

Bài số 5:

Một hãng thuê lao động để sản xuất trong thị trường cạnh tranh hoàn hảo. Hãng đang sản xuất trong ngắn hạn có đầu vào lao động biến đổi, còn đầu vào vốn cố định. Hàm sản xuất của hãng có phương trình sau: $Q = 240L - 2L^2$ (sản phẩm/tuần). Giá bán của sản phẩm trên thị trường là $P = 10\$$.

a. Hãng sẽ thuê bao nhiêu lao động để tối đa hóa lợi nhuận, nếu giá thuê lao động là $w = 100\$/\text{tuần}$?

b. Hãng sẽ thuê bao nhiêu lao động để tối đa hóa lợi nhuận, nếu giá thuê lao động là $w = 80\$/\text{tuần}$?

c. Giả sử năng suất lao động tăng lên, khi đó số lượng lao động mà hãng muốn thuê tăng hay giảm, vì sao?

Bài số 6:

Cầu lao động của một ngành được cho bởi $L = 1500 - 5w$ và đường cung lao động được cho bởi $L = -100 + 5w$, trong đó L là lượng cầu lao động một ngày và w là mức tiền công của người lao động trong một ngày.

a. Xác định mức tiền công và lượng lao động cân bằng?

b. Tô kinh tế các công nhân kiếm được là bao nhiêu?

c. Giả sử cầu lao động của ngành giảm, đường cầu lao động mới là $L = 1300 - 5w$, khi đó mức tiền công và lượng lao động mới cân bằng trên thị trường sẽ là bao nhiêu? Tô kinh tế có thay đổi không?

d. Nếu chính phủ quy định mức tiền công tối thiểu là $w = 180$ đơn vị tiền tệ/ngày công lao động, khi đó hãy xác định lượng người thất nghiệp do quy định mức tiền công này. Hãy so sánh tổng thu nhập của người lao động trong trường hợp tiền công cân bằng và mức tiền công này.

Bài số 7:

Giả định ở một khu vực A có diện tích đất là 6000 m², cầu về mảnh đất này được cho bởi bảng số liệu sau:

Giá thuê đất (đơn vị: triệu đồng/ngheìn m ²)	50	60	70	80	90	100	110	120	130
Lượng đất (ngheìn m ²)	8	8	7	6	5	4	3	2	1

- Xác định mức giá và số lượng đất đai được thuê?
- Vẽ đồ thị minh họa thị trường đất đai?
- Nếu chính phủ áp đặt mức thuế 10 triệu đồng/ngheìn m² đất, khi đó giá thực tế thuê đất sau thuế mà chủ đất đai được hưởng là bao nhiêu? Số lượng đất đai được thuê sẽ là bao nhiêu?
- Tính tô kinh tế tại mức giá cân bằng?
- Giả sử lượng cầu về đất tăng 1000m² tương ứng với mỗi mức giá, khi đó giá trị được tính toán ở các câu a, b, c và d có thay đổi không? Vì sao?

Bài số 8 (*):

Người A có số tiền ban đầu là 500\$. Người này đang có cơ hội lựa chọn 1 trong 2 dự án đầu tư sau:

- Dự án 1: cần số tiền đầu tư ban đầu là 650\$. Khoản đầu tư này mang lại số tiền là 200\$ sau năm thứ nhất và 540\$ vào năm thứ hai và 60\$ vào năm thứ ba.

- Dự án 2: cần số tiền đầu tư ban đầu là 400\$. Nếu đầu tư vào dự án này, người A sẽ nhận được số tiền là 630\$ sau mỗi năm trong vòng 2 năm.

Giả sử rằng ngân hàng có thể cho vay hoặc nhận tiền gửi với số lượng bất kỳ ở mức lãi suất thị trường. Lãi suất thị trường là 25%/năm trong năm thứ nhất và 20%/năm từ năm thứ hai trở đi.

Người A có nên đầu tư hay không? Nếu có đầu tư người A nên đầu tư vào dự án nào?

ĐÁP ÁN CÁC PHẦN 4 VÀ 5 CỦA CHƯƠNG 7

1. Đáp án phần Câu hỏi đúng hay sai

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Đ	Đ	S	Đ	S	S	S	Đ	Đ	Đ	S	S	S
14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
Đ	Đ	S	S	Đ	S	S	S	S	Đ	Đ	S	S

2. Đáp án phần Lựa chọn một câu trả lời đúng nhất

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
c	b	c	b	a	b	b	a	c	b	a	d	c
14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
a	c	c	b	d	d	a	a	c	e	c	a	d
27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37		
a	c	b	a	b	a	a	d	c	d	c		

CÁC THUẬT NGỮ THEN CHỐT

Tiếng Việt	Tiếng Anh
Cạnh tranh độc quyền	Monopolistic Competition
Cạnh tranh hoàn hảo	Perfect Competition
Cầu	Demand (D)
Cầu co giãn đơn vị	Unitary elastic demand
Cầu hoàn toàn co giãn	Perfectly elastic demand
Cầu hoàn toàn không co giãn	Perfectly inelastic demand
Cầu tương đối co giãn	Relatively elastic demand
Cầu tương đối không co giãn	Relatively inelastic demand
Chi phí ẩn	Implicit Costs
Chi phí biến đổi	Total Variable Costs (TVC)
Chi phí cận biên	Marginal Cost (MC)
Chi phí cố định	Total Fixed Costs (TFC)
Chi phí cơ hội	Opportunity Costs
Chi phí hiện	Explicit Costs
Chính phủ	Government
Cơ chế kinh tế	Economic Mechanism
Co giãn chéo của cầu	Cross elasticity of demand
Co giãn của cầu theo giá	Price elasticity of demand
Co giãn của cầu theo thu nhập	Income elasticity of demand
Co giãn của cung theo giá	Price elasticity of supply
Công suất thừa	Excess Capacity
Cung	Supply (S)
Dài hạn	Long-run
Điểm đóng cửa	Shut-down point

Tiếng Việt	Tiếng Anh
Điểm hòa vốn	Break-even point
Doanh nghiệp, hãng	Firm
Doanh thu cận biên	Marginal Revenue (MR)
Độc quyền bán	Monopoly
Độc quyền mua	Monopsony
Độc quyền tập đoàn	Oligopoly
Đường bàng quan	Indifference curve
Đường cầu	Demand curve
Đường cung	Supply curve
Đường giới hạn khả năng sản xuất	Production Possibility Frontier (PPF)
Giá cân bằng	Equilibrium price (P_e)
Giỏ hàng hóa	Bundle
Hàm sản xuất	Production function
Hàng hóa bình thường	Normal goods
Hàng hóa bổ sung	Complements
Hàng hóa thay thế	Substitutes
Hàng hóa thiết yếu	Necessities
Hàng hóa thứ cấp	Inferior goods
Hàng hóa xa xỉ	Luxury goods
Hàng rào gia nhập	Entry Barriers
Hiệu quả kinh tế	Economic Efficiency
Hiệu quả sản xuất	Production Efficiency
Hiệu suất giảm theo quy mô	Decreasing Returns to Scale
Hiệu suất không đổi theo quy mô	Constant Returns to Scale
Hiệu suất tăng theo quy mô	Increasing Returns to Scale
Hộ gia đình	Household
Kinh tế học	Economics

Tiếng Việt	Tiếng Anh
Kinh tế học chuẩn tắc	Normative Economics
Kinh tế học thực chứng	Positive Economics
Kinh tế học vi mô	Microeconomics
Kinh tế học vĩ mô	Macroeconomics
Lợi ích	Utility (U)
Lợi ích cận biên	Marginal Utility (MU)
Lợi nhuận kế toán	Accounting Profit
Lợi nhuận kinh tế	Economic Profit
Lợi nhuận thông thường	Normal Profit
Lựa chọn	Choice
Lượng cân bằng	Equilibrium quantity (Q_e)
Lượng cầu	Quantity demanded (Q_D)
Lượng cung	Quantity supplied (Q_S)
Lương tối thiểu	Minimum wage
Lý thuyết kinh tế	Economic Theory
Lý thuyết tiêu dùng	Consumer theory
Lý thuyết về lợi ích đo được	Cardinal Utility Theory
Mô hình đường cầu gãy khúc	Kinked Demand Curve Model
Nền kinh tế	Economy
Ngắn hạn	Short-run
Nhu cầu	Need
Người chấp nhận giá	Price Taker
Người đặt giá	Price Maker
Phân biệt giá	Price Discrimination
Phân tích cận biên	Marginal Analysis
Quy luật chi phí cơ hội tăng dần	The law of increasing opportunity cost
Quy luật lợi ích cận biên giảm dần	Principle of diminishing marginal utility

Tiếng Việt	Tiếng Anh
Quy luật năng suất cận biên giảm dần	The Law of Diminishing Returns
Quy tắc định giá	Pricing Rule
Sản lượng tối đa hóa lợi nhuận	Profit Maximizing Output
Sản phẩm bình quân	Average Product (AP)
Sản phẩm cận biên	Marginal Product (MP)
Sản phẩm doanh thu cận biên	Marginal Revenue Product
Sản phẩm đồng nhất	Homogenous Product
Sở thích	Preference
Sự khan hiếm	Scarcity
Sự lựa chọn của người tiêu dùng	Consumer's choice
Sự phân biệt sản phẩm	Product Differentiation
Sức mạnh thị trường	Market Power
Tăng trưởng kinh tế	Economic Growth
Thất nghiệp	Unemployment
Tiền công	Wage (w)
Tiền lương	Salary
Tính bắc cầu	Transitivity
Tính hoàn chỉnh	Completeness
Tính phản thân	Reflexivity
Tối đa hóa lợi nhuận	Profit Maximization
Tối thiểu hóa thua lỗ	Loss Minimization
Tổng chi phí	Total costs (TC)
Tổng doanh thu	Total revenue (TR)
Tổng lợi ích	Total Utility (TU)
Tỷ lệ thay thế cận biên	Marginal Rate of Substitution (MRS)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2005). *Kinh tế học vi mô*. (Tái bản lần thứ 6). Nhà xuất bản Giáo dục.
2. Bentick, T.G. & Spencer, D.E. (1992). *Economics: Study Guide*. Addison-Wesley Publishing Company.
3. Christopher, R.T.& S.Charles. (2005). *Managerial Economics*, Eighth Edition. McGraw-Hill
4. Vũ Kim Dũng. (2006). Nguyên lý Kinh tế học vi mô. Đại học Kinh tế quốc dân. Nhà xuất bản thống kê.
5. Frank, R.H. (2003). *Microeconomics and Behavior*. New York: McGraw-Hill.
6. Gravelle, H. & Rees, R. (2004). *Microeconomics*. (Ed.).Essex: Pearson Education Limited.
7. Phạm Văn Minh. (2005). *Bài tập Kinh tế học vi mô*. Hà Nội: Nhà xuất bản Lao động - Xã hội.
8. Nicholson, W. & Stapleton, D.C. (1998). *Microeconomic Theory: Basic Principles and Extensions*. (Ed.) Florida: Harcourt Brace & Company.
9. Perloff, J.M. (2004). *Microeconomic*. (Ed.). Pearson Education Inc.
10. Pindyck, R.S. & Rubinfeld, D.L. (1999). *Kinh tế học vi mô*. (Đại học Kinh tế Quốc dân dịch). Nhà xuất bản Thống kê.
11. Ragan, J.F. & Thomas, L.B. (1993). *Principles of Microeconomics*. (Ed.). Florida: Harcourt Brace Jovanovic.
12. Walstad, W.B. & Bingham, R.C. (1999). *Study Guide to Accompany McConnell and Brue Microeconomics*. (Ed.) New York: McGraw-Hill.

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	3
Chương 1:	
TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ HỌC VI MÔ	7
Phần 1 - Mục đích và yêu cầu của chương	7
Phần 2 - Tóm tắt nội dung lý thuyết	8
Phần 3 - Câu hỏi ôn tập	18
Phần 4 - Câu hỏi đúng/sai	19
Phần 5 - Lựa chọn một câu trả lời đúng nhất	21
Phần 6 - Bài tập thực hành có lời giải	32
Phần 7 - Bài tập thực hành tự giải	35
ĐÁP ÁN CÁC PHẦN 4 VÀ 5 CỦA CHƯƠNG 1	37
Chương 2:	
CUNG CẦU VÀ CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA THỊ TRƯỜNG	38
Phần 1 - Mục đích và yêu cầu của chương	38
Phần 2 - Tóm tắt nội dung lý thuyết	39
Phần 3 - Câu hỏi ôn tập	60
Phần 4 - Câu hỏi đúng/sai	61
Phần 5 - Lựa chọn một câu trả lời đúng nhất	63
Phần 6 - Bài tập thực hành có lời giải	75
Phần 7 - Bài tập thực hành tự giải	89
ĐÁP ÁN CÁC PHẦN 4 VÀ 5 CỦA CHƯƠNG 2	94
Chương 3:	
LÝ THUYẾT VỀ HÀNH VI CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG	95
Phần 1 - Mục đích và yêu cầu của chương	95
	305

Phần 2 - Tóm tắt nội dung lý thuyết	96
Phần 3 - Câu hỏi ôn tập	109
Phần 4 - Câu hỏi đúng/sai	110
Phần 5 - Lựa chọn một câu trả lời đúng nhất	113
Phần 6 - Bài tập thực hành có lời giải	124
Phần 7 - Bài tập thực hành tự giải	138
ĐÁP ÁN CÁC PHẦN 4 VÀ 5 CỦA CHƯƠNG 3	144
Chương 4:	
LÝ THUYẾT VỀ HÀNH VI CỦA HÃNG	145
Phần 1 - Mục đích và yêu cầu của chương	145
Phần 2 - Tóm tắt nội dung lý thuyết	146
Phần 3 - Câu hỏi ôn tập	167
Phần 4 - Câu hỏi đúng/sai	168
Phần 5 - Lựa chọn một câu trả lời đúng nhất	171
Phần 6 - Bài tập thực hành có lời giải	183
Phần 7 - Bài tập thực hành tự giải	190
ĐÁP ÁN CÁC PHẦN 4 VÀ 5 CỦA CHƯƠNG 4	195
Chương 5:	
THỊ TRƯỜNG CẠNH TRANH HOÀN HẢO	196
Phần 1 - Mục đích và yêu cầu của chương	196
Phần 2 - Tóm tắt nội dung lý thuyết	197
Phần 3 - Câu hỏi ôn tập	206
Phần 4 - Câu hỏi đúng/sai	207
Phần 5 - Lựa chọn một câu trả lời đúng nhất	209
Phần 6 - Bài tập thực hành có lời giải	221
Phần 7 - Bài tập thực hành tự giải	225
ĐÁP ÁN CÁC PHẦN 4 VÀ 5 CỦA CHƯƠNG 5	230

Chương 6:	
THỊ TRƯỜNG ĐỘC QUYỀN THUẦN TÚY	231
Phần 1 - Mục đích và yêu cầu của chương	231
Phần 2 - Tóm tắt nội dung lý thuyết	232
Phần 3 - Câu hỏi ôn tập	243
Phần 4 - Câu hỏi đúng/sai	244
Phần 5 - Lựa chọn một câu trả lời đúng nhất	246
Phần 6 - Bài tập thực hành có lời giải	256
Phần 7 - Bài tập thực hành tự giải	259
ĐÁP ÁN CÁC PHẦN 4 VÀ 5 CỦA CHƯƠNG 6	262
Chương 7:	
THỊ TRƯỜNG CÁC YẾU TỐ SẢN XUẤT	263
Phần 1 - Mục đích và yêu cầu của chương	263
Phần 2 - Tóm tắt nội dung lý thuyết	264
Phần 3 - Câu hỏi ôn tập	277
Phần 4 - Câu hỏi đúng/sai	278
Phần 5 - Lựa chọn một câu trả lời đúng nhất	280
Phần 6 - Bài tập thực hành có lời giải	290
Phần 7 - Bài tập thực hành tự giải	294
ĐÁP ÁN CÁC PHẦN 4 VÀ 5 CỦA CHƯƠNG 7	298
CÁC THUẬT NGỮ THEN CHỐT	299
TÀI LIỆU THAM KHẢO	303

BÀI TẬP VÀ HƯỚNG DẪN GIẢI KINH TẾ HỌC VI MÔ I

Chịu trách nhiệm xuất bản:
GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
ThS. ĐỖ VĂN CHIẾN

Biên tập:
VƯƠNG NGỌC LAM

Trình bày:
TRẦN MẠNH HÀ - BÙI DŨNG THẮNG

Sách được xuất bản tại:

NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ

Địa chỉ: 86-98 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội
Tel: (024) 38 471 483; Fax: (024) 38 473 714
Website: nxbthongke.com.vn
Email: xuatbanthongke@gmail.com

In 500 cuốn, khổ 16 × 24cm, tại Nhà xuất bản Thống kê - Công ty In và Thương mại Đông Bắc,
Địa chỉ: Số 15, Ngõ 14, Phố Pháo Đài Láng, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.
Số xác nhận ĐKXB: 3094-2017/CXBIPH/02-38/TK do Cục Xuất bản - In và Phát hành cấp ngày 14/9/2017.
QĐXB số 178/QĐ-NXBTK ngày 27/9/2017 của Giám đốc - Tổng biên tập NXB Thống kê.
In xong, nộp lưu chiểu: tháng 10 năm 2017.